

Bộ Sách thu góp những tinh hoa của nền Văn Học Việt Nam. Sưu tầm và tuyển chọn công phu đã hơn một năm trời. Nay sắp xuất bản:

# TINH HOA TUYỂN TẬP

精  
華  
選  
輯

do TRẦN-QUỐC-BẢO biên tập

## TRÍCH TỰA

..... Lịch sử văn học bắt đầu ghi lại sự phát triển tốt đẹp này. Đó là một bước tiến dài, quá dài khiến cho con cháu chúng ta sau này chắc sẽ phải ngạc nhiên khi ngó lại quá trình Văn học của những thế hệ cũ. Cho nên khu vườn văn chương Việt-Nam đến nay đã có thêm nhiều đóa hoa thơm ngát mới lạ bên những đóa hoa cổ điển cổ hữu. Mỗi khi bước vào khu vườn đầy hương sắc này những người yêu mến văn chương không thể không cảm thấy lòng mình xôn xao vì bao niềm rung động, bao nỗi xúc cảm.

Chúng tôi cũng là kẻ sung sướng và tự hào mỗi khi vào du ngoạn trong khu vườn đó.

Giữa ngàn hoa tươi thắm mịn màng, chúng tôi sẽ lần lượt lựa chọn rồi thu góp những đóa hoa kiều diễm, khả ái và thơm tho hơn cả; thành từng bó để gửi đến các bạn bốn phương.

Phải chăng đây là những kỷ niệm của một thời đại văn học chừng 60 năm nay mà chúng ta có thể gọi một cách tự hào là thời đại hoàng kim của tư tưởng.

.....

# PHỒ-THÔNG

TAP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỒ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỠ

Giám Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ. T. Saigon 558

**BỘ MỚI SỐ 3 ✨ 15-12-1958**

Số trang

1.— Thân chào bạn đọc. . . . .	Phồ Thông	11
2.— Đáp bạn bốn phương. . . . .	P. T.	12
3.— Nên mở rộng chương trình ngoại ngữ. . . . .	Nguyễn Vỹ	13 — 14
4.— Năm xương của vua Quang Trung. . . . .	Đoàn Luyện	15 — 18
5.— Nữ chúa kết hôn. . . . .	Huỳnh bội Hoàng	19 — 23
6.— Ngử học. . . . .	Lê ngọc Trụ	24 — 28
7.— Lối cầu thả rất nguy hiểm. . . . .	Ba Tèo	29 — 30
8.— Sông núi miền Nam. . . . .	Thái văn Kiềm	31 — 35
9.— Một màu văn mới. . . . .	Đoàn quan Tấn	36 — 39
10.— Lope de Vega (thi hào Y-Pha-Nho) . . . . .	Phạm công Thiện	40 — 44
11.— Thoảng buồn. . . . .	Trần hoan Trinh	45
12.— Cái máy đánh chữ. . . . .	Cô Bạch Yến	46 — 49
13.— Minh ơi ! (Nhà tôi đời tự tử). . . . .	Cô Diệu Huyền	50 — 55
14.— Tôi làm phim. . . . .	Thái thức Diễn	56 — 60
15.— Gỏi xanh cầm (món ăn Phồ Thông) . . . . .	Bà Thường Lạc	61

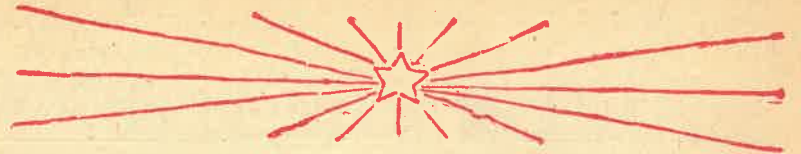
	Số trang
16.— Trách nhiệm người điết sử . . . . .	Như Ban 62 — 66
17.— Phụ nữ thế tục . . . . .	Cô Tuyết Anh 67 — 70
18.— Kiên Trinh (truyện dài) . . . . .	Cô Vân Nga 71 — 74
19.— Những người đời trước . . . . .	Nguyễn Thu Minh 75 — 78
20.— Sách mới xuất bản . . . . .	Hồ thị Lý 79
21.— Thuyết Tân Dân (Lương Khải Siêu) . . . .	Trần tuần Khải 80 — 83
22.— Trả lời câu hỏi Phò Thông số 2 . . . . .	Cô Diệu Huyền 84 — 86
23.— Nguyên tử có mấy thứ . . . . .	Thân Văn 87 — 92
24.— Ánh đèn (truyện dài) . . . . .	Vi Huyền Đắc 93 — 99
25.— Sài Gòn 100 năm về trước . . . . .	Đặng văn Nhâm 100—105
26.— Sân khấu cải lương . . . . .	Nguyễn Ang Ca 106—108
27.— Văn nghệ sĩ thanh niên hiện đại . . . . .	Lâm vị Thủy 109—112
28.— Muốn biết ngày nào thụ thai và . . . . .	Abraham Stone } ngày nào không thụ thai . . . . . và Nguyễn văn Khương } 113—120
29.— Kho vàng dưới đáy biển . . . . .	Trần quốc Bảo 121
30.— Buồn ơi ! chào mi (Bonjour tristesse) . . . .	cô Diệu Huyền 122—126
31.— Việt-Nam 4.000 ca-dao . . . . .	Ba Tèo 127—129
32.— Nhờ các bạn trả lời giùm . . . . .	Ba Tèo 130

- ★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu . . . . . cô Diệu-Huyền
- ★ Tranh vẽ . . . . . Thái Thúc Điển  
Duy-Liêm  
Đặng-Nhâm
- ★ Bản kẽm . . . . . Nguyễn-Diêu
- ★ In offset Bìa . . . . . Đông-Nam-Á

• Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



# THÂN GIAO BAN ĐỌC

**B**ẠN thân-mến, một lần nữa, xin bạn cho phép chúng tôi cảm tạ thịnh tình của bạn đã đón tiếp PHỒ - THÔNG số 2 một cách quá nồng hậu, quá nhiệt liệt, khiến chúng tôi vừa hân-hạnh vô cùng vừa ái-ngại không ít.

Ái-ngại, vì mặc dầu chúng tôi đã cố gắng bồi đắp những khuyết điểm của số 1, chúng tôi vẫn còn thấy, khi tạp chí số 2 đã in xong rồi, chưa được hoàn toàn thỏa mãn. Vẫn còn nhiều lỗi ấn-loát, nhiều vụng-về, nhiều vết vàng hấp tấp, sự sửa bài cũng như sự sắp xếp chưa được hoàn mỹ lắm.

Bạn nhiệt thành hoan nghênh nó, chúng tôi rằng Bạn đã thông cảm rất nhiều với chúng tôi, vừa trông nom bài vở nội dung, vừa săn sóc về kỹ thuật ấn loát cùng với anh em ấn công rất tận tâm với nghề.

Chúng tôi sẽ cố gắng mãi không ngừng, để bỏ khuyết dần dần, trong số 3 này cũng như trong các số sau, để mong hiến Bạn và rất đông các bạn ngoại quốc đã

gởi lời khuyến khích chúng tôi một tạp chí văn hóa Việt-nam xứng với các tạp chí Văn hóa quốc tế.

Sự tái bản số 1, từ con số rất khiêm tốn là 10.000 thêm lên 15.000 trong mấy ngày đầu, và sự phát hành 20.000 số 2 này chứng tỏ rằng một số khá đông Thanh-niên Việt-nam và đồng bào các giới VĂN HAM CHUÔNG VĂN-HÓA, chứ không phải đều say mê hoan lạc về vật chất không thôi.

Cương quyết giữ mãi giữ bán 10 đồng, ấy là chúng tôi sẵn sàng và vui vẻ tiếp tục hy sinh mãi để mong tạp chí Văn-hóa PHỒ-THÔNG được phổ biến sâu rộng hơn nữa trong khắp các tầng lớp ham học hỏi của Nhân-dân

Chúng tôi sẽ cố tránh được chừng nào hay chừng nấy các lỗi văn thuyết luận suông, nặng



nề, khô khan, không đem lại những yếu tố học vấn có lợi ích thiết thực cho sự mở mang trí thức của đồng bào. Chúng tôi muốn góp một phần nhỏ mọn trong sự xây đắp **MỘT CĂN BẢN VĂN - HÓA PHỔ THÔNG** cho những bạn nào nhận thấy rằng căn bản ấy rất cần thiết cho đời sống cá nhân và quốc gia giữa

thời đại tiến bộ này.

Chuyện đời, bất cứ lớn nhỏ, đều sẽ biến đổi luôn luôn. Duy có **VĂN HÓA** là không bao giờ lỗi thời, và không bao giờ mất chừng đúng trong thời gian.

Văn-Hóa trường tồn bất diệt, phải không, Bạn ?

Chào Văn hóa.

## ★ **Đáp bạn bốn phương** ★

● **Ông Đoàn ngọc Quỳnh Saigon :**

Xin ông cứ gửi các bài ấy đến cho chúng tôi xem. Cảm ơn Ông.

● **Ông Nguyễn văn Thọ, Quảng-ngãi :**

Cảm ơn thịnh tình của Ông đối với tạp chí **Phổ-Thông** và **Bóng Lửa**. Các chuyện ngắn mà Ông đã hỏi, rất tiếc là ở tòa soạn không có lệ trả lại bản thảo. Chào thân mến.

● **Bạn Trần Quốc Cầm k. b. c. 4705 :**

Vì **Phổ Thông** số 1 gửi đi các tỉnh bị lạc mất khá nhiều, nên kể từ số 2 chúng tôi rất tiếc phải ngưng bán báo dài hạn. Vậy xin bạn vui lòng mua **Phổ thông** tại nơi bạn ở có lẽ tiện hơn.

● **Ông Ngọc Quỳnh Saigon**

Hiện nay tại tòa soạn chúng tôi cũng đang cần các số **Phổ Thông** cũ, nên rất tiếc không thể làm vừa ý ông.

● **Bạn Nguyễn văn Tấn Saigon :**

Nếu thuận tiện chúng tôi sẽ cho xuất bản lại, tạp chí **Phổ Thông** bộ cũ. Về việc lấy bài trong **Phổ Thông** cũ để đăng lại vào trong **Phổ Thông** mới, rất tiếc không thể làm được. Bạn thông-cảm cho.

● **Ông Đoàn vinh Thịnh k. b. c. 4177 :**

Ông cứ gửi bài về tòa soạn **Phổ-Thông**, nếu xem được, chúng tôi sẽ lần lượt cho đăng.

● **Ông bạn gửi mấy trang ca dao và bài : « Một câu phê, một chiếc đầu rụng ».**

Xin Ông cho biết quý danh và địa chỉ.

● **Bạn Đặng văn Gấm :**

Hiện nay chúng tôi cũng không biết rõ địa chỉ của Ông **Kim-hoàng-Thư** thành thử chúng tôi rất tiếc không thể giúp bạn được. Mong bạn thông cảm cho.



# NÊN MỞ RỘNG

## CHƯƠNG TRÌNH

### ngoại ngữ ở học đường



**H**ết mọi người, từ cô bác bạn học cấp Trung học và Đại học, đều nhận thấy rằng môn tiếng Anh hiện của học sinh ta ngày nay kém xa học sinh các nước trước. Đó là một thực tế mà những kẻ có thiên ý đều không chối cãi. Bởi vì học lực của một sinh viên tốt nghiệp 1938 quả thật không bằng một sinh viên tốt nghiệp 1938. Sự chênh lệch rất xa giữa hai trình độ học vấn chúng ta rất đáng buồn rằng thanh niên Việt-nam ngày nay đang đi lùi, chứ không tiến bước.

Xem bài vở học tập của các bạn học sinh các lớp, đọc các bài thi của các thí sinh các bậc, — hơn nữa, chúng ta cần nhìn vào khoản của các bạn thi đỗ Trung-học muốn lên Đại-học, và những thắc mắc của chính các bạn sinh viên Đại-học trong nước hiện thời, không ai là không ái ngại cho nền đồ học-thuật và văn-hóa của quốc gia Việt-nam.

Nếu tôi không lầm, thì Bộ-Quốc Gia Giáo-Dục của chính phủ Cộng-Hòa đang đứng trước một hiện tượng tiến thoái lưỡng-an. Có thể nói rằng nước nhà hiện nay đang thắc mắc trong lương tâm, không khủng khiếp trách nhiệm của một quyết định thiếu chín và can đảm.

Tôi muốn nói sự rút hẹp chương trình học tập ở các học đường trong phạm vi ngoại-ngữ. Và đây là mấy quan điểm sai lầm mà tôi mong người ta nên cứu xét lại cho thích hợp với thực tế hơn.

Nhiều người hiểu lầm rằng lòng yêu nước bắt buộc người Việt-nam phải chuyên môn học tiếng Việt-nam mà thôi. Phải nói ngay rằng nhân-dân Việt-nam mà đại đa số là thanh niên, đã chiến đấu anh dũng để thực hiện được nước Việt-nam độc-lập ngày nay, thì chúng ta không cần một người nào cho chúng ta bài học ái-quốc nữa.

Trên lĩnh vực văn hóa, nếu có kẻ nghĩ rằng người Việt-nam yêu nước chỉ nên học tiếng Việt-nam, nói tiếng Việt-nam, viết chữ Việt-nam mà thôi, ấy là họ chứng tỏ một lòng yêu nước rất đối hẹp hòi, nếu không nói rằng ấy là một quá khích câu nệ, bất hợp thời và phản tiến bộ. Huống chi các nước bạn ở Đông Nam Á đang nêu một tấm gương ái-quốc rực rỡ kia kia : Nhật-bản, Ấn độ — chỉ kể hai quốc gia tiến bộ hơn ta đó thôi — vẫn dùng Anh-ngữ làm quốc-ngữ chính-thức trên toàn diện quốc gia của họ. Cứ đi một vòng qua Tokyo hay New-Delhi, chúng ta sẽ biết rõ ràng ngay.

Họ dạy Anh-ngữ cho thanh-niên học-sinh ngay từ các lớp nhỏ, nhờ vậy mà khi qua hết bậc Trung-học, học-sinh của họ lên Đại-học đã hấp thụ được một trình-độ văn-hóa ngang hàng với các trường Đại học ngoại quốc ở Âu-Mỹ.

Họ còn gửi được các sinh viên đại-học Chuyên-khoa của họ sang học thêm ở các trường Đại-học lớn ngoại quốc, tại đây họ thọ-giáo với các nhà Thông-thái lừng lẫy tiếng tăm trên Thế-giới, và họ tham gia vào tất cả các cuộc nghiên-cứu vĩ-đại của Văn-minh Tiến-bộ. Nhờ vậy mà các nhà Văn-sĩ Nghệ sĩ, Bác-học, Giáo-sư của họ, với căn-bản trí-thức ngoại-ngữ đầy đủ, dư dả, không thua kém các nhân tài quốc-tế.

Vì sao các dân tộc kia chịu áp dụng ngoại-ngữ trong công việc tiến-triển Văn-hóa Quốc-Gia của họ ? Vì họ nhận thấy tiếng nói của nước họ không có đủ các đặc-tính cần-thiết để đồng-hóa với Tiến-bộ của thời đại, trong lúc một vài ngoại-ngữ, nhất là Anh và Pháp-ngữ, nhờ sự dồi dào không thể so sánh được và sự tinh-xác đã tuyệt-hảo của nó, đã thành ra những ngôn ngữ Quốc-tế của thời đại đương-kim.

Dù muốn, dù không, một nhà trí thức đầy đủ hoặc một nhà Bác-học uyên-thâm ở thời buổi này không thể không biết ít nhất là hai ngôn-ngữ Quốc-tế như tiếng Anh hay tiếng Pháp.

(Còn nữa)



### Sắc mệnh chỉ bảo

Đây là sắc ân của vua Quang-Trung ban cho Phan-huy-Ích (mất một nửa trước), ngày 18 tháng 4 niên hiệu Quang Trung thứ năm, 1792 (Tài liệu Hoa-Băng).

**V**UA Quang-trung Nguyễn Huệ, vị anh hùng áo vải của dân tộc Việt-Nam ! Nghe hai tiếng Nguyễn Huệ, lòng người tự nhiên cảm thấy đầu dây tiếng cười vang chiến thắng, cờ bay rợp trời thành Thăng-long. Tiếng cười ấy còn âm vang muôn thuở : "Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta đã có mẹo đuổi tan quân Tàu trong mười ngày là xong việc". Đứng lặng ngắm dòng sông Nhị - hà muôn đời tuôn chảy, ai có biết đó là năm mồ của hàng

vạn quân Thanh. Và khiến chúng ta hình dung chiếc áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực, nhắc nhở ngàn năm công chiến thắng của vua Quang-Trung đánh tan giặc Tàu Tôn-sĩ-Nghị.

Con người anh hùng Nguyễn Huệ tiếng còn đây, danh vẫn còn vang dậy đến trời Âu, sánh với Napoléon chẳng thẹn chút nào ! Nhưng ngày nay, không một ai có thể tìm được năm xương tăn của vị anh hùng liệt-liệt oanh-oanh khác hẳn với Napoléon được an giấc nghìn thu tại đền thờ Invalides, ai có biết đó là năm mồ của hàng Ai qua làng Hà-hồi, Ngọc-hồi

# Năm xương của vua Quang Trung

**CON** hay **MẮT** ?

không biết có cảm thông cùng tiếng gió rì rào nhắc nhở cuộc đời ngang dọc của Người Tây-sơn? Đứng lặng trên gò Đống Đa, ngắm cảnh chiều tà, nghe tiếng trẻ mục-dồng vọng lại về thôn, ai không thể xao xuyến nỗi buồn-thương, nhớ tiếc con người dám xây mộng lấy Lương Quang! Nhưng mộng chưa thành, con người cái thế ấy đã bỏ dở dang sự nghiệp (Làm vua mới được 4 năm, thọ được 40 tuổi, mất năm 1792). Năm xương của vua Quang-trung Nguyễn-Huệ an táng ở phương nào? Hay đã bị quật mồ, tán xương thành bột đổ bừa xuống biển? Sự nghiệp kia chỉ được gói ghém trong một chữ «nguy». của triều Nguyễn gán cho tôi ư?

Đến đây, chúng ta, chắc ai cũng muốn biết sự thật có phải

như thế không? Năm mồ của vua anh - hùng có bị khai-quật không? Cốt xương tàn có bị tán thành bột rồi đổ bừa xuống biển?

Theo Việt-nam sử lược: Miếu-hiệu của vua Quang-trung là thái tổ Võ Hoàng đế. Khi vua Quang Trung mất, có dâng biểu sang Tàu và nói dối trong biểu rằng: «Vua Quang-trung có dặn lại rằng phải đem chôn ở Tây-hồ gần Bắc-thành, đề tỏ cái bụng trông về Thiên-triều: Vua nhà Thanh tưởng là thật, trong bài văn tế có câu rằng:

*Chầu ngôi Nam cực  
Lòng trung nghĩa hết đạo thờ vua  
Chân đất Tây-hồ  
Nghĩa thần tử vẫn còn mẫn chúa.*

Chỉ có thể thôi. Ông Trần trọng Kim không bàn thêm gì nữa. Mồ của vua Quang trung chôn ở đâu?

Ông Đào Bàng khảo về nhà Nguyễn Tây-Sơn rất tỉ mỉ cũng không nói đến mộ phần an-táng ở phương nào.

Thông thường, bất cứ một ông vua nào, trong thời kỳ còn tức vị cũng nghĩ đến việc xây cất chỗ an giấc nghìn thu của mình; và là cả một vấn đề bí mật, người cận thần nhất cũng có thể không hiểu hết được mọi bí ẩn trong lăng miếu. Hơn nữa, thời ấy vua Quang Trung còn đánh đồng dẹp bắc.

cuộc cờ còn lắm phen thay đổi. Chắc chắn nhà vua cũng có nghĩ một cách bí mật về nơi gởi gắm năm xương mà người biết hơn ai hết phải là vợ người. Ngọc Hân công chúa, hay con người, vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Ai cũng biết rằng bọn

bầy tôi: Võ-văn-Dũng, Trần quang Diệu... và vua Cảnh Thịnh sau này đều bị bắt cả, và có rất nhiều người trung thành tuấn kiệt. Các vị tướng trên đều là trung thần của nhà Tây-sơn, họ đánh tới tận lính cuối cùng Sinh mệnh xem tựa lông hồng. Như thế dù có bị nhà Nguyễn Gia-Long tra khảo chẳng nữa, chưa chắc đã chỉ phần mộ của vua Quang trung. Không

lẽ vua Cảnh Thịnh lại chỉ hay sao? Mệnh người đã được định rồi, có chỉ cũng vô ích, thêm đau lòng. Con người thông minh như Quang Toản chắc chắn không ngây dại gì (lúc vua Quang Trung chết, Quang Toản mới 10 tuổi, tư chất thông minh; nhưng sau khi bị bắt, Quang Toản đã khá khôn lớn rồi). Còn Ngọc Hân công-chúa, có người lại cho rằng trong lúc kinh thành loạn lạc, bà đã thay hình đổi dạng làm người quê mùa đem con đi

ăn náu, biệt tích. Có người lại cho rằng bà đã bị vua Gia long bắt giết sau những phút... để hả giận rửa thù vì bà là một người vợ của hoàng «Nguy». Có người khác cho bà ta đã tự vận thủ tiết thờ chồng nuôi con. Thật ra, đó toàn là giả huyết,



không thể tin một thuyết nào được cả. Và mộ của vua Quang-trung còn mờ mịt, hiện tại chưa ai biết được tông tích nơi nào. Ta cũng nên nhớ rằng vua Quang-trung rất đa nghi, dụng người rất cẩn thận. Thậm chí đến cháu rể của nhà vua là Vũ văn Nhậm cũng bị rơi đầu, vì bị nghi ngờ thôi.

Thử hỏi ông Hoa-Bàng đã dựa



Gò Đống Đa là nơi xây đền Trung Liệt này (Thất Hà áp-Hà-nội).

vào sử liệu nào dám quả quyết năm xương của vua Quang-trung bị tán bột vát xuống bể? Đọc 'Vua Quang-trung', chúng ta cũng không thấy nói đến mộ phần của vị anh hùng dân tộc, chỉ thấy lời di chiếu của vua là: « Lễ an táng nên s... sai lão thảo... » Có lẽ ông Hoa Bằng cảm thán cái tài ba xuất chúng của vị anh hùng Tây sơn mà không được một năm mồ để người đời sau hoài niệm lễ bái, nên tưởng tượng hể một ông vua nào bại trận cũng bị ông vua chiến thắng quật mồ, tán xương thành bột, đổ xuống bể vì lúc sanh tiền dám cầm binh đánh lại mình bao phen thảm bại.

Viết đến đây tôi không có ý

gì công kích ông Hoa Bằng cả mà chỉ mong ông cho chúng tôi xem những sử liệu về mộ phần của vua Quang-trung, chứ không phải miếu-hiệu. Và năm xương của nhà vua bị tán bột lúc nào, ở đâu? Xin ông định rõ không gian và thời gian.

Trong khi chờ đợi tôi sẽ xin kèm cùng bạn đọc câu chuyện lịch sử về mộ phần của vua Quang-trung Nguyễn Huệ mà trong một sự tình cờ tôi được nghe một ông già ở cố đô Huế kể lại, đề gọi là góp thêm tài liệu xây dựng sử học nước nhà. Nhưng...

Xin hẹn bạn đọc kỳ sau.  
ĐOÀN-LUYỆN



## NƯỚC CỘNG HÒA CON ONG



(Tiếp theo và hết)

**X**IN nhắc lại rằng khi Chúa mẹ kéo đàn Ong lớn ra đi, di-cư lập quốc nơi giang san mới, nhường Tô cũ lại cho thế-hệ thanh niên hậu-tiến, thì đàn Ong con này chưa nầy nở hết, nhưng Chúa - Mẹ có để lại cho cả một gia-tài phong phú. Trên các từng lầu, các kho tồn-trữ, ta thấy đầy những mặt rgon cùng phần nhĩ ánh vàng, trong thực đồi dào, hương thơm ngào ngạt. Ở dưới các từng, có hàng mươi ngàn lỗ nhỏ chứa trứng; mười lăm ngàn lỗ trong có Nhặng (Nhặng Ong), vài vạn Ong con sắp

thành hình, và bảy, tám cái mũ 'thầy' trong đó có nàng công chúa sắp cất tiếng chào đời.

Lúc ấy, đoàn Ong lớn đã đi hết, chỉ còn dộ một ngàn Ong vào hạng tráng niên, khỏe mạnh, ở lại trông nom công việc hàng ngày. Đồ ong bấy giờ có vẻ tịch mịch như một cảnh thần tiên trong truyện 'Người đẹp ngủ trong rừng' đang chờ ngày giờ tốt đẹp để tỉnh giấc mộng vàng. Trong bóng tối đen, đàn ong non vẫn phảng phất tiêu điều trong giấc mơ hoa...

Ong chúa xê quân ra đi độ ba bốn hôm thì đàn ong non này mới đủ nguyên hình căn lỗ chui

ra. Ở các lỗ nhỏ dần dần thấy nạt thủng, rồi hiện ra đôi mắt đen nhánh với đôi râu phe phẩy chào đời...

Một chàng Ong lớn thấy vậy, liền chạy lại đỡ ong non ra khỏi lỗ, lấy lưới lau chùi vuốt ve, rồi đưa cho một ít mật.

Ong non mới ra khỏi lỗ có vẻ ngờ ngác, mình xanh bóng, yếu ớt, lầy bầy như một cậu bé mới chập chững biết đi. Nhưng khi ăn hết ít mật mà Ong lớn đưa cho, thì dần dần khỏe khoắn, lanh lẹn, bắt đầu làm việc được ngay.

Nó bò lại đăm Ong sắp nở nháy nhót vui vẻ, vung cánh rít theo một nhịp đều đặn, chẳng khác một bản nhạc âm thanh rộn ràng. Nhiệt độ trong tổ tăng lên dần ong nở sau nhờ đó mà mau khô cánh.

Đàn ong non này ở lý trong tổ làm việc 8 hôm mới ra khỏi cửa tổ ngắm phong cảnh trời đất một lát lại vào ngay. Song sự thực việc chính của ong ra khỏi tổ là để tiết các chất bẩn ra ngoài.

Ong nở được nửa tháng mới tổ chức những



cuộc du hành xa xôi để kiếm mật.

Từ khi lọt lòng mẹ, ong vốn chỉ quanh quẩn ở nơi chật hẹp, tối đen; đến khi phải đi lấy mật, nó bị hoảng lên với ánh sáng thái dương, chân trời rộng rãi vô bờ vô bến, thì tránh sao sự bỡ ngỡ lạ lùng... Nó ngần ngại, dụt dè, bay khỏi tổ nhiều lần, lại quay về tổ. Nó thường lấy một ngọn cây cao nào đó làm đích. Lúc trở về bao giờ cũng thấy bay thẳng đến chỗ ngọn cây, rồi mới dần dần, từ chỗ đó lại tổ.

Ong có một nhận xét rất tinh và một nhãn quang khác thường cho nên trong không gian đường đi lối lại, dù xa xôi thế nào cũng không bao giờ lầm đường lạc lối.

Trong khi hàng vạn ong non lần lượt ra khỏi tổ thì một Nàng Công-Chúa Ong từ trong một cái « mũ thầy », cung điện riêng của nàng, cũng dần dần thành đủ nguyên hình. Ong này cũng do một trứng như trăm ngàn trứng khác mà ra. Có chăng chỉ khác ong thường ở về lỗ ở rộng hơn, và thức ăn quý hơn,

nhiều hơn mà thôi. Nhưng khi thành đủ nguyên hình, thì sự này nở của nó lại khác hẳn ong thường. Minh nó đen và dài, lớn hơn ong con, mà bé hơn ong đực, trông giống như con tò-vò, cánh ngắn chân to, không có râu, có đủ cơ quan sinh dục và có thể sống được 4, 5, năm trời.

Lúc mới ra đời, Công-Chúa cũng có vẻ ngờ ngác, chân tay cũng lầy bầy, song chỉ sau đó chừng 10 phút là Nàng đã cứng cáp như thường.

Nhưng nàng nhìn chung quanh thấy còn 6 cái « mũ thầy » nữa.



Ừ ! Còn 6 Cung điện nữa ư ? À, té ra Nàng không phải là Công-Chúa độc nhất ? Té ra Hoàng Thái Hậu ra đi, để lại những 7 nàng Công-Chúa ngủ ngon giấc thần tiên trong 7 thâm-cung ! Bây giờ Nàng mới biết rằng còn 6 Ong-Chúa non cũng sắp ra đời để cùng Nàng tranh dành « nghiệp đế » ! Nàng hiểu rằng muốn độc hưởng cái « ngai vàng » của mẹ để lại, muốn một mình thống trị cả hai vạn thần dân mới mẻ này thì phải ra tay diệt diệt những mũ thầy kia đi ! Tạo hóa éo le thay ! Đã sinh ra Nàng, sao không sinh một mình Nàng

thôi ? Lại thêm 6 nàng Công-Chúa khác nữa làm chi, cho thêm mối hận ! Thảo nào nhà triết học Darwin đã phải kêu lên : « Struggle for Life ! » Giết nhau để mà sống ! Thế là ý-niệm cạnh tranh sinh tồn bỗng đứng dậy nở trong óc Nàng Công-Chúa ! Nàng nghĩ đến chiến tranh, liều sinh tử để tranh quyền cướp vị ! Nàng hăng hái, cương quyết, kêu ve ve gọi các bạn già trẻ vẫy cánh của Nàng giết hại mấy tiểu nữ chúa ở trong 6 cung điện « mũ thầy » kia. Tức khắc trong đoàn Ong lớn còn ở lại, có phận sự canh gác, phải liêu mình can thiệp, nhưng vô hiệu...

### ○ Bảy chúa tranh hùng

Trong tổ nhôn nhịp, các công việc đình lại hết. Ong con chia làm hai phe vây kín lấy bảy nàng Ong Chúa. Cuộc đả kích nhiệt liệt, dần dần 5 nàng phải bỏ thân trên chiến trường, còn lại 2 Nàng mạnh bạo ngang sức nhau. Tức thì cả đàn ong dẫn ra để một khoảng không rộng làm chiến địa. Hai nàng tiền lưng ong duyên dáng liền xấn lại cùng nhau giao chiến kịch liệt một phen cuối cùng, quyết một còn một mất.

Trong cuộc ác chiến, ong con tỏ vẻ lo ngại trở mắt ra nhìn. Khi thấy hai Chúa xấn lại cắn nhau quay bọng lại, dơ vòi đâm m lia, đâm lĩa. Lúc này ong con không thể nào đứng địa vị khách quan được nữa, liền xông

vào can ngăn hai Chúa, lấy râu vuốt ve, an ủi.

Độ mấy phút nghỉ ngơi, khi hai Chúa đã đỡ mỗi một, lại hăng sức khiêu khích nhau đờn đấu trường lần nữa, song ong con tỏ ra lo ngại, vì sợ cả hai chúa đều toi mạng.

Sau cuộc chiến đấu, ong Chúa nào chết thì bọn sĩ tốt khiêng xác vút đi, hay lấy xấp phủ kín cho khỏi thối. Còn kẻ chiến thắng thì được dân quần nhiệt liệt hoan nghênh, suy tôn lên ngôi báu.

Điều rất lạ, là ong con không bao giờ dùng ngòi châm chết ong Chúa, dù ong Chúa đó ở bên phe địch; trái lại, ong Chúa cũng không bao giờ châm chết ong con, dù ong con đứng về hàng ngũ đối phương! Loài Ong văn-minh và « nhân đạo » hơn loài người ở điểm đó vậy!

### ● Cuộc kết hôn của nữ chúa

Khi ong chúa đã hạ sát hết kẻ địch thì được cả đàn tôn sùng vuốt ve vồn vã, và coi chính vị chúa chính thức của muôn dân. Chỉ còn một việc quan trọng nữa là phải gấp rút lo đi tìm vị Hoàng-tử nào để kết-hôn.

Trong tổ thường có đăm trăm ong đực, song nếu ong khác chẳng ra khỏi tổ... thì không sao mà kiếm được chồng! Sự kinh nghiệm cho ta thấy rằng bộ phận sinh dục của giống Ong chúa rất kỳ-khôi: nghĩa là ong phải bay

bồng trên không rất lâu cho cơ quan mở rộng ra thì mới có thể giao hoan được.

Kể từ ngày mới ra khỏi tổ, trong 20 hôm nếu ong không lấy được đực, thì đành là hồng một đời, vì ngoài 20 hôm thì buồng trứng đã to không thể giao hoan được nữa. Ong không có đực cũng đẻ, nhưng đẻ ra toàn một giống ong đực chuyên ăn hại, nên chỉ đành chờ ngày bị đàn ong nhân dân tiêu diệt.

Vì thế Công-Chúa cần chọn lấy một ngày đẹp giờ. mây quang, gió tạnh để kén chồng

Hôm đó, về buổi sáng, ánh dương vừa mới tỏ trên ngọn cây, đám cỏ còn đọng mấy hạt sương lóng lánh, hoa thơm mới nở, hương còn ngào ngạt bên vườn. Công - Chúa mới ung dung ra ngoài cửa tổ. Nàng vung cánh, bay ra, bay vào mấy lượt, bay lơ lửng trên không quay đầu về cửa tổ, nhìn nhận kỹ càng đường đi lối về cho khỏi lạc, rồi lại trở về cửa tổ, ngắm



tiếng phong cảnh trời đất.

Khi đã yên trí rằng cảnh trời mây quang gió lặng, chắc chắn không còn xảy ra sự gì nguy hiểm, công-chúa vung cánh bay vút lên cao.

Các chàng trai trịnh ở trong tổ và các tổ gần đấy trông thấy hoặc đánh hơi mà biết tức thì cũng vung cánh đuổi theo.

Ong chúa như theo một định

lệ của Tạo công đã đặt ra để kêu giống, nên cứ vui cánh bay mãi. Bay rất nhanh, và lên rất cao. Khi đến chỗ rất vắng, không còn cặp mắt tò-mò của kẻ phạm tục nhìn ngó, Nàng mới bay từ từ. Đàn ong đực vẫn ra sức thẳng cánh bay theo hoài. Chú nào yếu sức, nửa đường đành bỏ dỡ; cuối cùng chỉ còn lại vài chú thật khỏe, mắt tinh, cánh mạnh theo sát đằng sau.

Mãi đến khi ong Chúa quay lại, thấy chỉ còn có một mình và một chàng thanh niên cường tráng theo sau mới chắc chắn đó là Hoàng-tử đẹp giai của Thượng đế phó cho Nàng.

Nàng không e lệ, đợi chàng bay đến sát mình, rồi bốn cánh chấp lại vào nhau, hai mình như một, kết duyên Tân-Tân.

Đôi uyên ương quấn lấy nhau,

kiêu vũ theo một nhịp du dương khoái trá chừng vài giây đồng hồ. Nhưng than ôi, Thượng Đế khéo bày trò mai mỉa! Sau những giây phút mê ly đó rồi ong đực bỗng dưng rẽ cánh, bung vờ ra, mình rơi xuống để linh hồn tiêu diêu nơi cảnh Phật! Chỉ còn sót lại chỗ ruột lồng-thông ở bụng Nữ Chúa, lưu lại chút kỷ niệm của một kẻ si tình, hy sinh vì sắc đẹp!

Công-Chúa thì đẻ mà bay về tổ. Các ong con đã tức tưng sẵn, mừng rỡ đón chào, xúm lại dứt bỏ chỗ ruột ong đực đi, rồi rước Nữ-Chúa vào trong Cung-Điện.

Hai hôm sau, Nàng bắt đầu đẻ, đẻ mãi trong 5 năm, khi gần hết kiếp!

— HẾT —

HUỲNH-BỘI-HOÀNG

## DANH NGÔN

### Tô-kiều-Phương sưu tầm

- Một sự bất công đối với một người là sự hăm dọa lấy tất cả mọi người.  
Montesquieu
- Cảnh khờ là một nấc thang cho bậc anh tài, là kho tàng cho người khôn khéo và là một vực thẳm cho kẻ yếu đuối.  
H. De Balzac
- Kẻ nào muốn cầm đầu mọi người thì hãy đứng sau mọi người.  
S.T. Marc

## VIẾT THƠ MÈO

- Con biết gì lạ vậy? Trời ơi! Thầy giáo dạy con viết thơ phải không?
- Không phải đâu má. Con chép bức thư của ba gửi cho chị bếp đấy,!
- ???





CỦA  
LÊ  
NGỌC  
TRỤ

**K**HOA ngữ-học được có hệ-thống là cũng nhờ nơi các khoa-học khác giúp cho tài-liệu. Nhờ thanh-âm-học để khảo-cứu hệ-thống âm-thình của ngôn-ngữ. Vịn theo " học-lý thanh-âm " (la théorie des sons) của HELMHOLZ, người ta chế máy ghi-âm để biết những âm-thể thanh, trọc, cao, thấp, rung-động như thế nào và lập thành khoa *phát-âm-học thực-nghiệm* (phonétique expérimentale). Sinh-lý-học và y-học giúp sự khảo-cứu các cơ quan phát-âm. Với khí-cụ tối-tân, các bác-sĩ chuyên-môn về khoa yết hầu phân tích được sự rung-chuyên của các âm-tơ trong hầu-dầu, và nhận thấy sự « cao », « lớn » của tiếng nói do ý muốn của người phát ra (do não-cân chỉ huy) hơn là do sự « rung-động nhiều » của âm-tơ, khi luồng-âm từ cổ họng phôi thoát ra. Ngữ-học

nhờ đến tâm-lý-học bởi tiếng nói có liên-quan mật-thiết đến tâm-tánh của người nói ra. Những lối phát-âm trại-bệ do bệnh-tật (ngong-lij, cà lăm, đót-đát...), hoặc do sự kiên-lưu, nói riu, v.v... là những yếu-tố giúp nhà ngữ-học tìm hiểu sự biến-đổi các âm-thanh và sự tiến-hóa của ngôn-ngữ. Vịn theo ngôn-chủng-học, xã-hội-học, cổ-tự-học, bi-ký-học, sử-dịa, văn-chương... người ta tra-cứu phảng-tầm nguồn-gốc dân-tộc và nguồn-gốc tiếng nói, đối-chiếu các thứ tiếng nói để tìm hiểu chỗ quan-hệ về thân-tộc của các loại-ngữ. Khoa ngữ-học bao-la rộng-rãi, mượn tài-liệu của nhiều khoa-học khác và cũng giúp nhiều tài-liệu cho các khoa khác, ngày nay đã thành hẳn một khoa riêng-biệt và quan trọng ; mấy nước tân-tiến đều có viện ngữ-học, với đầy-đủ dụng-cụ để tiện việc khảo-cứu.

*Lịch-sử ngữ-học.*— Song như đã

nói trên khoa ngữ-học mới thành lập gần đây, đồng thời với khoa xã-hội-học, trong vòng một trăm rưỡi năm nay, trong khi bác-ngữ-học đã có từ ngàn xưa.

a) Ở *Tây-phương*.— Tự cổ, người ta đã lập khoa « văn phạm » vịn nơi luận-lý (logique), đặt ra những « lệ » để phân-biệt lối viết và cách hành-văn. Các nhà tự-học thành Alexandrie (thế-kỷ thứ 3, trước công-nguyên) chuyên khảo các cổ-văn Hi-Lạp như thi-ca của Homère, cốt thấu-thập cái văn-hóa cũ của Hi-Lạp còn lại. Song về sau người ta chỉ chú-trọng đến tiếng nói các « xứ văn-minh », như so-sánh tiếng Hi-Lạp với tiếng L.-Tinh, mà không màng đến tiếng các « dân-tộc lạc hậu » khác. Đến khi có phong-trào truyền-bá đạo Da-Tô, mới chú ý khảo-xét tiếng nói các xứ đã theo đạo Cơ-Đốc, như tiếng *hebreu* chẳng hạn, song tiếng này không có chỗ nào giống với tiếng *latin* hay tiếng *grec*. Vì vậy cho đến thế-kỷ XVI, người ta chỉ so-sánh về từ-chương của hai tiếng thông-dụng để truyền-bá đạo Da-Tô thời bấy giờ là tiếng Bồ-Đào-Nha và tiếng Ý-Đại-Lợi mà thôi.

Đến thế-kỷ XVII, XVIII, nhờ khoa học phát-minh, nhờ sự thám hiểm dễ-dàng về đường biển, nên gom góp được nhiều tài-liệu của hai cổ-văn minh Ai-Cập và A-xy-ri, khoa sử-học mới bắt đầu nghiên-cứu lịch-sử loài người, sự sanh-hoạt xã-hội về kinh-tế, chánh-trị, tôn-giáo, và người ta

cũng khảo-sát lại văn học cổ-điển, Công-đụng ấy mới để ý đến khí-cụ của tư-tưởng là tiếng nói, cái phương-tiện mà con người dùng trao-đổi ý-kiến với nhau trong sự xã-hội sanh-hoạt. Nhờ khảo cổ, gom-góp được nhiều tài-liệu giúp ích cho sự khảo-sát ngôn-ngữ. Mấy cổ-đạo và nhơn viên công-ty Anh tại Ấn-Độ học tiếng Ấn và khám-phá nơi xứ Ấn có một nền văn-minh tối-cổ Ông William JONES, thăm-phán-quan Anh tại xứ Bengale, nhận thấy tiếng *Phạn* (sanskrit) với hai tiếng *La*, *Hi* có nhiều chỗ giống nhau và tự hỏi có phải ba thứ tiếng ấy cùng chung một gốc hay không. Và công cuộc khảo cứu chữ *Phạn* chữ của *Kinh Vệ-đà* Ấn-Độ, sự so-sánh tiếng *Phạn* với các loại tiếng Âu-Châu của *Franz BOPP* mở một kỷ nguyên mới cho nền ngữ học thiết-thọ. Frédéric *SHLEGER*, (1772-1829), nhà bác-ngữ-học Đức, với quyển *De la langue et de la philosophie des Hindous* (1808) nhận định rõ giá trị ngữ học của chữ *Phạn* và cũng cố thêm địa vị của khoa ngữ học.

Lịch-sử khoa ngữ-học tức là lịch-sử những sự nghiên-cứu các cội-rễ các tiếng trong loại Ấn-độ Âu (langue indo-européenne) là loại được các nhà bác-ngữ-học Đức khảo-xét kỹ như: từ đầu thế-kỷ XIX, đại-khái có ba thời kỳ :

1) Thời-kỳ sáng-lập do nhà bác-ngữ-học Đức *Franz BOPP*

(1791-1867) với quyển *La système de la conjugaison du sanskrit comparé avec celui des langues grecque, latine, persane et germanique* (1816) và quyển *grammaire comparée du sanskrit, du zend, du grec, du latin, du lithuanien, du gothique et de l'allemand* (1833), chuyên nghiên-zứ về các tiếng

Ấu và Ấn giống nhau, nhưng về âm, vận, ngữ-thề và ngữ-nguyên. JACOB GRIMM (1783-1863) nhà-ngữ-học Đức, với quyển *Grammaire allemande* (1719 tiếp-tục nhà bác ngữ-học Đức với quyển *grammaire allemande* (1819) tiếp tục nhà ngữ-học Đan-Mạch RASMUS RASK (1787-1832), tìm ra những luật bi-n-âm, thường gọi là "luật GRIMM" (loi de mutation consonantique ou loi de Grimm). EUGÈNE BURNOUF (1801-1852), nhà ngữ-học Pháp, dùng chữ Phạn mà khôi-phục tiếng Zend, một thứ tiếng thuộc loại tiếng IRAK. dùng chép Kinh AVESTA của người Ba-Tur thời xưa FRIEDRICH DIEZ (1794-1876) ấn-định các nguyên-tắc về tự-nguyên-học với quyển *Grammaire des langues romanes* (1836) và nhà ngữ-học Đức AUGUST-FRIEDRICH POTT (1802-1887), với sự khảo-cứu về tự-nguyên (*Recherches étymologiques sur le domaine des langues indo-germaniques*, (1833) đã giúp ích tài liệu nhiều cho ngữ-học.

2) Thời kỳ thứ nhì, nổi danh là nhà ngữ-học Đức AUGUST SCHLEICHER (1821-1868);

ông theo thuyết tiến-hóa của Darwin dùng « phương pháp so sánh » chuyên lo khôi phục lại thứ tiếng gốc của các thứ tiếng Âu-Châu và Ấn-Đ) là tiếng *aryas* (langue mère aryenne), với quyển *Abrégé de grammaire comparée des langues indo-germaniques* (1861).

Khoa ngữ-học ban đầu thành-hành tại Đức được truyền bá sang Anh do MAX MULLER (1823-1900) và qua Pháp do MICHEL BRÉAL (1832-1915) một nhà ngữ-học Pháp theo học tại Berlin, đã dịch quyển *Grammaire Comparée* (1833) của FRANZ BOPP, từ năm 1867 đến năm 1872 mới xong.

3) Nhưng càng tìm tòi khảo-cứu, người ta không vừa lòng về chỗ giống nhau của các tiếng Ấn Âu, và phương pháp chuyên rỗng so sánh thường dẫn dắt đến chỗ sai lầm, nên người ta trở lại tìm-coi các thứ tiếng ấy thay đổi khác nhau những gì, sự thay-đổi ấy theo những nguyên-tắc nào, do sự ngẫu-nhiên hay do sự cần dùng bắt buộc. Ấy là thời kỳ thứ ba, chủ xướng là phái *tân-từ-học* (néo grammairiens) do KARL BRUGMANN (1849-1919) và HERMANN OSTHOFF (1847-1909) cả hai là nhà ngữ học Đức, dẫn đạo và lập thành những « luật ngôn ngữ tuyệt đối » với quyển *Recherches morphologiques sur les langues indo-germaniques* (1878-1881). Nguyên-tắc của phái này chủ trương là « luật phá-

hải tuyệt-đích cho phụ-âm cũng như cho nguyên-âm ». Theo Osthoff thì « luật phát-âm tác-dụng một cách mù-quáng với sự cần-thiết mù-quáng » (les lois phonétiques agissent d'une façon aveugle, avec une nécessité aveugle).

Về cuối thế kỷ XIX, kỹ-nghệ phát-triển, phẩm-vật sản-xuất rất nhiều, các đế-quốc cần có thị-trường tiêu-thụ và mua nguyên-liệu chế tạo. Điều-kiện kinh-tế bắt-buộc thêm nhờ sự giao-thông dễ-dàng về đường biển, các nhà thám hiểm tìm đi khắp phương xa đất lạ, phải học hiểu tiếng thổ-dân, nhờ đó mà tìm ra được nhiều dân-tộc trước kia chưa biết. Và các nhà ngữ-học mới ra ngoài phạm-vi các tiếng « Ấn-Âu cũ » và mở rộng sự nghiên-cứu cho đến các thứ tiếng của thổ-dân châu Phi, châu Mỹ, châu Úc.

Với nhiều tài liệu thâu được, người ta khái luận đặt mấy nguyên-tắc chung về ngữ-học. Và công-trình của phái *tân-từ-học* được các ông MICHEL BRÉAL, FERDINAND DE SAUSSURE (1857-1913), nhà ngữ-học Thụy-Si, và ANTOINE MEILLET (1866-1936), nhà ngữ-học Pháp, tiếp-diễn và xây dựng nền ngữ-học vững chắc ngày nay ở các đại học đường Paris, Genève, Prague, Copenhague... Michel Bréal thành lập hội ngữ học *Société de linguistique de Paris* (1866) và khởi dịch quyển *grammaire comparée* của E. Bopp. Ông xướng lập khoa *ngôn-*

*nguyên-học* với quyển *Essai de Sémantique*, (1897) vì ngoài sự tìm hiểu bản-chất của ngôn-ngữ còn phải cứu-xét tâm-hồn của người nói ra từ-ngữ ấy với các nghĩa của nó. Với F. de Saussure, khoa ngữ-học lập thành hệ-thống nền-tảng vững-vàng và ngày nay có « học-phái Ferdinand de Saussure » theo đúng học-thuyết của ông. Với tác-phẩm danh-tiếng *Mémoire sur le système primitif des voyelles dans les langues indo-européennes* (1879), ông thiết-định học-lý về nguyên-âm các tiếng Ấn Âu. Những bài giảng của ông in trong quyển *Cours de Linguistique générale* (1916) là những bài căn-bản của khoa ngữ-học, Antoine Meillet, thay chừa Michel Bréal tại Đại-học-đường Pháp, khái quát các tiếng Ấn Âu mà lập thành khoa *ngữ-học tổng-quát* (linguistique générale), với những nguyên-tắc chung, áp-dụng cho các thứ tiếng trên thế-giới. Đồng thời ông cũng nêu ra tánh-cách xã-hội của các hiện-trạng ngôn-ngữ, thuyết này về sau, được phái *duy-vật* biện-chứng, với MARCEL COHEN, theo đuổi và bình-vực.

Michel Bréal cũng có lập viện nghiên-cứu về cách phát-âm. Công-cuộc này được giáo-sư JEAN PIERRE ROUSSELOT (1746-1924) tiếp-tục chuyên-trị. Ông chế máy ghi âm, thiết-lập và giảng-dạy khoa *phát-âm-học thực-nghiệm* (phonétique expérimentale) (1897) tại Đại-học-đường Pháp. (Quyển *Principes de Phonétique expériment-*

entale xuất-bản hồi năm 1924 (1925).

Khoa *phát-âm-học tổng-quốc* (phonétique générale) được MAURICE GRAMMONT (sinh năm 1866) đặt nền-tảng vững-chắc với luận-đề *Dissimilation consonantique dans les langues indo-européennes et dans les langues romanes* (1895) và quyển *Traité de Phonétique* (1933).

Jules GILLIERON (1854-1962) nhà ngữ-học Pháp, lập khoa *địa dư ngữ học* (géographie linguistique, 1909), tìm giới-hạn mỗi miền thổ-âm, thổ-ngữ trong nước Pháp, và xác-định mỗi vùng khuếch-trương của các hiện-trạng ngôn-ngữ.

Ngoài những nhà ngữ-học Pháp kể trên, nên kể thêm những vị có tên tuổi đã góp phần vào việc khảo-cứu ngữ-học, như Arsène DARMESTETER, J. VENDRYES, J. MAROUZEU, P. FOUCHE, A. DAUZAT, M. LE JEUNE, A. SAUVAGEOT, A. MARTINET...

Bên Anh, Mỹ, khoa ngữ-học cũng chiếm một địa-vị quan-trọng. Và ngày nay, tại các nước tân-tiến, các nhà ngữ-học lo hoàn-bị khoa ngữ-học, lo lập viện ngữ-học để xúc-tiến các cuộc khảo-cứu và chia thành học-phái, như học-phái Ferdinand de Saussure, học-phái TROUBETZKOY chuyên lo khảo-cứu về ngữ-học tác-dụng (phonologie), một ngành của khoa ngữ-học rất được thịnh-hành ngày này, với những nguyên-

tắc, thuật-ngữ hần-hoi. Có tạp-chí đăng tải những cuộc khảo-cứu đề trao-đổi lẫn nhau giữa những hội ngữ-học như *Cercle linguistique de Prague*, *Comité International. Permanent de Linguistes*, *Société de linguistique de Paris*, *Cahiers Ferdinand de Saussure*. . . Lâu lâu có tổ chức những hội-ngữ quốc tế ngôn-ngữ đề xác-định, chỉnh-đốn hoặc bổ-túc những công-trình nghiên-cứu.

### b) Ở Đông-Phương. —

1) *Trung-Hoa*. — Không kể các nước có trình-độ văn-hoá cao ở cách xa Việt-Nam như Ấn-Độ, Nhật-Bồn, tại Trung-Hoa khoa bác-ngữ-học đã có trước lâu hơn các khoa khảo về âm, vận, thanh. Nhà bác-học Tàu tức là nhà nghiên-cứu nhiều về cổ-văn-tự. Như trên đã nói, Khổng-Tử san-định các *kinh* là nhà bác-ngữ-học đầu tiên của Trung-Hoa.

Nhưng đến đời Hán với sự khôi-phục các *kinh-sách* bị Tần-Thủy-Hoàng dạy đốt (năm 213 trước ông-Nguyên), khoa bác-ngữ-học mới thật thịnh-hành và nảy sinh khoa ngữ-học: các học-giả gia-công sưu-tầm và biên-tập lại các thơ-lich cổ, và lập thành một khoa riêng gọi là khoa *tiêu-học*. Khoa tiêu-học chia làm ba phần: (Số sau tiếp)

# LỐI CÀU THẢ rất nguy hiểm

## của một vài BÀO CHẾ SỰ V. N.

VỪA rồi, theo toa của một Bác sĩ, tôi ra hiệu thuốc tây mua một hộp thuốc ống để uống, giá tiền là 32đ,20. Bác sĩ đã giới thiệu rằng đây là thuốc của một Bác sĩ thú-y Việt-Nam mới chế ra. Tôi rất mừng. Ra mua hộp thuốc về coi thì quả thật là của một Bác-sĩ Việt Nam ta bào chế. Nhưng trước khi lấy dùng, tôi coi kỹ toa, bắt đầu bị một ngạc nhiên: ngoài hộp thì in là: Boite de 8 ampoules buvables de 5cc de cultures. . . Mà trong cái đơn-quảng cáo để trong hộp thì lại đề là: 8 ampoules buvables de 10cc de cultures. . . Thế nghĩa là sao? Vậy thì ống thuốc này là 5cc hay là 10cc de cultures. . .??? Đến khi lấy dùng, thì tìm khắp trong hộp không có *lưỡi cưa*! Vậy thì tôi lấy gì để cưa ống thuốc bây giờ đây? Tôi chạy sang nhà hàng xóm có tủ nhiều thuốc tây, hỏi xin một lưỡi cưa trong hộp thuốc khác, đem về cưa ống thuốc của tôi. Lưỡi cưa còn mới, thế mà tôi vừa cưa ba

bốn bận rất nhẹ, thì tự nhiên cổ ống thuốc bẻ nát ra từng mảnh nhỏ rơi vào tách để uống thuốc. Tôi lượm các mảnh vụn ấy ra hết, lau chùi tách sạch sẽ, rồi dể ống thuốc vào tách, để kê cưa đầu kia cho thuốc chảy ra. Vừa cưa ba bốn vòng thì tự nhiên đầu ấy cũng bẻ luôn và bắn những mảnh chai vụn vào trong tách nữa cùng một lượt với nước thuốc vừa đổ ra. Tôi ngó vào tách nước thuốc,

thấy long lanh nhiều mảnh chai vụn, đành để thuốc đi không dám uống. Tôi cưa liên tiếp 3 ống đều bị như thế cả, than ôi!

Vậy tôi xin trân trọng báo cáo cho Bộ Y-tế và các liên-đoàn dược-sư Việt-nam biết sự kiện như thế đây để các ông tùy nghi xử-dụng.

Tôi không cần hỏi rằng nhà bào chế cầu-thả kia định phụng sự cho nghề chế thuốc Việt-nam hay là chỉ phụng-sự cho túi tiền của ông thôi? Còn chúng tôi mua hộp thuốc 32đ,20 về nhà, 5 phân khối hay 10 phân khối các ông không cần biết? Có lưỡi cưa hay không có lưỡi cưa

Ba Tèo

cũng mặc kệ chúng tôi, ông thì ;  
« Je m'enfous ! » Uống thuốc có  
mè chai vô bụng cũng mặc kệ  
« Đờng-bào » ???

Cũng như năm ngoái, một ông  
bạn tôi có con nít bị ỉa-chảy, 9 giờ  
tối chạy đi mua lọ thuốc trừ tả  
*Élixir anticholérique*, của một  
nhà Bào - chế - sư Việt-nam mà  
ngoài nhãn in đồ 2 chữ : *Usage*

*externe* (đề dùng xúc ngoài da) !!!  
Về nhà cho cháu uống hết cả  
một lọ mà không cầm được !  
Sáng hôm sau bạn tôi phải đưa  
cháu đi nhà thương !

Ồi, xe-hơi Huê-Kỳ, mi giết  
chết lương-tâm nhà nghề của một  
vài nhà « Bào chế sư » của xứ ta,  
của cả cái ông Bác-sĩ Thú-y kia  
nữa ! Buồn ơi, Chào Mi !

Từ « Ai dịt lộn ... »  
đến « sáo sáo thiên heo »

**H**Ồi trung tuần tháng 10 năm ngoái, nữ danh ca Quốc-Tế,  
cô Marian Anderson (người da đen) đến thăm Việt Nam.  
Anderson là 1 nữ ca sĩ tiếng tăm lừng lẫy, cô được  
trường đại phụ nữ Ewha (Đại Hàn) tặng bằng danh dự tiến sĩ Âm  
Nhạc. Cô ca giọng trầm và đã trình diễn đơn ca hơn 1500 lần trước  
hơn năm triệu thính giả khắp thế-giới.

Ghé thăm Việt Nam, cô Anderson đã có nhiều dịp tiếp xúc và  
tìm hiểu về « Âm nhạc đại chúng » của Việt Nam. Một hôm cô đi  
Biên Hòa thăm trại định cư Hồ Nai, cô đã ngạc nhiên vì được nghe  
và nhìn con diều sáo, đó là 1 con diều giấy có gắn sáo kép (2 sáo)  
tiếng sáo diều du dương lan tỏa trên cánh đồng lúa đã khiến cô thường  
thức 1 cách say mê. Buổi chiều hôm đó trở về Saigon, tới vùng ngoại  
ô, ngẫu nhiên cô lại gặp một người nhà quê đi chiếc xe đạp cũ kỹ, 1  
tay cầm « ghi đông » xe, 1 tay cầm 1 ống sáo nhỏ, vừa lụi cùi đạp xe gã  
vừa thổi lên 1 khúc sáo lanh lạnh mà cô Anderson cho là « một điệu  
nhạc kỳ-dị ». Thật ra đó chính là 1 anh thợ thiên heo mà không ai  
giải nghĩa rõ rệt cho cô hiểu. Sự ngạc nhiên và thích thú nhất của  
Nữ danh ca Anderson là 1 buổi tối nọ cô được nghe rao « Ai dịt  
dịt... lộn. ? » Tiếng rao trong trẻo và dư âm cao vút vang vọng trong  
phố vắng. Sau thời gian sang thăm Việt Nam, cô Anderson đã phát  
biểu cảm tưởng như sau đây : « Dân tộc Việt Nam rất ham chuộng  
và có nhiều khả năng về âm nhạc ». Thật đúng lắm vậy !

Quốc Bảo.



# SÔNG NÚI MIỀN NAM

THÁI-VĂN-KIỆM  
Phó Giám-đốc nhà văn-hóa  
Bộ Quốc Gia Giáo Dục

Việt-Nam yêu dấu

**C**HÚNG tôi xin mời các  
bạn dự một cuộc du  
ngoạn kỳ thú qua miền  
Nam nước Việt, để tìm hiểu  
thêm đất nước mà chúng ta triu  
miến qua muôn vạn trạng thái.

Chúng ta sẽ lần theo vết chân  
các bậc tiền bối trên con đường  
Nam-tiến vĩ đại đã giúp họ lập một  
kỳ công độc nhất vô nhị trong  
Lịch sử loài người là nối liền ba  
con sông dài nhất Á châu : sông  
*Dương-Tử*, sông *Hồng-Hà* và  
sông *Cửu-Long*.

Chúng ta sẽ đặc biệt chú trọng  
về chính sách mở mang bờ cõi  
mà tổ tiên chúng ta đã thực hiện  
và hoàn thành một cách vẻ vang,  
trên giải đất hình con chim  
phượng hoàng đang nhìn về *Thất-  
Binh-Dương* như khao khát tự  
do, hòa bình và những chân trời  
mới lạ.

Trên những dặm đường xa xăm  
mà tổ tiên ta đã trải qua, chúng ta  
sẽ cố gắng tìm hiểu nguồn gốc và  
ý nghĩa của các địa-danh cùng một  
vài phong tục địa phương,

Ngành địa-danh-học (Topony-

mie) vốn phụ thuộc vào khoa Sử-  
Địa (géographie historique) và  
nhằm nghiên cứu danh-xưng của  
các địa-diêm, còn ngành *phong-  
tục-học* (folklore) lấy sự tìm hiểu  
các tập-quán và cổ-lệ bình-dân  
làm mục-tiêu.

Địa-danh đầu tiên mà chúng  
ta phải lưu ý là tên gọi của nước  
ta : VIỆT-NAM (越南).

Tiếng VIỆT là do một chữ  
Tàu 越 có nghĩa là « vượt qua-quá  
chừng-phát dương lên ». Danh  
từ đó chỉ một nước ở đông  
nam cổ Trung-Hoa, thường có  
khuyh hướng vượt đi xa, tự giải  
phóng, phục hưng và bành trướng.  
Riêng tên gọi ấy cũng đủ bao hàm  
những đặc tính của dân tộc Việt.  
Còn tiếng NAM chỉ một phương  
hướng.

Vậy hai chữ VIỆT-NAM  
ghép lại có nghĩa là miền Nam  
của dân tộc Việt.

Theo nhà bác học *Claude Mo-  
drolle* đã từng đi bộ và khảo sát  
khắp các nước Á-Âu, tên VIỆT  
đã được đặt ra từ thế kỷ thứ XI  
trước T.C. dưới đời nhà Chu  
(1050 đến 249 trước T.C.) cho  
những giải đất ở phía đông nam

nước Tàu, ven bờ Thái-Bình-Dương. Hồi ấy, một vị giàng dơi vua Vũ đã lên ngôi tại đất Việt vào khoảng 1042 trước T.C.

Về sau, nước Việt có một vị vua danh tiếng là Lạc Long Quân giồng dơi Long-Vương nơi Nam-Hải họ Lạc.

Sử sách Tàu gọi vị ấy là Câu Tiễn (Keou Tsien), làm vua nước Việt (Yué) từ năm 496 đến 465 trước T.C. Ông đã cống cho vua Ngô (Wou) một giai nhân đất Việt là Tây-Thi, cô gái giặt lụa ở Trử-La thôn và nhờ cô mà thôn tính được đất nước Ngô.

Chính Câu-Tiến đã làm chúa tể cả miền duyên hải Nam-Hoa gồm có năm họ Việt (Bách-Việt), trong đó có miền Bắc-Việt bây giờ. Trong tay sẵn có một đội hải thuyền mạnh mẽ, ông ta đã cử một người con cầm đầu một số đông người Việt đến sinh cơ lập nghiệp nơi cửa sông Hồng-Hà, lập nên nước Việt-Chương (越漳) vào khoảng đầu thế kỷ thứ V trước Thiên-chúa.

Vị tân-vương nước Việt-Chương đã đánh đắm một chiếc thuyền đóng nơi ngã ba sông Hồng-Hà và sông Luộc (Canal des Bambous) vùng Hưng-Nhân để làm giới hạn địa phận nước Việt-Chương, mà sau ông đổi tên là « Văn-Lang » (có nghĩa là văn-nhân). Ông lại chọn con giao (蛟) (tục gọi là keo) một « thần mã » loại rồng làm động vật tổ (totem animal), và cây dương-liễu làm thực vật tổ (totem végétal). Những vật tổ đó được sùng-

bái qua nhiều đời tại Bắc-Việt, và suốt bao thế-kỷ, được cầu khấn trong những ngày hội hè lễ bái của nông dân, Hiện nay tại Bắc-Việt còn lại ba làng gọi là « làng Keo » (làng có thờ con ngựa trắng, bõm đen). Đặc biệt ở làng Keo thuộc tỉnh Nam-Định, người ta đã đào thấy một chiếc lọ đồng cổ, trên có đúc tượng một con ngựa đứng giữa hai cây : cây thông người Hạ, và cây liễu người Lạc. Có lẽ vì thế mà không biết tự bao giờ người Lèo vẫn gọi ta là « Keo ». Do chữ giao trên kia mà sinh ra danh-từ Giao-Chỉ (交趾), có nghĩa là bờ nước, nền tảng của người Giao.

Đến khi nhà Tây Hán chiếm nước Nam-Việt của nhà Triệu (III trước T.C.), họ vẫn giữ tên Giao, nhưng dùng chữ khác thay thế vào (交) để đặt tên Giao-chỉ (交趾) có nghĩa là ngón chân cái giao với nhau, một trong bốn trạng-thái đặc-biệt của người Việt, theo Kinh Lễ : điêu đề (chạm trán) (彫題), giao chỉ (ngón chân giao nhau) (交趾), văn thân (vẽ mình) (文身) và tiển phát (cắt tóc) (剪髮).

Nói tóm lại, nước Việt đầu tiên của miền duyên-hải phương Nam nước Tàu, đã có từ 3.000 năm nay (từ 1042 trước T.C.) và nước Việt-Chương hay Văn-Lang tại miền Bắc nước ta cũng đã có từ 2.400 năm (từ đầu thế kỷ thứ V trước T.C.)

Từ đây, tên nước ta đã nhiều phen thay đổi, qua những cuộc thăng trầm của lịch sử.

文郎 1) VĂN-LANG, dưới đời Hùng-Vương hay Lạc-Vương (Thế kỷ thứ V đến 757 trước T.C.)

甌駝 2) ÂU-LẠC, dưới đời nhà Thục (257-207 trước T.C.)

南越 3) NAM-VIỆT, dưới đời nhà Triệu (207 trước T.C. — III sau T.C.)

交趾 4) GIAO-CHỈ, dưới đời nhà Tiền-Hán (111-203)

交州 5) GIAO-CHÂU, dưới đời nhà Hậu-Hán (203-544)

萬春 6) VẠN-XUÂN, dưới đời nhà Tiền-Lý (544-604)

安南 7) AN-NAM, dưới đời nhà Đường (603-939)

大瞿越 8) ĐẠI-CỒ-VIỆT, dưới đời nhà Đinh và Tiền Lê (968-1054)

大越 9) ĐẠI-VIỆT, dưới đời nhà Lý và nhà Trần (1054-1400)

大虞 10) ĐẠI-NGU, dưới đời nhà Hồ (1400-1407)

大越 11) ĐẠI-VIỆT, dưới đời nhà Hậu-Lê và chúa Nguyễn (428-1802)

越南 12) VIỆT-NAM, quốc hiệu do vua Gia-Long chọn năm 1802 (1802-1831)

大南 13) ĐẠI-NAM, quốc hiệu do vua Minh-Mạng chọn năm 1832 (1832-1945)

越南 14) VIỆT-NAM, quốc hiệu do Chính phủ quốc-gia đầu tiên đặt lại năm 1945.

Như thế là ta đã đổi thay quốc hiệu ít ra 12 lần ; hầu hết những quốc hiệu đều có chữ Việt đề nhắc nhở dân tộc Việt, khác hẳn dân tộc Hán gốc ở lưu vực sông Hoàng-Hà, người Trung-Hoa chính thống

Nói tóm lại, dân tộc Việt-Nam trên miền đồng bằng Bắc-Việt, nguyên thủy đã có thỏ dân giồng giống Nam-Dương nước da bánh mật, sau đó mới ghép thêm dấu tộc Việt nước da bánh dày từ lưu vực sông Dương Tử di cư tới

Những người di trú này lúc đầu còn bám lấy miền duyên hải Bắc Việt, sau dùng đường sông thâm nhập nội địa và dần dần dồn thỏ dân lên miền núi, chẳng hạn như dân Mường miền Hòa-Bình và miền Thanh-Hóa, và các nhà sinh ngữ học và nhân chủng học đã căn cứ vào ngôn ngữ của các thỏ dân ấy mà cho rằng đây là những người Việt nguyên thủy (proto-Vietnamiens).

Dân số ngày mỗi đông, người Việt-Nam tìm cách mở rộng khu vực sinh sống và theo ven biển Trung-Hoa họ dần dần tiến xuống miền Nam.

Sau hơn 15 thế kỷ định cư trên lãnh thổ miền Bắc, họ vượt ranh giới Đèo Ngang lần đầu tiên năm 1069, tiến tới Huế năm 1306, Quảng-Ngãi năm 1402, Bình-Định năm 1470, Phú-Yên năm 1611, Nha Trang năm 1653, Phan Thiết năm 1697, Bà Rịa năm 1623, Biên Hòa năm 1658, Saigon năm 1674, sau hải Hà Tiên năm 1714.

Về phương diện chúng ta đang nghiên cứu, các địa danh lần lần xuất hiện theo cuộc trường hành của dân tộc Việt-Nam, dựa trên các địa danh sẵn có của thổ dân mà phiên âm hay Việt hóa theo quan niệm của người chiến thắng.

Vì thế các địa danh miền Bắc, phần lớn là tiếng Việt-Hoa, còn vào khỏi Đèo Ngang, nhất là khỏi Đèo Hải-Vân — tức coi là mức phân chia hai giọng nói Nam Bắc — thời đó đượm màu sắc chính thể hay nhân chủng đã kể tiếp trong thời gian và không gian: Chăm, Mã Lai, Chân Lạp, Việt-Nam, Trung Hoa và Âu Châu.



Chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa mới đây đã cho xét lại ranh giới cùng danh xưng của hầu hết các tỉnh miền Nam. Đó là một sự cải cách hợp thời và cần thiết vì danh sách chính thức các tỉnh cần được quy định rõ ràng.

### Quảng Bình, Quảng Trị

Bây giờ theo vết chân TẤN-ĐÀ, chúng ta hãy khởi hành từ Đèo Ngang (Cao 256m), ranh giới thiên nhiên của miền Nam nước Việt. Leo hết 980 bực, ta tới

Hoành Sơn Quan. (có nghĩa là cửa ải trên dãy núi ngang) hiện còn dấu tích của *Lâm Ấp Phế Lũy*, là nơi xưa kia được dùng để ước lượng (jauger) quân số trong cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh, vì không có thì giờ để đếm: *Đường vô xứ Huế quanh quanh, Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

*Yêu em anh cứ anh vô,  
Kệ trường nhà Hồ, mặc phá Tam-giang.*

*Xe hơi đã tới đèo Ngang,  
Ấy là Hà-tĩnh đường sang  
Quảng-bình.*

*Danh sơn gặp khách hữu tình,  
Đèo Ngang ơi hỡi là mình với ta.  
(Tản Đà-Chơi Huế)*

Cảnh vật hữu tình của nơi này cũng đã từng làm cho Bà Huyện Thanh Quan cảm xúc mà ghi lại mấy vần thơ bát hủ:

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,  
Cỏ cây chen đá lá chen hoa  
Lom khom dưới núi tiêu vạt chù,  
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

Tỉnh Quảng-Bình do vua Chế Củ dâng năm 1069 để chuộc mình, có nghĩa rộng rãi và bình yên. Vua Lý Nhân Tôn do một đạo Dự năm 1075 chia nó ra làm ba châu: *Bố Chính* (Bố Trạch), *Địa Lý* (Lê Thủy) và *Ma Linh* (Vĩnh Linh).

Tỉnh Quảng-Bình là quê hương của một số văn-nhân, võ tướng, có hai phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ:

*Đầu mâu vì bát  
Hạc hát vì nghìn*

Thật thế, núi *Đầu Mâu* cao vút như một ngọn bút lông, còn hồ *Hạc Hát* mặt nước phẳng lì như một nghìn mực.

Ngoài ra, còn có tám làng, là nơi xuất phát nhiều vị danh nhân, được người ta xếp lại thành câu đối:

*SON HÀ  
(Lê Sơn) (La Hà)  
CẢNH THỒ  
(Cảnh Dương) (Thồ Ngọa)  
VĂN VÕ  
(Văn La) (Võ Xá)  
CỒ KIM  
(Cồ Liễu) (Kim Nại)*

Cụ Đình-xuân-Trạc lại khuyên rằng:

*Vật thú Thồ ngọa thế: (chớ nên lấy cớ làng Thồ Ngọa.*

*Vật dã Phan long đề: (chớ nên đánh lộn làng Phan long.)*

*Vật giao La Hà hữu: (chớ nên làm bạn làng La Hà).*

*Vật ẩm Thượng sơn tửu: (chớ nên uống rượu làng Thượng sơn.)*

Bây giờ ta vượt qua sông Gianh hay sông *Ranh* (ranh giới), còn gọi là *Linh Giang*, xưa kia là giới hạn giữa *Đàng Trong* và *Đàng Ngoài*, khi đôi bên Trịnh Nguyễn còn phân tranh (1627-1672).

Chúng ta nhìn lại xa xa, ở đàng sau một làng lớn, đó là làng *Ròdn* (hay *Cảnh Dương*) do tên của *Mút Rồng* (hay *Long Tí*) biến thành.

Theo bờ biển ta tới *Đá Nhảy*, dưới chân đèo *Lý Hòa*, đá mọc lôm chôm, sóng vỗ bập bùng. *Kẻ Lát* (Lý) là một làng của

những dân chài, thường tới mùa cá họ dong buồm vào phương nam. Đó là nơi xuất phát nhiều đại thần hữu danh.

Tục truyền rằng một ngày kia Ông *Thượng Lý Hòa* mời Ông *Thượng La Hà* đến chơi tại *Đá Nhảy*. Thấy bạn mình hồn hèn nhảy từ phiêu đá nọ đến mỏm đá kia, ông liền đọc một vế câu đối đề trên ông bạn:

*« Hùm hét La Hà »*

Nó vừa có nghĩa là con hùm hét ở làng La Hà, lại có ý điệu ông bạn vừa hò, vừa hét, vừa la vừa hà hơi một cách mệt nhọc. Ông *Thượng La Hà* liền đối lại:

*« Bò đi Đá Nhảy »*

Câu này vừa có nghĩa là con bò đi ở vùng *Đá Nhảy*, lại còn ám chỉ bốn cử động của Ông *Thượng Lý Hòa* là bò, đi, đá và nhảy.

Ta thẳng tiến tới *Động Hới* (biến dạng của tên *Động Hải*: *Biển* có hang núi), tỉnh lỵ của *Quảng Bình*, là nơi thi sĩ *Hàn Mặc Tử* chào đời năm 1912. Con sông *Nhật Lệ* duyên dáng uốn mình trước khi chảy ra biển, trên bờ trồng đầy phi lao buồn bã thăm thì bên cạnh những bức thành hoang phế do ông *Đào Duy Từ* xây đắp hồi thế kỷ thứ XVII (1631)

Qua khỏi *Quán Hào* (quán bán sò hến), ta tới một vùng ruộng lúa phi nhiều, như đã ghi trong câu:

*Nhút Đờng Nại  
Nhì Hai Huyện.*

(Kệ sau tiếp)

# MỘT MAU VĂN MỚI



Của **ĐOÀN QUAN TẮN**

*Hội Trường, Hội Khuyến học Nam-điệt và hội Pháp văn đồng-minh.*



**C**HĂNG biết còn c h ê khen cách nào, chớ riêng phần tôi, mỗi khi qua đường Ca-ti-na đến ngã tư chỗ chú lính hươi tay cho xe chạy, tôi ưa dòm tòa nhà sáu tầng : vách trơn, cửa vuông, nóc bằng, không có chạy một lần chỉ hồ, không có gắn một chùm hoa đá, không có chạm một con hình voi. Chẳng có một cụm gạch thừa mà rút bỏ được.

Nóc đứng sững như thợ hồ bỏ chỉ. Đường thẳng ngay như thợ mộc nề mực. Nhưng đẹp, rất đẹp vì trơn bết.

Văn-chương ngày nay cũng trơn bết.

Văn-chương « vô tình » như nét vẽ của nhà đây. Nhà vẽ đường

bằng thẳng, văn sắp tiếng thông thường. Nhà có vách trơn-tru, văn có câu đơn giản. Chẳng hoa hòe cũng không gút mắt. Chẳng thêu vẽ, cũng không dư tiếng. Tiếng không dư, lại dùng đúng nghĩa, nên đâu đó khít khao.

Truyện thuật rất tự-nhiên, như ngồi cùng nhau nói chuyện.

Lúc hòa hướn câu cũng hòa hướn. Trong đêm tối, người trò tới, giựt mình, thờ ngẩn, câu cũng ngẩn. Nhắc giọng kiêu trâm bông thành thốt, câu của Hải Đường cũng thành-thốt bông trâm.

Văn linh hoạt, văn « sống ». Tâm lý cũng ống. Vì tác-giả để hết theo sự thật người đời.

Cậu học sanh kia vừa mười bảy, tuổi ngây-thơ, nên chưa biết muốn chi rõ rệt. Học thời lo sợ không đậu, cầm tới sách, lại chẳng chịu đọc cho hết sách, để năm ngày mong, ngó ra đường cái...

Than không-khí ở trường nặng-nề. Về nhà, ruộng xanh tươi, lại coi ngày dài dằng dẳng, trông mau tựu trường. Bữa gào đi lại buồn.

Vậy chớ cậu muốn chi. Cậu nào có biết !

Cô Kiều biết hơn cậu. Thiệt có vậy. Ai không nhận gái khôn mau hơn trai ? Gái biết dỗ kẻo em nhỏ hỏi chừng nào anh ba tựu trường. Trai nghe phớt qua, có biết đâu mà đề ý ! Trai lại quên liền. Gái biết đón bên hông nhà đêm tối. Trai bất-ngờ, lại thêm mắc cỡ. Ai đời gặp gái lại trốn gái...

Rồi sáng bữa sau, mình mặc sắc phục nhà trường, chơn lại « chậm-rãi theo xe chở rương... », chẳng dè gái biết trước, nên mới đứng tưới rau đợi...

Trai chậm hiểu, mãi lên tới trường, rồi trai mới biết nhớ, biết thương, biết ăn năn vì tội vô tình!..

Thật là vô tình !

Tâm lý của trai là vậy đó.

Vì trai vừa lớn, trai lớn khôn, mấy ai khỏi phải dấp ăn năn như đây, mà chẳng chịu nhận đây là thật sự.

Lại ta nên cảm ơn tác-giả chẳng chịu như ai, mãi dùng đoán thiên mà nhốt những việc lạ thường, mà thuật những việc tàn ác.

Đoán thiên đây tả thành thật

và khéo léo một vết thương lòng như thương ngày thường có.

Một vết thương nhỏ, nhưng chẳng can lắm mà đã quên đi, cũng chẳng sâu lắm mà phải làm cho ốm gầy, phải mòn, phải chết, phải giết người!

Trong đoán thiên đây chẳng có ai chết. « Vô-tình » tả một cảm tưởng mà thôi.

Một cảm-trưởng « năm xưa »... Ông Hải-Đường khéo chia cùng ta vậy.

**ĐOÀN QUAN TẮN**

**Chuyện ngắn**

**VÔ TÌNH**

Tuổi trẻ thơ qua rồi để lại cho ta biết bao nhiêu di tích !

Năm kia, lúc bãi trường, tôi về quê nghỉ. Cả hơn bảy tháng bị nhốt trong cái không khí nặng nề của trường, nay lại được sống giữa cảnh vườn ruộng xanh um trông trái, trí tôi trở nên nhẹ-nhàng và tâm hồn thơ-thới.

Năm ấy, tôi vừa mười bảy tuổi, học năm thứ tư trường Sư-Phạm Sài-gòn. Còn ít tháng nữa thì sẽ biết cái kết-quả của mấy năm cực nhọc. Tôi lúc nào cũng hồi-hộp, lo-lắng cho những ngày trong-lai, vì không sao đoán trước sẽ biến đổi hiền dữ thế nào.

Ở nhà một ngày, hai ngày ba, ngày... Ban đầu còn thích, riết lâu mỗi phút qua tôi coi dài đằng-dằng, rồi hơi chán, nên sáng bữa nào cũng nằm trên võng ngó mong ra đường cái... Trên tay chỉ có quyển sử học MALET, đọc hoài mà không hết...

Ngang nhà tôi, cũng ngoài hàng ba, cô Kiều cũng nằm võng ngó ra đường cái...

Cô thường mặc vải đen, làm cho gương mặt cô thêm sáng rỡ.

Thỉnh-thoảng cô hát hoặc hò theo điệu khách thương hồ. Giọng cô nghe thanh-thót : khi trầm, khi bổng, lúc nhặt, lúc khoan, mỗi khi câu hát bổng lên, tôi lại giật mình ngó ra đường cái... Bốn mắt ta gặp nhau, cô lại bẽn lẽn, dòm ghì xuống đất.

Nhiều lần như vậy..

Trong hai tháng nghỉ, ngày nào tôi cũng thấy cô, mà lạ, sao hình ảnh cô không bao giờ in trí tôi hết. Sau khi ôn bài vở lại, tôi nghĩ việc này sang việc nọ, song quên hẳn cô Kiều.

Năm bữa nửa tựa trường, tôi lo rương tráp chờ ngày xuống tàu.

Trong lúc tôi đương lui-cui với đồng sách, đưa em tôi lên bầy, miệng nhai tích toát, chơn chạy ù-ù vô nói với tôi : "Anh Ba! chị Kiều hỏi em phải mai anh đi học không. Chị cho em gói kẹo đây nè!" Nghe phớt qua rồi tôi cũng quên liền...

Trọn ngày làm lắt-xắt, mà tối

đêm đó tôi nghĩ sớm cũng không được. Cha tôi dặn, kể mẹ tôi dặn, năm điều bày chuyện, dặn nhứt là phải răn công học hành cho đáng với sự cực nhọc hằng ngày của hai thân.

Lạ ! Ở nhà thì chán mà tưởng tới cuộc đi ngày mai mà buồn : tai tôi sẽ vắng nghe lời nói dịu dàng của mẹ, mắt tôi sẽ không được thấy hằng ngày nét mặt nghiêm nghị của cha. Tuy buồn song tôi gắng gương tươi cười cho an lòng người ở lại...

Mười giờ đồ trên vách, tôi bước ra ngoài hiên. Tối đen như mực, lai rai gió thổi lạnh-lùng. Tôi đi qua đi lại trước sân nhà và đã thấy trong trí cảnh trường nào nhiệt.

Mắt vừa quen trong tối tôi thấy một cục đen to, sừng sững dựa hông nhà. Lại biết cử động ! Ngạc nhiên, tôi dừng chân. Nhìn sừng hồi lâu, tôi bước đại lại gần. Cục đen hóa ra hình người... Người im-lặng : cô Kiều !

Ngượng ngùng e lệ, tôi xây lưng bước mau về nhà...

Sáng bữa đó, lối chín giờ, mình mặc sắc phục nhà trường, chân chậm rãi bước theo xe chở rương xuống tàu.

Tôi cũng còn thấy cô Kiều một lần nữa. Trước nhà cô. Cô tưới rau. Khi thấy tôi, cô lại xây mặt vô nhà. Lúc bảy giờ tôi có cảm giác lạ lùng : vui hay buồn

tôi chẳng biết. Mà nay cũng không nhớ hết. Nhớ có chút đây : là tôi đi bộ vài trăm thước, tôi ngó ngoái lại thấy cô cũng còn đứng chỗ cũ ngó theo tôi...

Lên trường, mấy hôm tôi nhớ cô Kiều. Nhớ gương mặt tươi tắn ; nhớ giọng hát véo von ; nhớ cô đợi trong bóng tối ; nhớ cô đứng tưới rau, nhớ cô ngó theo

tôi. Trót tuần, tôi ăn-năn vì tội vô tình.

Hai tháng sau, bà thân cô Kiều qua đời. Nhà cửa cô về tay người khác. Rồi từ đó những nay, tôi không hề biết cô đi đâu, ở đâu... ? Tôi vô tình.

HẢI-ĐƯƠNG

## ★ ĐỐ TỤC GIẢNG THANH

Trong Văn Chương Bình Dân Việt Nam, câu đố (câu thai) chiếm một phần quan trọng, và đặc biệt là những câu « đố tục giảng bình dân của nước nào có cả. Những câu « đố tục giảng thanh » đó trong Văn chương Bình dân Việt Nam có nhiều vô số. Dưới đây chúng tôi xin chép lại hai câu đề quý bạn đọc giả thưởng thức cái hay riêng biệt của văn chương bình dân nước nhà.

Để tránh sự hiểu lầm chúng tôi xin giảng trước rồi đố sau.

Giảng : Hút điều thuốc lào

Câu đố : *Lung tròn vành vạnh đít bánh bao  
Mân mân mó mó đất ngay vào  
Thủy hỏa tương giao sôi sinh sịch  
Âm dương nhị khí sướng làm sao*



Giảng : Cái chiếu

Câu đố : *Xưa kia em trắng như ngà  
Bồi chưng ngủ lấm nên đả em thâm  
Lúc bần chàng đánh chàng đâm  
Đến khi rửa sạch chàng nằm lên trên.*

## ● CHÀO HÀNG

Một người bán hàng mời một người Ết-ki-mô ở Bắc cực :  
— Mời ông mua cái máy ướp lạnh này, cam đoan tốt nhất hoàn cầu,



# Lope de Vega



ĐẠI THI HÀO Y-PHA-NHO

ĐÃ VIẾT TRÊN 2000 VỞ KỊCH!

● PHẠM-CÔNG-THIỆN ●

**Ở** Việt Nam, viết sách mà mỗi tháng cho ra dăm ba quyển vài trăm trang, chắc chỉ có *Lê văn Trương*. Người ta đã phục cái tài ấy của ông, nhưng rất tiếc tác phẩm ông chỉ thịnh về lượng mà kém về phẩm. Có những nhà văn mà sức làm việc thực là kinh-thiên. Ở Việt-Nam, ngoài *Lê văn Trương*, phải kể *Trương Vĩnh Ký*, nhà văn hồi mới có chữ quốc ngữ song tác phẩm của ông đã lên đến hàng trăm quyển. Ở Tàu có *Huyền-Trang Tam - Tạng* và gần đây có *Lâm Thư*, hai ông đều ăn giải quán-quân về tác-phẩm dịch-thuật. Bên Hung-Gia-Lợi, văn hào *Nicolas Jókai* để lại hậu thế hàng trăm quyển tiểu thuyết giá trị. Và ở Nhật-bản, văn hào *Baklınn*

để lại một văn-nghiệp bất-hủ gồm non ba trăm tác phẩm (trong đó có một bộ tiểu thuyết tràng-giang gồm trên 100 cuốn). Rồi ở Đức, phải sợ lão *Hans Sachs*, nhà thơ kiêm thợ đóng giày mà lưu danh kim cổ với một thi-nghiệp cực đồ sộ là gần nửa triệu câu thơ!

Thực là khó tin quá, nhưng ai có đọc văn-học-sử Tây-ban-nha còn thấy rất điều khó tin hơn nữa. *Cervantes*, văn-hào vĩ-đại nhất Tây-ban-nha, chết ngày 23 tháng 4 năm 1616, trùng ngày, tháng và năm chết của *William Shakespeare*! *Cervantes* và *Shakespeare* đều là thi bá văn hào vĩ-đại của thế-giới. Một người tượng trưng cho nền văn học Tây-ban-nha, còn một thi tượng trưng cho nền văn học Anh-Quốc. Cả hai lại qui-tiên đồng ngày, tháng và năm.

Thực là gần như không thể tin được!

Và đây mới thực là khó tin đáo đê: một người chỉ sống có bảy mươi ba năm mà đã viết trên *hạt nghìn vở kịch*: một nghìn tám trăm hai kịch và bốn trăm tôn-giáo kịch (autos),

Người ấy tên là *Lope de Vega*. Sức làm việc của ông thực mới là kinh-thiên động-địa, không tiền tuyệt hậu trong lịch sử văn học thế-giới. Hồi 13-14 tuổi, đọc quyển tiểu-sử *Lope de Vega* của *Montalban*, đến đoạn nói về văn-nghiệp của ông, tôi quáng cả mắt, dụi đi dụi lại mấy lần, e mình đã thấy sai, rồi lấy cặp kính cận-thị đeo vào, mới chịu tin thật! Nhưng rồi cũng còn ngờ- vực, quyển ấy của *Montalban* viết bằng tiếng Tây-ban-nha, mà hồi đó tôi chưa thạo thứ tiếng ấy lắm, nên tôi lại lấy quyển từ-điển ketch-sù « *Pequeno Larousse ilustrado* » ra tra kỹ nghĩa của những tiếng như « *Comedias* » và « *autos* », xem coi những tiếng ấy có nghĩa gì khác ngoài nghĩa « *hài kịch* » và « *tôn-giáo kịch* » không. Tra xong từ-điển, tôi mới vững tin thật-sự.

Ấy, hồi thế-kỷ 16-17, kịch ở nước người tốt đẹp phần thịnh như thế, còn ngảnh lại nước ta, cho mãi đến thế-kỷ XX này, giá có gom lại hết những vở kịch đã xuất bản rồi để riêng ra những vở vô giá-trị còn lại những vở đáng kể như của *Vũ-dình-Long*, *Vĩ huyền-Đắc* hay *Đoàn-phú-Tứ*, có đem ra so với kịch của *Lope de*

*Vega* thôi, sợ cũng không được một phần trăm về lượng, mà phẩm thì cũng chẳng có gì đáng nói lắm (Tôi mong rằng tôi đã nghĩ sai) (1).

*Lope de Vega* quả kỳ tài thật đấy. Chả trách một người thận-trọng như *Cervantes* phải gọi ông là « *hiện-tượng của tạo-vật* ».

Người đã viết trên hai nghìn vở-kịch đó, người mà *Cervantes* mệnh danh là « *hiện tượng của-tạo vật* » đó, chắc bạn cho rằng đời người ấy phải ly-kỳ, đĩnh-đặc lắm thì phải.

Không đâu, đời *Lope de Vega* không lấy gì ly-kỳ, đĩnh-đặc lắm đâu. Đời ông chỉ là một cuộc đời bình thường như bao kẻ thông-minh khác mà thôi. Một thiên tài đâu cần phải có một đời dị-thường, ly-kỳ, đầy nghịch cảnh, đầy bão tố phong ba.

Hồi còn thơ ấu, ông cực thông-minh, khi còn cắp sách đến trường, ông đã trước tác nhiều vở kịch và thường hay dịch thơ của những thi sĩ La-tinh. Năm 13 tuổi, ông đã thành-cáo một kịch-bản!

Thuở ấy, ông mê kịch một cách dị-kỳ. Ở Việt-Nam, nhà văn *Lê-sĩ-Quý*, tác giả quyển « *Phê-bình và Cáo-luận* », hồi nhỏ rất mê tuồng và mê luôn cả kép hát, cho đến nỗi sau này lớn lên viết văn ông ký tên là *Thiếu-Son*, tức là

(1) Đây là mới nói về kịch viết bằng văn xuôi, chứ kịch thơ như của *Lope de Vega*, nước ta còn kém hơn nhiều nữa.

tên của kếp hát hồi nhỏ ông mẹ, Còn *Lope de Vega* cũng mê kịch, rồi mẹ luôn người đóng kịch, nhưng dạng này nếu ông mẹ kếp như *Thiếu-Son* thì tôi đâu kể lại đây làm gì, ông lại đi mê một cô đào ! Khi ấy ông được mười bảy tuổi. Cái tuổi rạo rức yêu đương, ân-ái và mơ mộng. Ông đắm-đuối trong tình-trường mấy năm trời, rồi bị cô này ruồng bỏ. Ông mới làm những bài thơ phúng thích đả kích cô ả và gia-đình cô, không biết đả kích thanh lịch thế nào đến nỗi ông phải bị phóng-trục khỏi Madrid, trong 8 năm trời !

*Lope de Vega* có đến 3 đời vợ ! Ông cưới người vợ thứ nhất được vài ngày, ông xin đăng làm lính cho một tàu chiến, sau trở về ở với vợ được ít lâu thì bà này chết. Người vợ thứ hai của ông là con gái của một người bán cá và thịt. Rồi bà này cũng chết nốt. Ít lâu sau, ông mê say cô vợ của một nhà dinh nghiệp, nhưng không làm gì được, người ta đã có chồng mà lại. Chắc hồi ấy ông đã vái nhiều lần, mong cho anh chồng « kỳ đà » ấy chết đâu chết phứt cho rồi đi, để cho ông khỏi những đêm trắng ác-hại đầy nhớ nhung, tư-tưởng ! Trời đã thấu được nỗi lòng ông : ít lâu sau, anh chồng ấy chết và chị vợ liền cuốn gói theo ông ! *Dostotevsky* và *Lope de Vega* bắt tay nhau ở điểm này !

Hai ông bà ăn ở với nhau được nửa đời sáu năm, sau bà chết trước ông, ba ngày. Người ta kể lại rằng từ khi về ở với ông.

bà thường hay lên cơn điên. (Chắc hồn thiêng anh chồng cũ về báo đày chứ gì !)

Tam kẻ ông có ba vợ, chứ thật ra nếu kể cho hết những mối tình phụ, vật vãnh của ông thì còn phải nhiều trang giấy nữa mới viết đủ. Thi-sĩ thường thường như vậy đó. *Cô Diêu Huyền* đã chẳng bảo : « Lúc nào họ cũng ôm trái tim « vô số » — coeur innombrable như lời nữ-sĩ Anna de Noailles — đi dạo rải « tình yêu » khắp bốn góc của trời mơ » là gì ?

Mặc dù ông làm thư ký liên tiếp cho những quan đại-thần, nhưng ông cũng phải viết văn mới đủ sống. Ông viết rất mài-miết, rất đều đặn. Năm ông bốn mươi hai tuổi, ông đã viết xong trên hai trăm kịch phẩm ! Danh ông bấy giờ nổi hơn cồn.

Năm bốn mươi chín tuổi, ông đi tu, và ba năm sau, ông được lên chức linh-mục. Ông cũng tiếp tục miệt-mài phụng sự cho văn-học.

Từ năm 60 tuổi đến chết, người ta tôn ông là « ông thầy tuyệt-đối của lâu đài văn học Tây-ban-nha »

Ông để lại một văn nghiệp vĩ đại nhất trần gian, loại nào ông cũng có viết : thơ tự tình, anh hùng ca, thơ điền viên v.v...

Người ta còn có cái sở trường sở đoản, chẳng hạn như *Đỗ Phủ* làm thơ thì tuyệt, nhưng viết văn xuôi, luôn luôn mắc phải cái lủng củng, lồi thoi. Còn *Lope de Vega*, trong tất cả thể văn ở thời đại ông, không có thể nào mà ông không

xuất-sắc.

*E. Mérimée* nói : « Ông đã sống nhiều đời sống, vì thế, có lẽ ông có thể mô-tả viên mãn hơn những kẻ khác, tấn bi hài-kịch muôn thuở của loài người »

Bài này thuộc loại *truyện-ký*, việc nói đến kịch-phẩm của ông lẽ ra không phải ở đây. Nhưng tôi xin phép bạn thuật lại một vở hài kịch tuyệt hay của ông « El Mejor Alcalde el Rey » (Ông quan giỏi nhất là ông vua), để bạn có một đại-ý về 1800 hài kịch của bậc đế nhất kịch-gia Y-pha-nho này :

**Sancho và Elvira yêu nhau.**  
Chàng hỏi nàng làm vợ và được cha

**Elvira là Nuño ưng thuận.** Sancho lại xin phép quan Don Tello làm lễ cưới. Don Tello cho phép và nhận làm đỡ đầu. Ngày cưới đến, Don Tello dự lễ và mê một sắc đẹp tuyệt trần của Elvira. Vì thế ông ta tìm cách hoãn lễ cưới lại ngày mai. Sau đó ông ra lệnh đầy tớ của ông đến cướp lấy Elvira đem về lâu đài ông. Sancho đến kêu oan cùng vua León. Vua mới ủy một bức thư cho Sancho đem về ra lệnh Don Tello phải thả Elvira. Don Tello không đem xác gì đến bức thư của vua mà lại còn hăm dọa, đánh đuổi Sancho. Sancho đến kêu oan cùng vua một lần nữa. Lần này, đích thân vua đến xử tội Don Tello. Ông buộc Don Tello phải nhận Elvira là vợ, rồi ông ra lệnh chặt đầu Don Tello, chia phân nửa gia tài của Don Tello cho Elvira và Elvira cùng Sancho làm lại lễ cưới.

Đây là một trong những đoạn linh động nhất trong vở kịch tả lúc vua León giả làm một vị quan ở triều đình đến hỏi tội của Don Tello, hãy nghe :

DON TELLO (Al Rey.)

Sois por dicha, hidalgo, vos el  
alcalde de Castilla que me busca?

REY.

¿ Es maravilla ?

DON TELLO

Y no grequena, por Dios, si  
sabéis quién soy aquí.

REY

Pues ¿ qué diferenciación del  
Rey quien en nombre viene suyo ?

DON TELLO.

Mucha contra mí.

Y vos, ¿ adónde traéis la vara?

REY.

En la vaina está, de donde pres-  
to saldrá, y lo que pasa veréis.

DON TELLO.

¿ Vara en la vaina ? ¡ Oh qué  
bien !

No debéis de conocerme.

Si el Rey no viene a prenderme,  
no hay entodo el mundo quién.

REY.

Pues yo soy el Rey, villano.

PELAYO.

¡ Santo Domingo de Silos !

DON TELLO.

Pues, señor, ¡ tales estilos  
tiene el poder castellano !

¡ Vos mismo ! ¡ vos en persona !  
que me perdonéis os ruego.

REY.

Quitadle las armas luego.

Villano, por mi corona que os  
he de hacer respetar las cartas del  
Rey.

FELICIANA.

Señor,  
que cese tanto rigor os ruego.

REY.

No hay que rogar.  
Venga luego la mujer deste pobre  
labrador.

DON TELLO.

No fué su mujer, señor.

REY.

Basta que lo quiso ser.  
Y ¿ no está su padre aquí,  
queante mí se ha querellado ?

DON TELLO.

Mi justa muerte ha llegado.  
A Dios y al Rey ofendí.

*Đoạn này dịch ra Việt văn, cái hay của nguyên tác giảm đi rất nhiều. Nhưng tôi cũng tạm dịch ra văn xuôi (nguyên tác là thơ) cho đủ nghĩa thôi.*

DON TELLO (nói cùng vua):  
Phải ông đây là vị quan ở Castille  
mà ngẫu-nhiên đến tìm tôi ?

VUA : Sự đến thăm của tôi có  
làm ông ngạc nhiên không nhỉ ?

DON TELLO : Vâng, vâng  
nhiều lắm. Ông mà biết tôi đây  
là ai thì...

VUA : Ông là một gia-thần  
của vua và ông phải vâng lời và  
kính trọng người thay mặt vua  
cũng như ông vâng kính chính  
vua vậy.

DON TELLO : Vậy a ? tuy  
thế, theo ta thì khác biệt xa lắm  
đấy. Ở, ở này, ông cho ta xem  
cái biểu tượng gia thần của ông ?

VUA : Nó còn nằm trong vỏ,  
nhưng khi nó được đem ra, ông  
sẽ biết !

DON TELLO : A... vì nó  
còn trong vỏ, a-ha, thì nó cũng  
vẫn ở luôn trong vỏ. Chắc mi  
không biết ư ? Không có một thằng  
nào to gan dám bắt ông đây cả,  
trừ ra hẳn là vua.

VUA : Này, thằng dê tiện, ta  
đây là vua.

FELICIANA : (Chị của  
Tello). Trời ôi ! che chở chúng  
con !

TELLO : Ô kia, bệ-hạ... vua  
Castille tự hạ thế sao !... Bầm  
bầm bệ-hạ, chính bệ-hạ đấy à!...  
Bầm tiện thân xin nghìn lạy cuối  
xin bệ hạ lấy lượng hải hà mà  
dung thứ tiện thân.

VUA : Hãy lấy khí giới nó  
đi... Vì vinh dự của vương niệm  
ta, hồi thăng ngạo mạn, ta sẽ  
làm mi kính trọng những bức thư  
của ta.

FELICIANA : Xin bệ hạ  
dủ lòng đoái đến mà bớt hà-  
khắc cho chúng con nhờ.

VUA : Van xin làm gì vô ích !  
— Phải đem vợ của người dân  
cày đáng thương này ra đây tức  
khắc !

TELLO : Bệ-hạ, nàng không  
phải là vợ hẳn.

VUA : Nàng nhất định sẽ là  
vợ của hẳn, đủ rồi — gia-đĩ mi  
chả thấy cha nàng đứng gần mi  
đó ru ? Cha nàng kêu oan cùng  
ta đấy !

TELLO : Đã xúc phạm đến  
Trời và vua, tôi sẽ chịu chết  
cách thiết đáng...

Phạm Công Thiện  
(Mỹ-thơ 58)



## Thoáng buồn

Nắng rung rung động bờ mi tơ liễu,  
Gió bàng hoàng thổi nhẹ đung mây xanh.  
Chiều hôm nay tơ-trắng ngáp kính-thành,  
Áo hồ-thúy, và mắt màu ngọc-bích  
Tôi gặp em đi, dáng chiều có - tịch,  
Gót u - trầm vương vương do tơ bay...  
Tôi gặp em và thương nhớ chiều nay;

Nghe nhè nhẹ như tình yêu thoáng đượm,  
Nắng chầy lung - linh dập đầu hoa bướm,  
Bước bằng - hoàng ngượng - ngượng buổi sơ-giao  
Tóc rú bờ vai trâm giắt hoa cài,  
Lời yên lặng trên bờ môi rung động.  
Em bàng - hoàng giữa hồn chiều im bóng,  
Nhìn mây xanh bay phủ lối kính - thành  
Mắt hồ - thu rục - rục nét tình - anh  
Nhưng bỗng chốc lại u - sầu vò vạt,  
Non nước hoa gương đượm màu u - tối  
Em nghiêng mình nhẹ nhẹ đón tơ bay.  
Nhớ thương ơi ! Vừa gặp - gỡ hôm nay  
Đã nghìn - nghẹn như vữa đang đưa tiễn,  
Đôi mắt tìm nhau nét buồn lưu - luyến  
Tim run run và lời cũng run run  
Chiều nghiêng nghiêng trong sắc nắng phai dần,  
Hồn lạc lõng giữa một thời sơ - thủy.  
Mắt hoàng - hôn xanh như màu thiên - lý.  
Phấn hương chìm trên nếp má say mê.  
Mến yêu ơi ! Sao chửa vẹn ước thề,  
Sao sơ - ngộ mà đề lòng hoang - vắng.  
Thoáng gặp mà thôi, rồi xa vương - oán.  
Em lặng buồn ta cũng lặng tru - tu,  
Mối yêu nhau mà đã sợ ị - từ  
Mơ mộng ngọc vẫn sợ thành ảo - mộng,  
Ta đứng miên - man, hoàng hôn gió long,  
Cả trời chiều gợn gợn nét hoang - sơ.  
Ngơ ngác tìm mây lời vẫn lặng tờ,  
Em đưa khẽ tay lên cài lại tóc.  
Trong yên lặng đã nghe hồn rung - rúc,  
— Lời run, ta vẫn nhớ : thoáng buồn thôi.  
Mến yêu ơi ! Buồn tìm bốn phương trời !

Trần - Hoàn - Trịnh  
(Vợ-Đẹp-Hôn)



# CÁI MÁY ĐÁNH CHỮ

— người bạn mới của tôi —

**T**ôi đang ngồi chăm - chú xem thư của bạn đọc bốn phương gửi về. bỗng nhớ đến bức thư hồi sáng ông Giám-Đốc đã bảo tôi phải đánh máy gấp. Tôi vội xếp các thứ kia lại vào mang bàn máy ra. Tôi loay-quay thế nào không biết đề cái máy móc rách tay áo tôi, tôi định tới về nhà khâu lại, song sợ khách vào trông thấy sẽ cười cho, nên liền đi mượn kim chỉ vá lại vội-vàng. Cái máy vẫn nằm im-lìm trên bàn như thằm mỉm cười trên tức. Tôi vừa giận nó vừa buồn cười cho tính trẻ con của tôi; máy kia có tội-tình gì mà giận nó? Đáng trách chẳng là tội vô ý của tôi, nên mới bị rách tẹt đi một cánh hoa trên tay áo, Tôi lại mỉm cười bắt đầu làm việc với bàn máy.

Xong bức thư, ký tên, đóng

dấu, niêm phong lại trong bao thư kỹ-lưỡng rồi, tôi thấy bụi bám trên mình máy, liền lấy khăn phủi, nhân được chút thì giờ rảnh, tôi lau chùi luôn cả bàn máy. Không hiểu sao, tôi có cảm-tưởng như máy đánh chữ mỉm-mỉm cười với tôi. Tôi ngừng tay, nhìn nó. Nó nhìn tôi, và âu-yếm bảo :

— Chị Yến ạ, từ hôm ông Giám-Đốc đem em về đây và trao cho chị, tuy em là của tòa báo Phồ-Thông, em được hân-hạnh là một vật quý mến của văn phòng, nhưng em vẫn là của riêng chị.

— Suyt, em nói khê kẻo ông Giám-Đốc nghe...

— Ông nghe cũng không sao, chị à. Vì ông ấy cũng cưng em lắm chứ. Vì cưng em nên ông mới trao em trong tay chị, gởi-gắm em cho chị, và bao nhiêu lời thư thông-cảm giữa ông và bạn đọc Phồ-Thông đều hoàn toàn do nơ-

hai-chị em mình chuyên đi khắp bốn phương. Bao nhiêu lời lẽ xã giao lịch-thiệp, những điều bần-khoãn lo nghĩ, cho đến cả những tư-tưởng thâm kín của ông, lúc ông đọc cho chị chép một bài thơ, một đoạn văn..., bao nhiêu tâm sự của Thi-nhân đều phó thác hết nơi em, rồi chị lại phó thác hết nơi chị Thật em không ngờ, chị Yến ạ. Mới năm ngoái đây, em còn ở trong một xưởng máy bên Anh-Cát-Lợi. Từ một cơn óc mộng âm-ĩ quay-cuồng của trăm ngàn máy móc tối-tân, ly-kỳ, em được ra đời với muôn nghìn bàn máy khác, rồi liền bị đờn cả với nhau trong một kho chứa hàng đầy bụi-bặm. Thế rồi sau đó ít lâu, họ bỏ chúng em vào

Của  
cô BẠCH-YẾN

thùng, niềng sắ t chung quanh chặt chẽ như sợ chúng em tìm đường trốn thoát. Họ đưa chúng em xuống tàu, rồi gởi chúng em đi biệt-biệt nơi chân trời góc bể. Thật là một cuộc chia ly nào nùng đau đớn ! Kê sang Úc - đại - Lợi, Âu - Độ, Ai-Cập, Ma-Rốc, người sang Nhứt Bồn, Đài Loan, Ma-ni, Riêng em được hân hạnh cập bến Sài-gòn, rồi một buổi sáng huy-hoàng náo nhiệt, tại nơi Thương-khâu, em bị chở vào kho hàng tối tăm chật hẹp của một nhà nhập cảng. Em nằm trong ngục tối ấy từ cuối tháng chạp năm ngoái chị ạ. Em chán quá, lo ngại cho phận mình. Thân gái mười

hai bốn nước, riêng em đã phiêu bạt vào bến nước Đông-Nai thì... trong nhờ, đục chịu, chứ biết kêu ai và than thở cùng ai chị nhỉ ! Em chỉ sợ nằm mãi trong xó tối ấy, sẽ bị mốc meo, dơ bẩn chị ạ. Không dè, một buổi sáng mùa thu, nhà Thi sĩ lang-thang vào hăng buôn, trông thấy em, liền gọi tên em :

— A, Leaden ! Đẹp quá ! Nhưng sao ở trong xó tối này, muốn về với ta không ?

Em mỉm-mỉm cười :

— Dạ muốn lắm.

Thế là chàng ra văn-phòng của hiệu buôn ký một miếng giấy đề lãnh em về. Chàng âu-yếm bế em trong tay. Trời Sài-gòn hôm ấy đẹp quá ! Nắng thu vàng nhạt, ấm-áp. Một chiếc lá vàng từ trên cành rơi xuống âu-yếm nằm trên mình em, chàng khẽ lượm và mỉm cười bảo :

— Mùa thu đón em đó !

Về đến tòa báo thì người vồn-vẻ đón em chính là chị. Rồi bây giờ em được là bạn thân của chị. Em có phải là bạn tri-âm của chị không, chị Yến ?

— Chị rất sung-sướng được làm bạn với em, song em có thể cho chị biết qua về lịch sử giòng họ nhà em không ? Em có biết gì về dĩ-vãng của gia đình em không ?

— Có chứ chị. Em có lợi dụng thời gian nằm găn rục cả xưởng

trong các hiệu buôn ở Anh Quốc để học hỏi về các bậc Tô-Tiền tiền bối của em từ xưa từ xưa kia lận.

— Thế thì hay lắm, em kể cho chị nghe đi nào !

— Vâng, thưa chị, có gì hân hạnh cho em hơn là kể lại lai-lịch giòng họ nhà em cho chị Yến thân yêu của em nghe... Thưa chị, chắc chị cũng biết rằng, hai thế kỷ trước đây người ta không dùng ngòi bút sắt, bút vàng hay bút nguyên-tử như ngày nay, mà người ta chỉ viết bằng lông ngỗng hay lông cánh bồ câu. Tuy nhẹ-nhàng mềm-mại song phải mất nhiều thì giờ, nhất là khi cần viết một lúc nhiều bức thư hoặc chép một lúc hàng năm mười bốn. Thế rồi năm 1714 Ông Henry-Mill, kỹ sư nước Anh, là người đầu tiên đã chế được cái máy đánh chữ, để khỏi chép tay. Song ông không được mãn - nguyện, vì trông vào hình thức thì lại rất thô-sơ, chữ ghi còn lộn-xộn, đánh chậm và cù hư mái. Cùng lúc ấy các nước trên thế giới cũng đua nhau chế tạo nhiều kiểu máy đánh chữ khác nhau, như ở Pháp có hai ông Charles-Thurber và Pierre-Foucault vào khoảng năm 1843, ở Anh có ông Beach (1856) và Đức thì ông Thomas-Hall, nhưng tất cả đều cho ra đời các loại máy viết về hình thức thì có "văn minh" hơn, song vẫn còn đánh chậm và có nhiều sự bất tiện. Mãi đến năm 1880 có một nhà kỹ - nghệ gia Mỹ tên là

Remington mới đem sửa-chữa lại và lúc bấy giờ ông đã chế tạo thành một kiểu máy rất hoàn-toàn, thông-dụng đến ngày nay.

Hiện loại máy Remington (tên người chế tạo) được hầu hết mọi người ưa chuộng. Thưa chị, nói về lịch-sử máy đánh chữ, em phải nhắc đến Coulon de Thévenot, là người đã có sáng-kiến áp-dụng lối đánh máy tốc-ký đầu tiên ở Pháp hồi thế kỷ 18. Lúc ấy người ta không gọi là *Dactylographie*, mà lại gọi là *Tachygraphie*. Con gái ông Thévenot, là người thiếu nữ đầu tiên biết sử-dụng chiếc máy đánh chữ tốc ký của cha cô. Chẳng bao lâu cô trở nên một nữ thư ký đánh máy thành thạo. Những buổi họp lịch sử của Hội-nghị Hiến-pháp (*Assemblée constituante*) trong cuộc cách mạng Pháp năm 1789 đều có mặt cô đến dự với chức vụ nữ thư ký đánh máy, và nhờ cô mà tất cả biên-bản và các bài diễn văn hùng-hồn này lửa của Danton và Robespierre còn lưu lại trong Văn-khố cho đến ngày nay. Cô Thévenot có thể nói là cô thư ký đánh máy đầu tiên của Thế-giới vậy.

Tại các công sở và tư sở lớn, có hai hạng thư ký : thư ký đánh máy thường (*Sécretaire dactylographe*) và thư ký phòng giám-đốc (*Sécretaire de Direction*). Hạng thư ký này thường được trọng dụng và ông Giám-đốc tín nhiệm hơn. Ông Tổng Thống nước Cộng Hòa Cuba hiện nay là Fulgencto-

Baltza cũng xuất thân từ địa vị một anh thư ký đánh máy. Nhờ lúc còn là một thầy thư ký, tất cả các công-văn, các bức mật thư trong nước ông đều đánh máy, nên ông được biết rõ tất cả tình hình trong nước, rồi ông đứng ra làm cách mạng và ông đã đem thắng lợi về cho ông một cách dễ - dàng. Người ta thường dùng nữ thư ký đánh máy hơn là thanh niên vì người ta cho rằng người phụ nữ phần nhiều có bản tính dịu-dàng, ít tiết lộ bí mật trong văn phòng hơn đàn ông. Chính nhà văn André Maurots cũng đã nói ; *« Douée à la fois d'une mémoire impeccable et d'un tact surhumain »* (Cô thiếu nữ đánh máy vừa có một trí nhớ hoàn-toàn và một tinh-vi siêu-việt).

— « Son triomphe répond à une nécessité profonde de notre temps : pour une jeune femme qui aime l'action, il n'y a pas de plus beau métier » (Sự vẻ vang của nàng là thích-hợp với nhu-cầu sâu-dậm của thời buổi này với một thiếu nữ ưa hoạt động không có một nghề gì tốt đẹp hơn ngoài đánh máy).

Trước kia, cô Juliette-Drouet cũng là một nữ thư ký giúp việc rất đắc lực cho nhà thi hào Victor Hugo. Cô đã mang sẵn trong người một dòng máu nghệ-sĩ, nên có nhiều lúc nhà thi sĩ làm thơ, có lẽ vì viết bài quá nhanh nên số vài chữ viết sai, vài câu lạc

vạn, đến khi đưa cho cô đánh máy. Juliette Drouet thấy thế lạng lẽ sửa chữa lại cho ông. Có nhiều câu thơ rất hay của Victor-Hugo lại là những câu đã được Juliette-Drouet sửa lỗi cho ! Thế rồi từ địa vị một người giúp việc tin-cần, bởi duyên văn nghệ kết thành chẳng bao lâu Juliette Drouet trở nên người bạn trăm năm của thi sĩ...

— Chị cảm ơn em đã kể cho chị nghe "thần thế và sự nghiệp" một bàn máy đánh chữ, Chị biết rằng trong xã-hội loài người này không hiếm chỉ kẻ sống xa-hóa rộc rộc, hằng ngày ngồi chênh-chệ trên chiếc xe Huê-Kỳ bóng loáng, chỉ lo cho được vinh thân phì gia, là những ký-sinh-trùng ăn bám vào xã-hội, nhưng cái giá - trị con người của họ không bằng một bàn máy đánh chữ khiêm tốn như em. Vì thế chị quý em lắm. Hôm nay chị ngồi đây với em, giữa chị và em đã trở thành đôi bạn tri âm. Chị càng quý em hơn nữa vì chị cùng em ghi chép trên giấy bao nhiêu tư tưởng xinh đẹp của Thi-nhân, những câu thơ êm đềm duyên-dáng, những giòng văn hoa-mỹ phổ-biến văn-hóa trong các giới đồng bào. Giữa tâm-hồn nhà-thơ với tờ giấy trắng, cũng như giữa mười ngón tay của chị và em, biết bao nhiêu tình lưu luyến ! ..

BẠCH - YẾN



Mình đi!

## NHÀ TÔI ĐÒI TỰ TỬ

**B**À Tú bỏ tờ nhật-trình xuống bàn,

quay lại gọi ông Tú :

— Mình ơi !

Ông Tú cầm bàn ủi điện, đang ủi cái quần tây của ông, chưa kịp trả lời Bà Tú lại gọi :

— Mình ơi !

— Oí cái gì đó nữa, hả Bà ?

— Mình à, sao đọc nhật-trình đạo này thấy nhiều vụ nữ-sinh tự-tử thế, hả mình.

(★DIỆU HUYỀN★)

— Họ tự-tử thì mặc kệ họ chứ...

— Nhưng tại sao đạo này họ tự-tử nhiều thế ? Sao đạo trước ít nghe họ tự-tử ?

— Mình muốn biết tại sao thì mình hỏi mấy người tự-tử chứ anh đâu có tự tử mà hỏi anh ?

— Tại mình hay khoe với em rằng chuyện gì mình cũng biết hết ráo... Bây giờ mình nói cho em nghe tự tử phải có cái thích-thú gì thì các cô ấy mới đua nhau tự-

tử như vậy chứ ?

— Có thích-thú thì người ta mới tự-tử chứ bộ ! Mình không đọc quyển " *Apologie du Suicide*," anh dịch tạm là « Hoan-hô Tự-tử ! » của *Gérard de Nerval* đó sao ?

— *Gérard de Nerval* là ai hả mình ?

— Là một Thi-sĩ Pháp ở Thế-kỷ 19 a, ông ta làm thơ buồn và thật hay, có thể nói là thầy của hai thi-sĩ trứ danh *Rimbaud* và *Mallarmé*. Nhưng phải cái tội là hơi điên-diên, chán nản thế giới loài người hiện tại, chỉ thích bỏ đi đến một thế giới khác huyền bí, u-m nh hơn, cho nên ông viết quyển *Apologie de Suicide* đề ca-tụng sự tự-tử...

— Rồi ông ấy có tự tử thật không ?

— Có. Một buổi sáng ngủ dậy người ta thấy trong sương mù lạnh lạnh lẽo. Thi-sĩ treo cổ tự-vật nơi hàng rào sắt ở một đường hẻm kinh-thành Paris, là đường *Vielles Lanternes*.

— Tội nghiệp he ! Rồi sao nữa mình ?

— Rồi thôi, chớ sao ! Đã tự-tử rồi còn cái khi-mốc gì nữa ! Nhưng đạo ấy, tại thi-sĩ *Gérard de Nerval* tự-tử mà thành ra cái dịch tự tử tràn lan ở Paris cũng

như ở Sài-gòn bây giờ vậy ! Mà phần đông cũng là các cô thiếu nữ... lãng-mạn, hoặc thất tình.

— Mình nói ở Hà-nội, lâu rồi, một đạo cũng có cái dịch tự tử, có không hả mình ?

— Có. Đó là vào khoảng 1930-31. Người thiếu-nữ đầu tiên mở ra phong-trào mắc dịch ấy, tên là cô Tuyết-Hồng. Cô ấy không đẹp bằng mình, nhưng cũng đẹp tuyệt. Người cũng mảnh-thon-thon như mình vậy.

— Có ấy lãng-mạn lắm sao ? Tại sao cổ tự tử ?

— Tại cái hôm cô lấy chồng thì có dư-luận trong thành phố đồn rằng cô đã mất trinh từ trước rồi. Họ nhà trai nghe tin đó, muốn chửi xỏ bên nhà gái, nên họ kiêng một con heo quay không có tai, đến nhà gái để làm lễ cưới, mà mình biết, theo tục-lệ ngoài Bắc, đem lễ vật một con heo quay dứt tai là có ý-nghĩa rằng cô dâu đã mất trinh rồi. Cô Tuyết-hồng thấy vậy, uất-ức quá, bèn ra Hồ Trúc Bạch nhảy xuống nước tự tử.

— Trời ơi ! mà cô ấy đã mất trinh thật không, mình ?

— Cổ mất trinh hay còn thì chỉ có cổ biết chớ anh có lấy đồng trinh nào của cô đâu mà mình hỏi anh ? Ngộ dữ hôn !

Bà Tú tủn-tủn cười, hỏi tiếp :

— Rồi sao nữa, mình ?

— Chết là hết chuyện, chớ sao !

— Thế ra chỉ những cô nào

thất-tình hay uất-ức chuyện gì mới tự-tử hả ?

— Chưa chắc. Thất tình tự tử là thường. Thi trượt vô chuỗi cũng tự-tử. Nghèo mang nợ bị chủ nợ bỏ quá cũng tự-tử. Tuyệt vọng về chuyện gì cũng tự-tử. Tóm lại chỉ những người nào tâm hồn quá bạc - nhược, quá hèn-hát, mới tính chuyện ly-dị với đời sống. Chứ ai còn một chút can-đảm, như anh chàng hạn, chịu nhằn - nại, bền gan, vững chí, cương-quyết vượt qua các thử thách của số phận thì dù hoàn cảnh có tuyệt-vọng thế mấy đi nữa cũng cố nín lấy đời mà sống ! Tuy vậy trên đời cũng có kẻ tự-tử một cách phong-lưu lắm. Mình ơi, như cái ông chủ ngân hàng Gia-nã-đại, tên là *Harry Bone*, một nhà triệu-triệu-phủ danh tiếng khắp Mỹ-châu đã tự-tử bằng một khẩu súng - lục làm toàn bằng vàng-y nạm kim - cương với một viên đạn cũng bằng vàng

— Trời ! Phí vàng quá nhỉ !

— Còn mình biết, năm 1943 một cô đào hát cũng có tiếng ở nước Ý, *Miello*, đọc nhật trình thấy tin vị - hôn phu của cô chết ở mặt trận. Cô liền đi mua máy trăm đồng bạc hoa lê-don tăng-tinh đem về rải khắp hết căn phòng của cô, với các tấm ảnh của chàng, rồi cô nằm xuống giữa giường hoa ái-tình ấy, cầm súng lục bắn một phát vào quả tim, để mong linh-hồn được theo ý-trung-nhon...

— Thảm quá nhỉ !

— Theo anh, chết như thế là đại. Anh nhớ hồi 1936, bên Pháp, một nhà Thi-sĩ làm ra một bài hát thật buồn, đề là « *Sombre dimanche* » (Ngày chúa-nhật u-ám), bài hát buồn cho đến nỗi có trên 30 cô thiếu-nữ nhảy xuống sông Seine tự-tử vì bị ảnh-hưởng của bài hát ấy. Ông Thi-sĩ tác-giả bài hát, thấy vậy tự cho mình là thủ phạm 30 vụ tự-tử kia, rồi ông cũng tự-tử luôn, để chuộc tội !

— Thật là cái dịch tự-tử !

— Không những ở Pháp, hay ở Sài-gòn hiện giờ, mà ở nhiều nước khác, nhất là ở kinh-đô *Berlin* (Đức), *Londres* (Anh), ở *Softa* (Ru-ma-ni), *Tokyo* (Nhật), *Naples* (Ý), *New-York* (Mỹ), trong lịch-sử cũng còn ghi lại nhiều dịch tự-tử như thế. Người ta gọi đó là những cuộc " tự-tử tập-thể ". Và lạ nhất, là ở kinh-đô nào cũng có những chỗ đặc-biệt để tự-tử, như ở New - York thì các cô thích lựa hai nơi để tự-hủ tâm thân ngọc-ngà là Buin-đin *Woolworth* và cầu *Brooklyn-Bridge*, ở Đức thì cầu *Groschesselobe* gần Munich, ở Nhật thì mỏ bụng (*harakiri*), hay là nhảy vào miệng núi lửa *Oshima* và thác nước *Kagon*, ở Paris thì *Arc de Triomphe*, tháp *Eiffel*, lầu chuông nhà thờ *Notre Dame*, chiếc cầu ở hoa-viên *Buttes Chaumont*, ở Hà-nội thì hồ *Trúc-Bach*, Hồ-Tây, ở Sài-gòn thì cầu *Thị-nghê*, ở Ru - ma - ni thì sông

*Danube* v.v...

— Té ra ở xứ nào cũng là đàn bà con gái hay tự-tử nhiều hơn là đàn-ông hả Minh ?

— Phải, vì vậy cho nên người ta gọi phụ-nữ là phái yếu, cái giống phụ-nữ yếu hèn lắm.

— Mình nói xấu em đó, hèo ?

Ông Tú nhe răng cười :

— Đó là anh nói xấu phái yếu, chứ mình thì thuộc về phái đẹp mà !

— Càng văn minh thì càng tự-tử nhiều, mình nhỉ.

— Mình nói đúng đấy. Vì trên thế-giới này, các giống dân còn dã-man như giống mọi Phi-Châu, không bao giờ có chuyện tự tử. Ngay như các giống dân *Malgaches* (Ma-da - gát - ca), *Ethiopiens*, các giống dân ở miền Núi biên - giới Ấn-độ, Trung - hoa, Việt-nam, và các dân-tộc Hồi-giáo, theo Kinh *Coran*, không dám nghĩ đến chuyện tự-tử. Mình biết không, Đại Nhạc-Sĩ trứ-danh *Beethoven*, 32 tuổi bỗng dưng bị điếc, có lúc chán nản đã có ý-định tự-tử, nhưng rồi một hôm ông đàn xong một bản nhạc say-mê của ông, ngồi im-lặng nghĩ rằng tiếng nhạc của ông đã vang-đội khắp mây-gió nghìn trùng làm rung động muôn triệu trái tim của loài người thì nếu ông im-lặng mãi tức là ông có tội với loài người. Nghĩ thế rồi ông lại bỏ ý định tự-tử của ông. Nhờ vậy mà bây giờ chúng ta được nghe những bản nhạc mê-ly của nhà Đại nhạc-sĩ của sông Danube.

Trái lại Thi-sĩ Nga-Sô, *Maikovsky*, một bậc tài hoa hiếm có, vì thất vọng bởi chế-độ chính-trị của xứ ấy, sau khi sản-xuất bao nhiêu thơ huy - hoàng diễm-tuyệt, năm 1930 liền tự - tử, để lại bao nhiêu thương-tiếc cho những người yêu thơ. Cũng như cụ *Phan-Thanh-Gián* của xứ ta, 71 tuổi rồi còn lo buồn cho Quốc sự cũng cầm chén thuốc độc mà từ-giã Non-Sông. sau khi để lại mấy câu thơ ai-oán :

*Phá toát dao cầm phụng dĩ*

*Tử kỳ bất tạt đốt thừng đàn !*

*Xuân phong mãn điện giai*  
*bằng hữu.*

*Dục mich tri-âm nan thương*  
*nan !*

Thật là nào-nuốt vậy !

— Mình ngâm 4 câu thơ chữ Nho mà mình không giảng nghĩa cho em nghe !

— Giảng nghĩa hả ? Đại khái ý Cụ than - thở :

*Từ-Kỳ đã đứt tiếng giây tơ.*

*Non-nước từ nay phẳng-lặng*  
*từ !*

*Xuân tứ bao la tình cảm-luyến*

*Tri-âm đâu tá, hốt hồn thơ ! ?*

— Trong Lịch-Sử nước mình, còn bao nhiêu các bậc anh-hùng cũng vì Nước mất nhà tan mà tự-tử, phải không mình ?

— Như Ngô-tùng-Châu, tông đốc Hoàng-Diệu, người yêu của Nguyễn-Thái-Học, là Nguyễn-thị-Giang, v.v... Kể ra còn nhiều lắm. Trong Lịch-Sử các nước khác từ xưa đến nay, cũng rất

nhieu các bậc vỹ - nhân tự-tử vì đến lúc mặt-vạn, như *Hitler* và vợ là *Eva Braun* chẳng hạn. Hoàng-đế *Napoleon Ier* của Pháp lúc bình-sinh cũng thường bọc luôn trong người mấy viên thuốc độc để tự-tử nếu bị thua trận, nhưng đến khi ngôi sao của ông lu mờ sau những trận rút binh thảm hại khỏi *Moscou* và sau chiến bại bất ngờ ở *Waterloo*, ông không thêm uống thuốc đ. c. mà để tự nộp mình cho quân địch. Bậc vỹ-nhân cho rằng tự-tử như thế là cử-chỉ hèn nhát, ông không thêm làm. Trái lại, vua Ba-Tur *Mithridate* năm 63 trước Thiên-Chúa, tự biết mình có nhiều kẻ thù, nên hằng ngày tập uống thuốc độc cho quen để lỡ khi nào kẻ thù lên bỏ thuốc độc cho ông thì cũng khó chết được. Ấy thế mà đến cuối cùng, ông chán nản cuộc đời chinh-chiến, muốn tự mình uống nhiều thuốc độc để chết lại không chết được ! Nhà vua phải năn-nỉ một người lính *gaulois* giết dùm ông để ông chết được theo ý muốn ! Thế có lạ không ! Còn Hoàng-đế Hy Lạp, *Alexandre III*, trong sử gọi là *Đại-Đế Alexandre*, 1356 năm trước Giê-xu, được người thân-tín đưa mật-thư báo tin cho biết rằng viên y-sĩ của Ngài là *Philippe* ăn tiền của kẻ thù là Vua Ba-Tur *Darius* để mưu-sát Ngài bằng thuốc độc. Ngài lạng-lẽ không nói gì Hôm ấy, quả thật y-sĩ dâng lên Ngài một chén thuốc, nói là rượu ngon.

*Alexandre* diễm-nhiên bưng chén thuốc độc uống hết một hơi, rồi đưa cho y-sĩ *Philippe* coi bức thư tố-cáo việc ấy mà Ngài đã biết trước rồi. Y-sĩ *Philippe* hoảng - hốt ngã ra chết điếng, *Alexandre* thì vẫn sống nhăn !

— Tại sao *Alexandre* uống thuốc độc mà không chết, hử mình ?

— Tại ông biết trước nên đã để dành sẵn thuốc trừ độc rồi ! Còn nhà Đại Triết-học *Socrate* của Hi Lạp, vì tính cương trực mà bị nhà cầm quyền kết án tử-hình, bắt ông phải uống thuốc độc *Cigué*. Bạn bè ngưỡng-mộ ông, đã tìm cách cho ông trốn khỏi ngục, nhưng ông không trốn. Ông mỉm cười nâng ly thuốc độc uống hết rồi lăn ra chết trên đồng rơm ướt của nhà tù, với một nụ cười quân-tử trên môi...

Ông Tú úi xong hai chiếc quần tây của ông, rồi úi qua cái cò-ra-vát Ông đưa-đỉnh nói tiếp :

— Năm 1897, nhà Triết-học Anh, là *Durkheim* có viết một quyển sách, nhan đề là " *The Suicide, Study of Sociology* " (Tự-tử, nghiên-cứu về xã-hội-học). Dĩ-nhiên là quyển sách này trái hẳn chủ trương của quyển *Apologie du Suicide*, ca tụng tự-tử của Thi-sĩ Pháp. *Gérard de Nerval*.

Đại-khái nhà triết-học Anh chủ trương rằng cá-nhân của mỗi người có liên-quan đến tập-thể loài người. Vì vậy, không ai có quyền được tự-tử. Kẻ nào tự-tử, bắt

cứ vì nguyên-nhân nào, cũng là một thủ-phạm đối với toàn-thể xã-hội.

— Theo Minh, chủ - trương của *Durkheim* như thế có đúng không ?

— Đúng một phần nào thôi...

Ông Tú úi xong cái *cravate*, lấy đeo vô cổ áo để sửa-soạn đi làm việc, Bà Tú đứng dậy mỉm cười :

— Minh ơi, sẵn bàn ủi, Minh ủi dùm em cái quần đen để em

mặc đi làm luôn...

Ông Tú trợn mắt ngó lên trần nhà :

— Thế này thì anh nên thắt cổ tự-tử đi thôi !

Bà Tú đi thướt-tha lại tú xách quần đen của bà ra vút lên bàn, rồi lo đi đánh phấn ;

— Minh chóng soạn, em yêu!

### Diệu Huyền

(Trích quyển *tốc-ký của Y*).

### MAY QUÁ

Chàng và nàng cặp tay đi chơi vừa bàn tính việc trăm năm. Thình lình nàng vụt ngồi xuống gục đầu, ôm bụng rên nho nhỏ. Chàng hết hoảng hỏi thăm tíu tíu. Nàng không nói gì cứ tiếp tục rên khiến chàng cuống cuống.

Lát sau, nàng ngẩng lên, đứng dậy tươi cười :

— May quá ! Em vừa thấy chồng em đi ngang.

### THÈ

— Anh nói sự thật rằng anh không có vợ, tại sao em không tin ?

— Anh thề đi !

— Anh lấy danh dự mà thề trên đầu năm đứa con của anh rằng....

### YÊU

— Em yêu anh ấy như thế nào ?

— Cũng như chị vậy !

— Úy ! Em nói lạ quá !

— Thì cũng như chị, hễ anh ấy hết tiền thì em hết yêu.

### DIÊN TÌNH

Trước khi cho ra nhà thương điên, vị Bác sĩ hỏi bệnh nhân lần chót :

— Về nhà anh định làm gì ?

Bệnh nhân đáp :

— Tôi sẽ mở nhà thương điên, chừng nào Bác sĩ có điên vào tôi chữa không tính tiền !



# TÔI LÀM PHIM

- Tôi học quay
- Ông thầy quay truyền đạo
- Buổi quay đầu tiên của tôi
- Cái lầy xuôi quảy hà
- Một pha chụp - lạc
- Nữ-tài-tử-non bỏ tôi gặt gao!



**T**HUỞ ấy, — thuở bước chân vào nghề-tôi là bạn bây-giờ mà người dẫn tôi vào phim trường là ông thầy tôi-Bác thợ quay-Bác đã cho tôi những tràng lý-thuyết tương tự như trên, đó là chữa kê cái số ki-lô-mét phim mà tôi « đốt » thứ 8 ly cũng có, 16 ly cũng có và vọc từ cái Paillard 8 ly, Paillard 16 ly, Pathé Webó kiểu M 9, 5 và 16 ly, Eumig C-3 cho đến cái Revere 16 ly nặng như một cục đá, cái Auricon nghiêm-nghị như một ông thầy toán pháp.

Đầu óc nặng những « tiêu-ni » (lý-thuyết) toán, phương-trình,

tôi ti-toe bắt chước các bậc thầy ! Một chiếc mũ lưỡi trai, một cặp kiếng mũi xanh lợt, một chiếc áo bờ-lui-dông (thuở ấy chưa có lối áo chim cò) tôi yên trí là có một bộ vỏ Camera-lit; đi đâu là ghéch ghéch cái mặt, vai đeo một vài chiếc máy chụp hình, tròn ten ba cục da đựng phim (filtres) có vẽ ta đây lắm ! Vào phim trường, nhìn thấy các « tài tử non » đang ngồi đợi cuộc tuyển lựa, nét mặt lo-ngại, tôi « phớt » qua lấy « le » không thèm để ý ! Mặc cho mấy cô thỉnh thoảng mở bốp ra ngắm đôi môi bôi son toe-toét, vuốt nhẹ vài sợi tóc lơ-thơ trên vầng trán



bự phẩn, như làn liễu rủ — cái thứ tóc mọc tim ấy mà — có cô cười mỉm hay duyên hé nửa, tôi bước lại máy quay, nghiêm-nghị... Như có ý bảo với các cô cậu rằng: « Camé-ra-lít ! » đây. Có cậu lảng-xăng đến làm quen, tôi ăm ừ cho có lệ, hay cười « xéo » vì mấy câu hỏi ngớ ngẩn !

Thật ra tuổi đôi-mươi có lắm cái lỗ-bịch, nhất là khi biết sơ sơ được một cái gì trước người khác liền làm bộ ta đây ! Đó là căn bệnh thông-thường của tuổi trẻ, các bạn đọc đến đây tha-thứ cho « chú » thợ quay ấy là cái thẳng tôi này vậy.

Ông thầy tôi — Bác thợ quay — đã truyền giáo cho tôi — Lý-thuyết

thôi — trừ một vài ngón bí-hiêm (như ngón hồi-mã-thương chẳng hạn, chỉ có ra « tranh đấu » với hình mới « kinh-nghiệm » được). Tôi đốt thêm mớ phim nữa, rồi « su-quay » mới chịu cho « hạ-san » ra « giúp » xi-nê-ma.

Cái buổi « hạ-san » của Lục-Vân-Tiên có lẽ chỉ cảm-động đến thế là cùng ! Tôi cứ tưởng cái mũ lưỡi trai, cặp mắt kiếng, cái áo bờ-lui-dông sẽ đưa tôi đến cái chức ca-mê-ra-lít để ợt ! Té ra, ngay buổi đầu, nói cho đúng cái lần đầu tiên tôi quay một cảnh sống, mới bật ngửa

ra và hiểu rằng trên phương-diện kỹ-thuật, không thể có những sự nhảy dù vĩ-đại và bộ gió chẳng làm gì nên chuyện !

Bạn đã tập lái xe ếch-bà, xe-hơi, máy-bay, hay xe đạp chẳng hạn ! Khi bạn tự cho mình vụng, đủ tài để lái lấy một mình, mặc dầu thầy có ngồi bên cạnh, bạn cũng cảm thấy một cái gì hay hay là lạ, rất khó tả. Cái gì hay hay là lạ ấy, tôi đã cảm thấy khi đặt bàn tay lên que cầm, nheo một con mắt lại để nhìn vào ống nhòm. Tôi quên tất cả các người chung-quanh, cả cảnh-vật giả-tạo chung-quanh, quên cả mồ-hôi đang ứa lãn và thi nhau đổ đôn xuống rãnh xuống sông, thấm ướt cả cái bờ-

lui-dông mới,

Tôi cúi vào ! \* Cụp \* Thì ra cái lưới trai của chiếc mũ còi bộ mặt tôi ra xa 15 phân, loay-hoay mãi, bực mình tôi xoay hẳn lưới trai ra phía sau làm cho mái đầu hộp của tôi vệt một đường như bánh xe kéo xạch trên đường nhựa ban trưa vậy ! Đèn càng sáng, càng nóng, hơi mờ-hôi làm mờ chiếc mắt kiếng bên tay phải, tôi lấy xuống chùi kỹ, đeo lại. Khi nhìn vào ống kính để sửa con số « quang » lại bị ánh đèn phản chiếu vào nên chẳng thấy gì, bực mình, tôi giựt cặp mắt kiếng nhét vào túi áo bờ-lui-dông. Tôi xoay qua trở lại ! Nực muốn chết !

Tôi còn nhớ ông Đạo-diễn bắt tập thử một đoạn trong Hồn bướm mơ Tiên lúc Ngọc lên Chùa lần cuối cùng để từ giã Lan. Cô Lan xua Ngọc về. . . Ngọc lững thững dắt xe xuống đồi... Lan nhìn vào không gian vô tận... Lá rụng...v...v...

Cô tài tử non khóc tài tình lắm. Nhưng Ngọc lại e lệ như một anh chàng học sinh mới tán gái lần đầu và nhất là cái tay cứ khung lại gãi vào cổ như một Cự Lý đi hầu quan trong các màn kịch !

Ông Đạo diễn người ngoại quốc, nói bằng thứ tiếng Việt Nam lơ lớ :

— « À cái lấy, muồi muồi một chút xíu nữa, cái lấy cảm-tộng mà !

Phần tôi, tôi bảo anh thợ điện ; — Cho một chấm vào mái tóc bên trái của Lan ! ghéch đèn số 5, 11

nấc, lui đèn số 2, 5 trước. Phóng sau sáng rực như ánh trời chiều dưới rọi lên Tất cây đèn số 4, sáng quá ! Quạt máy nhẹ chạy đều làn tóc của Lan lay động trên gò má đắm lẹ...

— Khóc đi cô ! khóc nhưng đừng gục mặt vào chỉ thấy cái mái tóc cô đen thui thui ! Xoay 3/4, dấy, cần môi lại như cổ nén nước mắt...

— Đo ánh sáng đi ! Bao nhiêu ? 4 hã ? B . ó . n ! Tốt, Đo « quang » đi. Bao nhiêu ? 10 phít ?.. Bên này bao nhiêu... 12 phít .. Cái fông ? 15 phít ?

Ông Đạo-diễn : Xong chia ? Còi chình, chũn Pj ! Nín thình, Phút nghiêm-trọng đã đến, tôi gấn chặt mắt vào ống nhòm, cố đưa hình của hai diễn-viên vào đúng giữa khung.

— Còi chình, Mô tơ !

Tôi bấm vào chiếc nút đỏ. Máy bắt đầu chạy, tôi hồi-hộp đưa máy theo sự cử-động của anh chàng « Ngọc » ; Lan ủ rũ nhìn xa vời ! Nhìn vào ống kính thấy rõ mồn-một.

— Chờ ơi ! cái lấy phải muồi muồi chớ ! cái lấy tưng như cái tượng tá sao ? Tốp !

Tôi hăm máy, vượt giòng mờ-hôi từ trán giọt xuống cổ, còi phăng cái bờ-lui-dông kịch-cớm, vút mạnh vào một xó ! Cặp kiếng văng xuống đất. Keng ! Vỡ tan ! Thế là còi lốt ! Chiếc áo thun kiêu anh Ba Chợt lớn thế mà tiện vô số !

— Chũn pj ! Còi chình, Mô-

tổ...

Ngọc mùi, Lan khóc rấm-rức, cảm-động và cụp-lạc vô cùng.

Ông Đạo-diễn khoái chí từ mím cười ! ng Ông-Giám-Đốc sản-xuất ti-hí con mắt lại ! bập bập cái ống điều bự bằng quả quít đường !

Máy chớp chớp bồng đứng sững.

— « Tốp ! » \

— Cái lấy xúi kuầy kúa ! Máy móc dзі tầm pây tầm pạ ! hồng pét !

Ông thầy quay của tôi chạy lại. Tôi luống-cuống, mặt đỏ bừng, phần tức phần thẹn. Nếu tôi không sợ hư máy tôi đã cho nó vài quả dấm thối-son ! Nó cắt đứt cái « le » của tôi rồi ! Các nữ-tài-tử cười-mím như chế-nhiều ! Hai diễn-viên trên sần hết húng dang cười rúc rúc ! Địa-vị tôi xuống dần, xuống dần ! Thầy quay nhìn lại chiếc đồng-hồ-điện : 80 vôn ! Quên ! Thì ra tôi đã quên : Tôi vội-vả bật nút, cố làm gấp-gáp để cứu-vãn danh-dự, liếc nhanh qua mấy nữ-tài-tử non, giả vờ net anh thợ đèn : « Bờ kỳ quá ! mở thêm đèn làm gì ! » Anh thợ ngờ-ngác chẳng biết át-giáp gì cả ! Tôi nhớ lại mà thẹn. Người ta ai lại chẳng tìm cách đỡ lỗi cho kẻ khác ! Giận cá chém thớt ! Bao-giờ tự-ái của con người cũng cao tột-độ và chỉ có thánh-nhân mới chịu nhận lỗi mình !..

Hôm đó tôi về đến nhà, mệt

nhòi, quên cả ăn-uống, non-nộp sợ trật, sai hư và là bước đầu quyết-định cho đời tôi. Ngày mai cuốn phim sẽ rửa xong, in và đem chiếu thử. Tôi nhòm dẩy, chạy lại từ lấy sách ra xem kỹ, cố nhớ lại tất cả sự-kiện đã xảy ra trong buổi quay ấy. Thôi chết : Tôi quên đời ống-kiến lúc lấy « bán thân » mà « pan » theo nữa mới chết cho chớ ! Hình của ni-cô Lan lững-thững đi về chùa có lẽ chéch sang một bên ! Tôi thất vọng hết sức và mong mỏi được xem tức-khắc kết-quả. Tôi ngửa mình trên ghế xếp, bực-tức với cái vụng dại của mình, thao-thức mãi . . . .

Tôi dự cuộc chiếu thử bên cạnh ông thầy tôi. Hôm đó cả các nữ-tài-tử và nam-tài-tử non đông-đủ, đề « họ có dịp thu lượm kinh-nghiệm diễn-xuất » ! (lời ô. Đạo Diễn)

Đoạn đầu hơi khá, qua đoạn sau, đúng như điều tôi đã - đoán, chiếc máy đưa đi chưa đều tay nên giật giật như phim Charlot năm 1928 vậy ! Qua đoạn « bán thân » thì ôi chao ! mặt ni-cô thợ-mộng, sần-thảm bao nhiêu, buồn-mơn-mang bao nhiêu, nay chỉ còn lại một chiếc mũi và đôi môi lộ ra bên mép phim, kỳ dư là một màu sáng bàng bạc, cái mũi và đôi môi cứ từ từ tiến tới, trông cười chết đi được ! Cả rạp cười như nắc nẻ, Cô « Lan » cũng cười, cậu « Ngọc » cũng cười ! Nếu là một phim diễu thì tuyệt ! Thầ

tôi chưa kịp nói, thì tôi đã thú nhận lỗi của mình, nên thành-thật vổ-về tôi : “Ồ, vạn sự khởi đầu nan ! Đừng lo ! Được đấy, cố lên !” Tôi thăm-cảm sự an-ủi tinh-thần ấy. Tôi bước ra khỏi phòng chiếu, đang suy-nghĩ về mấy lầm lỗi của mình, nhưng trần trề hy-vọng vì lời hứa của thầy quay !

Nhưng điều mà tôi không ngờ là... trong khi ấy, nữ tài-tử non đang chờ tôi ở cửa đi ra. Cái cô « đẹp như tiên nhưng chỉ còn-mũi và môi » khi thấy tôi liền nguyệt dài một cái rất nặng nề và tấn công tới tấp :

— Ông quay cái quỷ quái gì lạ lùng vậy ? Ông làm hư tương lai của tôi ! Ông định hại tôi để đưa người khác vào đóng hủ ? Ông đừng tưởng v...v...

Tôi chỉ biết ấp a ấp úng, chớ không nghĩ rằng mình có thể trả lời một cách « có lý » rằng : « Tại cô cứ cố trốn ngực, giật đầu, lui máy theo không kịp ! Hay cô đi chậm như rùa bò, máy đợi cô không được v...v... Hay là : « Cô chưa quen đóng » ! và lên mặt « già kinh nghiệm » thuyết một tràng danh-từ kỹ-thuật, cô ta tất phải qui-hàng và làm lành ! Về sau, tôi có dịp chứng-kiến những vụ tương-đương, hoặc gay cán hơn, nhưng các « chú » thợ quay đều biết cách « đàn áp » đối phương đành thúc thủ lại hàng !

May sao ông Đạo Diễn vừa

bước ra và đề dàn xếp, ông tuyên bố tuyên chọn Cô làm tài tử và sẽ giao phó cho Cô ta một « vai rất tương xứng » với tài nghệ của Cô !

Thời-gian qua, tôi quen với máy, máy quen với tôi. Nó không còn là một con ngựa bất kham nữa mà là nguồn vui cho tôi khi nó bắt được « tại-trận » những góc ảnh tế-nhị, bất-ngờ, độc đáo, hay thi vị hóa những màn gay cần hoặc mùi-mẫn ! !

Quay trong phim-trường ít khó hơn quay ở ngoài trời. Vì rất nhiều lý do ; nhưng lý-do chánh là chúng tôi với dụng-cụ hiện-hữu chưa có thể điều khiển được ánh-sáng của Thiên-nhiên, như ánh-sáng đèn trong phim trường.

Thợ quay rất đông, nhưng họ rất ít ai đề-ý tới. Ví dụ như Léon Shamroy trong La Tunique, H. E. Fowley trong O. Cangaceiro, J. Ruttenberg trong Le Prisonnier de Zenda, Walter Partsch trong Asphalte ; Bert Glennon và Peverell Marley trong l'Homme au masque de cire và nhất là ALEX PHILLIPPS trong phim LA RED (Le Filet) LƯỚI-TÌNH được giải thưởng quốc-tế về hình-ảnh trong kỳ Đại Hội Điện-Ảnh THẾ-GIỚI tại Cannes năm 1953.

(Còn nữa)

# MÓN ĂN

## PHỞ THÔNG



### GỎI SANH CẨM

■ Vật liệu

**C**Á CHÈM người bán xẻ ra mua nước lợng chừng 300 grs, tôm lông nhỏ nhỏ con 300 grs, thịt heo nước lợng 300 grs 1 muỗng tương y, 1 muỗng-tương ngọt ; (củ cải đỏ, 2 củ) (củ cải trắng 2 củ), gừng 1 củ, trang tay cái ; 2 cây salade Đalal, đậu phộng 100 grs ; củ kiệu chua vài chục củ. Dấm tiêu thứ đỏ để ăn mì, 4 muỗng, 15 cọng rau cần tàu ; nước tương thứ thiệt ngon.

■ Cách làm :

Cá đánh vảy rửa sạch, vắt ráo nước, ướp chút xíu muối.

Thịt luộc, tôm luộc vừa chín,

đừng chín quá, cá xắt mỏng rai đừng xông quá, trang tay cái, tôm thái đôi ra, thịt cũng thái ra, salade lột rửa sạch, củ cải trắng đỏ xắt mỏng khoanh tròn, củ kiệu chẻ mỗi củ làm ba, đậu phộng, rang, dấm nhỏ, rau cần (chẻ nhỏ, đoạn vắn)... gừng cạo rửa xắt trang cọng búng tàu, (gừng, củ cải đỏ, trắng, ngâm vào dấm trắng để chút đường cho thấm)

Cá xắt rời để vô giá thừa, bắt nước sôi để (chút phèn chừng 1 cắc bạc xức) nhúng cá vừa chín là được, đừng chín quá,

Tất cả mấy món để chung vô tiêm, trộn cho đều để dấm tiêu, nước tương thứ ngon, đường, tương y, tương ngọt nếm thử vừa ăn chua, ngọt, mặn, chừng xong để đậu phộng vào.

(Nhớ xin đừng trộn trước, gần ăn sẽ trộn)

★ Như Ban ★

# Trách nhiệm

NGƯỜI

# VIẾT SỬ

Góp ý kiến về bài "TRẦN ĐÀ NẴNG" của ông Thái Bạch đăng trong báo Phụng Sự (Cơ quan Văn Hóa Quân đội) số 57 tháng 7 năm 1958.

**V**IẾT SỬ đã là một việc khó, đỉnh chính Sử lại là một việc khó hơn nữa. Cái khó đây là tìm cho đúng nguồn gốc sự thật. Thế mà ông Thái Bạch đã nhận làm việc ấy. Một việc mà không phải bất cứ ai cũng có thể làm được. Nhưng vô tình ông đã bước vào một sự lầm lạc lớn, trong việc đỉnh chính Sử.

Theo ông, bộ Việt Nam Sử Lược của Sử gia Trần-Trọng-Kim, đoạn nói về trận đánh ở Đà Nẵng không làm cho người đọc linh hội được những chi tiết quan trọng, vì thế ông Thái Bạch đã viết lại đoạn Sử đó và đăng trên báo Phụng Sự.

Khi viết lại đoạn sử này, Ông Thái Bạch đã có công tìm rất nhiều tài liệu, kể cả Pháp lẫn Việt, nhưng Ông đã quên rằng tìm sự thật trong tài liệu vẫn chưa đủ mà còn phải khảo sát tận tường những di tích và những tài liệu thực tế nữa. Cái lầm lẫn của ông, chính do cái thói quen chỉ biết căn cứ trên tài liệu và vận dụng sức tưởng tượng tại bàn

giấy.

Viết bài này tôi không có ý phê bình gì Ông Thái Bạch, nhưng vì nghĩ rằng nếu không lên tiếng, e còn bao nhiêu người bị ảnh hưởng lầm lạc ấy, và tin vào tài liệu sai lầm của Ông Thái Bạch.

Trong phạm vi của bài này, tôi không thể chép lại trọn bài của ông Thái Bạch đã đăng, chỉ xin rút những đoạn quan trọng ra để lạm bàn.

Ông đã viết... "Chiến thuyền giặc cập bến, thả cầu cho quân đổ bộ lên. Một trận giáp chiến giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Quân ta chống cự rất hăng. Số quân của Pháp và Tây Ban Nha bị tử thương khá nhiều, nhưng sau vì đại quân của ta bị đại bác địch bắn chặn không tiếp viện cho toán quân đang đánh giáp lá cà ở tiền tuyến được, nên phải bỏ đồn Đà Nẵng rút về hai đồn An Hải và Tôn Hải. Đà Nẵng bị lọt vào tay quân Pháp — Tây Ban Nha. Hai ngày sau Rigault de Genouilly lại chia quân làm hai

cánh mở đường tiến đánh An Hải và Tôn Hải. Quân ta chống cự sơ sài rồi rút lui. Cả hai đồn này lại thuộc về tay Pháp!.."

Trong đoạn này, theo Ông Thái Bạch, như thế tức là Quân Pháp đã đánh lấy Đà-Nẵng trước khi chiếm Tôn Hải và An Hải; Đó là một điều chứng tỏ rằng ông Thái Bạch không chịu nhận xét địa hình địa thế của Đà Nẵng. Nếu không đến tận nơi để nghiên cứu được thì cũng còn có thể dùng bản đồ thay thế. — An Hải và Tôn Hải là một bán đảo làm bình phong cho Đà Nẵng, giữa tiếp giáp với Đà Nẵng bởi Hàn-giang, và bên kia là bờ biển Thái Bình Dương (Làng An Hải bây giờ hiện hãy còn, và Tôn Hải có lẽ là Tân Thái ngày nay đã gọi trại ra). Theo địa hình ấy, muốn chiếm Đà Nẵng, trước hết quân Pháp phải chiếm được An Hải và Tôn Hải, vì đó mới có thể là một bàn đạp cho họ thâm nhập nội địa.

Xét về mặt Bắc Đà Nẵng, cũng có biển (Vũng Thùng), nhưng chắc chắn là địch quân không thể đổ bộ vào được, vì lẽ bờ biển này rất cạn, tàu chiến không thể vào được.

Ông lại nói: "Sau khi thất thủ Đà Nẵng, quân ta rút lui về giữ 2 đồn Tôn Hải và An Hải" tại càng không thể đứng vững nữa. Dầu quân đội của ta thời bấy giờ không được thiện chiến như gày nay, nhưng không lẽ hàng tướng lãnh lại không am hiểu đến trần

đồ? Không lẽ nào không biết chiến thuật cùng địa hình địa thế, rút lui thì phải tìm sinh địa chứ ai lại đem quân vào tử địa. Và như đã nói trên, An Hải và Tôn Hải chỉ là một doi đất nằm song song với Đà Nẵng. bên kia là Thái-bình-dương, rút lui về đó khắc nào đem thân vào rọ, nếu giặc chặn đường phía trên thì sẽ còn đi đâu cho thoát, trong khi còn cả một hạm đội hùng hậu của giặc đóng ở ven biển.

Với địa thế của Đà Nẵng, quân Pháp chỉ có thể lúc đầu chiếm lấy Tôn Hải và An Hải để làm bàn đạp và về sau mới đánh chiếm Đà Nẵng được. Để chứng minh rằng quân Pháp đã chiếm An Hải và Tôn Hải trước, chúng ta chỉ cần nhìn qua bản đồ vị trí của Đà Nẵng thì đủ thấy, nhờ bờ biển sâu, tàu chiến có thể ghé sát bờ để cho quân đổ bộ, hơn nữa nhà mồ và nghĩa địa những binh sĩ tử trận của Liên quân Pháp — Y-phân-nho là một di tích hiện còn cạnh núi Sơn Trà cách Tôn Hải chừng 3 cây số ngàn, là một bằng cứ rõ ràng.

Theo ông viết, sau khi giặc chiếm được Đà Nẵng rồi tiến chiếm luôn An Hải và Tôn Hải, Triều đình sai Đô đốc Lê-Đình-Lý vào trấn giữ ở Cẩm Lệ, quân Pháp lại tấn công. Đô đốc Lê đình-Lý bị tử thương... "Quân ta bị thua, được tin này vua Tự Đức sai đóng gông Đô Đốc Lê-đình-Lý giải về kinh trị tội. Nhưng

được mấy bữa thì ông này chết vì vết thương. Và vua cử ông Nguyễn-Tri-Phương làm Kinh lược, thống lĩnh quân sự hiệp cùng với Tổng Đốc Quảng Nam là Phan-Thế-Hiền chịu trách nhiệm ngăn địch... Các ông này cấp tốc bắt quân dân xây đồn đắp lũy ở Phúc Hòa, ở bờ biển Nam Thọ, và đặt cơ quan phòng thủ ở trên 2 sông Hàn Giang và Nai Hiên, (2 sông này từ nội địa chảy qua Huế để ra cửa Đà-Nẵng) để chặn đường thủy quân của Pháp...

Ông Thái Bạch cho rằng khi Ông Nguyễn Tri Phương vào lãnh trách nhiệm chống giữ với quân Pháp thì đã sai quân dân đắp thành ở Phúc Hòa và bờ biển Nam Thọ. Đây là một sự mâu thuẫn rất lớn, vì Nam Thọ là một làng nhỏ (hiện còn) nằm cạnh An Hải và Tôn Hải, và lại Nam Thọ chỉ là một eo đất nhỏ với đồi cát, hơn nữa, khi An Hải và Tôn Hải đã lọt vào tay giặc rồi thì dĩ nhiên Nam Thọ phải nằm vào phạm vi kiểm soát của giặc; Như thế thì làm thế nào Tướng Nguyễn Tri Phương xây thành ở Nam Thọ được (Theo Việt-Nam Sử Lược của Sử gia Trần Trọng Kim-Trang 489 thì Ông Nguyễn Tri Phương đắp thành ở làng Hải Châu và Phúc Ninh giờ gọi là Phước Ninh-Hiện hai làng này là trung tâm của thành phố Đà Nẵng) và đóng đồn chống giữ ở Liên Trì (Cách trung tâm Đà Nẵng khoảng

3 cây số ngàn). So sánh như thế chúng ta nhận thấy tài liệu của cụ Trần trọng Kim rất đúng và phù hợp với những di tích còn lại (Một cái thành có hào lũy hiện còn, trước kia quân Pháp dùng làm Quân Y viện tục gọi là Nhà Thương Tây, và bây giờ là Trường Trung học Pháp ở Đà Nẵng).

Một điều lạ nữa, là Ông Thái Bạch còn bảo rằng ở Đà Nẵng có đến hai con sông là Hàn Giang và sông Nại Hiên, và 2 sông này từ nội địa chảy qua Huế và đổ ra cửa Đà Nẵng. — Đọc đến đoạn này; tôi thấy ông Thái lại tỏ ra quá cầu thả và khinh thường độc giả, ở Đà Nẵng làm gì có đến 2 con sông, thật ra sông Hàn, hay sông Nại Hiên chỉ là một, đúng ra thì phải gọi là sông Hàn, nhưng vì con sông này có đoạn chảy song song với làng Nại Hiên nên người ta gọi lầm là sông Nại Hiên. Còn 2 con sông này từ nội địa chảy qua Huế rồi đổ ra cửa Đà Nẵng. Vậy nội địa là ở đâu? Và từ Huế làm thế nào đổ ra cửa Đà Nẵng được, vì Huế - Đà Nẵng cách nhau đến 3 cái Đèo và riêng Đèo Hải Vân đã cao khoảng 1400 thước? — Thật ra nguồn chính của sông Hàn là do 2 con sông con Vĩnh Điện và sông Cẩm Lệ từ sông Cái (Thu-bồn) chảy về hợp lại (nguồn sông này ở phía Nam Đà Nẵng).

Một đoạn khác, ông viết tiếp :  
« Tháng 9 năm ấy, liên quân

Pháp — Tây Ban Nha cho tàu chiến đi ngược vào 2 con sông trên để tiến lên Huế, nhưng bị các cơ quan phục binh chặn đánh, quân Pháp và Tây Ban Nha bị thua, phải quay tàu trở lại Đà Nẵng! »

— Thật là rủi cho quân Pháp không thắng được quân ta để tiến lên Huế! Nhưng may cho họ, nếu thắng được thì có lẽ không bao giờ họ đến Huế được vì hai con sông này lại đem họ về nguồn Thu Bồn.

Đoạn này lại gây mâu thuẫn nhiều hơn :... « Không thể tiến lên bằng đường sông, bọn chúng lại quay về đường bộ, và khởi sự vào tháng 11 năm ấy. Nhưng mấy lần tiến binh, mấy lần rút về vị trí; Mấy lần đổ bộ lên bờ biển Nam Thọ, và mấy lần công hãm đồn Phúc Hòa, đều cũng mấy lần bị đổ vỡ chương trình!... »

Đô-đốc Rigault de Genouilly của Pháp được tả như ông Thái Bạch, quả là một tên tướng bất tài, việc gì mà phải đổ bộ lên bờ biển Nam Thọ khi ông đã chiếm được toàn An Hải và Đà Nẵng, khi Nam Thọ nằm cạnh An Hải, Tôn Hải và cùng chung trong một bán đảo?

Sau cùng, ông Thái Bạch lại muốn tỏ ra mình là một người đủ tài thao lược, phê bình khắt khe người xưa đã lâm vào ba cái dại, tôi cũng tạm xin đem ra đây để nhận xét :

... « Tiếc thay! Nếu ngay từ lúc tiếng súng của đợt chiến

thuyền Rigault de Genouilly mới nổ, mà riêng về vấn đề quân sự ở các nơi trong toàn quốc đều được cảnh giác ngay, chặn chính ngay để tăng gia các mặt phòng thủ, huấn luyện, chuẩn bị chiến đấu thì riêng thiên ý của chúng tôi thiết nghĩ thì quân Pháp có muốn chiếm Việt-Nam cũng còn phải trải đa trắc vầy mà chưa chắc đã thành.

...Cát dạt thứ hai « Theo các nhà Quân sự học xưa nay thì bao giờ kẻ yếu đương với kẻ mạnh, cũng nên dùng bằng mưu chớ không có nên dùng bằng sức. Thấy chiến thuyền của Pháp tiến vào với lực lượng tối tân và mạnh mẽ hơn mình, mà đối chiến thuyền của Triều đình Huế dám xông ra cản lại thì không khác nào một đàn dê xông ra trước một đàn cọp...

... Đến cát dạt thứ ba nữa là đã bị thất bại ở ngoài biển, bị thất ở lúc cùng nhau giáp chiến ở trên bờ rồi mà số quân tăng lên vẫn chưa có, để mất An Hải và Tôn Hải cho quân Pháp được thêm nhiều nhuệ khí...

Điều dại thứ nhất mà ông Thái Bạch đã nêu lên, chúng tôi nghĩ rằng ông đã phê bình một cách phiến diện, và thiếu suy xét. Như tất cả người Việt-Nam ta, ai để ý đến lịch sử nước nhà, chắc cũng không lạ gì tình trạng rối rắm thời Tự Đức, thiếu tất cả những điều kiện thuận lợi để có một lực lượng hùng hậu: Địch đã nổ súng rồi mà Ông Thái

còn bảo chấn chỉnh và huấn luyện sĩ tốt, thì tôi tưởng là một điều đại thất sách. Ví như một tòa nhà đang bốc hỏa mà chủ nhà mới lo đúc bê tông để chống hỏa.

— Điều thứ hai : « *Mạnh dùng sức, yếu dùng mưu* », đó là một điều mà tưởng không một ai là không biết, lẽ nào tiền nhân ta lại không biết. Nhưng mưu dùng cũng có lúc, tùy thuộc thiên thời, địa lợi chứ có nhất thiết lúc nào cũng dùng được đâu. Không thấy giặc mạnh mà núng, biết chỗ chết mà dám bước vào khi đang vào, đó không phải là một điều vinh dự của người chiến sĩ hay sao ? Nói thế, nhưng khi ra nghênh chiến quân ta cũng có vài điều lợi : địch dưới nước, ta trên bờ, địch ít mà ta đông. Nhưng thua đó, không phải do tướng không có tài, quân không thiện chiến ; Cơm không thắng được súng là một lẽ thường.

Lời phê bình sau hết của ông, không có một giá trị nào cả, ông viết : *Đến cát dạt thứ ba nữa là đã bị thất bại ở ngoài biển, bị thất*

*ở lúc cùng nhau giáp chiến trên bờ rồi mà số quân tăng lên vẫn chưa có, để mất An Hải, Tôn Hải cho quân Pháp được thêm nhiều nhuệ khí... »* Sở dĩ tôi nói lời phê bình ấy vô nghĩa, vì trận đánh không thể diễn ra như vậy, nhưng ví dụ cho quân Pháp chiếm được Đà Nẵng trước, thì quân ta cũng không thể nào ở lại để giữ Tôn Hải và An Hải được mà phải tìm cách rút cho khỏi từ địa ấy.

Đề tạm kết bài này, tôi chỉ tiếc rằng Ông Thái Bạch đã quá cầu thả trong việc dẫn dắt đồng bào về phương diện lịch sử, quen làm việc với óc tưởng tượng nên đã gây một sự lạc lăm sử quan trọng.

Và một điều đáng buồn nữa, vì nông nổi thiếu suy xét, ông đã mạt sát tiền nhân một cách thậm tệ.

Viết bài này, tôi chỉ có ý góp vào một vài nhận xét, có điều gì sai lầm hoặc thiếu sót xin quý vị cao minh bỏ khuyết.

NHU BAN

— Sự thành-công là tích-số : làm việc may mắn, tài-năng.

(Voltaire)

— Mắt và cánh một con bướm đủ đánh đổ một nhà vô thần

Didcot

Thể dục

PHUN NÚT



Bài thứ 3

Tập dượt toàn thân

**P**HẦN này dành riêng cho các bạn nào ước ao được một thân hình mềm mại, đẹp và duyên dáng. Tôi chia các động tác ra làm 2 nhóm đi từ dễ đến khó.

Những động tác thuộc nhóm thứ nhất mà các bạn thấy sau đây hơi khó đối với các bạn mới tập, nhưng nếu chịu khó một chút, bạn sẽ thành công ngay. Tùy theo sức chịu đựng của mình, các bạn có thể tập từ 10 đến 20 lần mỗi động tác.

Trong lúc tập, các bạn

★ Có TUYẾT-ANH ★

thờ thật điều hòa và thật nhiều vì có vài động tác rất khó nhọc, cản trở nhiều sự làm việc của lòng ngực. Luôn cần nhứt là ta cố nên nản chí, nếu thấy mệt, các bạn ngưng tập ngay và tiếp tục tập thờ. Theo nguyên tắc, các động tác trong mỗi nhóm phải được tập liên tiếp, không được dán đoạn. Khi tập được liên tiếp các động tác sau đây, các bạn có thể tự hào mình là người khoẻ rồi,

Trong lúc tập, ta nên đi chân không hay mang giày bố để móng và nên đứng trước một tấm kính để dễ nhận thấy những chỗ sai của mình. Khi thấy sai, ta nên sửa ngay.

Điều cần nhất là trong lúc tập các bạn nên tươi cười luôn, tin tưởng rằng mình sẽ thành công và không nên nghĩ vẩn vơ.



1) Đứng lên, vừa đưa thẳng hai tay lên khỏi đầu. Ngồi xuống, hạ hai tay về chỗ cũ (Lúc nào 2 gót chân cũng không được đụng đất).



2) Hai chân vạm, lại 2 tay đưa thẳng khỏi đầu: xếp người tới

trước vừa hạ 2 tay xuống và đưa ngược lên trên luôn (xem hình).

Đứng lên, 2 tay trở về chỗ cũ. **Chú ý:** cổ đừng cong chân lại, đầu đừng 2 đầu gối.



3) Tay trái dựng bàn chân mặt và ngược lại.

Hai tay và 2 chân lúc nào cũng vẫn thẳng.

Cổ dựng đầu vào đầu gối.



4) Dùng 2 tay kéo mạnh đầu gối lên dựng ngực. Toàn thân lúc nào cũng thẳng đứng.



5) Đứng chân trước chân sau thật thẳng. Khom người tới trước, chân trước xếp lại và đồng thời hạ 2 tay xuống và đưa ngược thẳng lên luôn. Cổ cho đầu gối dựng vai.

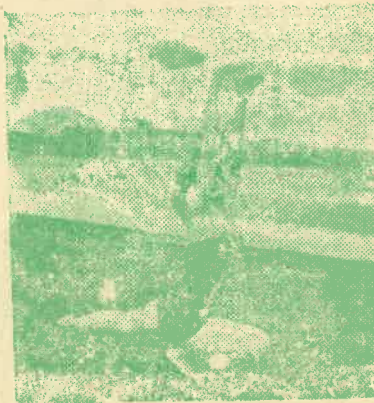


6) Khom nửa thân trên xuống cho 8) Đứng chân trước chân sau.

song song với mặt đất và xoay sang phải và trái (Lúc nào thân trên cũng song song với mặt đất và 2 chân vẫn thẳng)



7) Hai chân dang ra xa. Khoanh 2 tay trước ngực. Khom người xuống (chân vẫn thẳng), rắng cho hai cùi chỏ dựng đất. Xong lại đứng lên.



Hai tay để hạ xuôi theo người, Ngồi xuống, chân trước xếp lại, chân sau vẫn giữ thẳng, vừa đưa 2 tay thẳng lên khỏi đầu Trở về chỗ cũ và xoay người sang bên khác.



9) Đứng thẳng trên đầu bàn chân, Hai tay đưa thẳng ngang vai. Hai tay tréo mạnh trước ngực và trở về chỗ cũ. Hai bàn tay thay phiên nhau khi trên khi dưới.



10) Nằm tới trước ; hai tay và 2 chân chống cho mình không đụng đất. Hai đầu gối thay phiên nhau kéo lên đụng ngực. Thân lúc nào cũng vẫn thẳng.



11) Quỳ gối một chân, chân kia đưa thẳng tới trước (xem hình). Hai tay đưa thẳng lên khỏi đầu. Khom người xuống cho đầu đụng đầu gối chân trước, vừa đưa ngược 2 tay lên phía sau (chân trước luôn luôn thẳng ; Hai tay đưa càng cao càng tốt). Đến khi mỏi thì đổi chân khác,



# KIỆN TRINH

CHUYỆN DÀI CỦA CÔ VAN-NGA



**I**T lâu sau, ông nội và hai Bác tôi không còn nghi ba, má tôi nữa và bắt đầu nhận thấy rằng gia đình của chú Tư Trọc bỗng sanh ra cớ bạc lớn, nhưng lúc ấy đã không thể tìm ra tang chứng gì...

Đến khi ông nội tôi đau thập tử nhưt sanh, vì sâu não thái quá, có bác hương thân Bích giỏi nghề đông y là con nuôi ông nội tôi đến bắt mạch, rồi không nói không rằng, sụp ôm lấy đầu giường khóc òa lên khiến cả nhà kinh hoàng tởm tởm họa vận theo như ong vỡ xóm. Lúc ấy có ông thầy Mười, gốc người Biên Hòa, thường ngồi ghe hốt thuốc dạo cũng được rước đến thăm bệnh ông tôi, liền cam đoan nếu chuyên trị với ông thì bệnh không đến nỗi nhập cốt bất trị. Thầy Mười hốt thang đầu, ông nội tôi hồi dương và đến mấy thang sau thì bớt.

Thầy Mười còn tiên đoán rằng bệnh lại trở chứng vào tháng mười và làm cho hai chân sẽ sưng phù lên, bệnh như ông nội tôi nếu sưng chân vào tháng ấy e nguy đến tánh mạng. Muốn ngăn ngừa và trị dứt căn, gia chủ phải chịu cho thầy năm trăm đồng bạc lớn để thầy làm một tễ thuốc cho

uống.

Thuở ấy, năm trăm đồng bạc là một số tiền khá, to vì lúa có năm các một giạ, cho nên nội tôi không chịu, hơn nữa lời nói của thầy Mười cũng không căn cứ gì. Quả nhiên đến mùa gió bắc, nội tôi trở bệnh, bị thủng hai chân rồi chết.

Thầy Mười lại chê :

— Chết ngày 23 tháng này xấu lắm, e sẽ bị chết trùng. Chịu cho tôi ếm thì mới khỏi : phải làm một cái quách (hòm nhỏ) trần ngay đầu má mới được, bằng không thì “ nó ” như cái đòn gánh, sẽ quăn ở hai đầu.

« Nó », ám chỉ vào sự chết trùng. Quăn ở hai đầu là đề cập đến ba người con trai của nội tôi, mà người con trưởng và người con út phải chịu đựng lấy tai họa.

Nhưng không ai nỡ theo ý kiến của thầy Mười. Có người con nào đành đoạn ếm má cha bao giờ ? Nội tôi mất tháng chạp năm trước, qua tháng sáu năm sau ba tôi từ trần, liền ngay tháng bảy trong năm bác Hai cũng thọ bệnh nan y luôn... Tuy kể theo âm lịch là hai năm, kỳ thật chỉ trong vòng tám tháng mà bao nhiêu tang tóc đã dồn trên cánh họ nhà tôi !

Tai bay và gió rủ nhau dồn dập mãi chưa thôi. Tang cha vừa non trăm ngày lại xảy ra vụ anh ba Khanh vướng vòng lao lý, khiến cho tôi, vốn sẵn nhiều tình cảm, đã khóc thối cơ hồ hoen lệ !

Bác Ba tôi thất bại trong việc bảo lãnh cho anh Khanh liền đến an ủi má tôi :

— Thằng Khanh làm chuyện tây trời mà không nói dấm tôi chớ. Quan quận nói quan Chánh chủ tỉnh kêu bắt giải nó ra tỉnh. Người ta nghi nó một phe đảng với bọn khuấy rối trị an ! Thôi, đề là lần tôi tìm cách gỡ cho nó.

Anh tôi bị giải về tỉnh Rach-giá rồi bị đưa lên Sài-gòn ngay vào ngày hôm sau với nhiều thanh niên khác. Má tôi cũng tức tốc theo ra tỉnh đề kịp thấy anh tôi cùng với tốp người mày xanh mặt trắng kia đã tội tình gì hơn là tội yêu nước mà phải mang còng sắt trên tay ! — đang lần lượt bước lên xe-cây của sở mật thám đề biệt từ người thân và sắp phải đùn vào một định mệnh bấp bênh không hứa được ngày tái hợp...

Hai má con tôi nhìn theo vầng bụi mù của chiếc xe vô định mà xa rời từng khúc ruột nhưng không biết than thở cùng ai, đành phải ôm diu lấy nhau khóc mướt giữa

lòng đời hiu quạnh cho vơi nỗi giá lạnh trong tâm hồn...

Từ đấy, láng diềng lân cận xem nhà tôi là một tai họa. Họ chẳng những tránh mặt mà còn rề rúng, khinh hạc lắm điều. Ôi phải chăng cái bịnh thể nhân văn hay diên đảo. Khi nào kia ngã bò vật lộn, hàng xóm tụ họp linh đình, cửa nhà chiêu chương biết mấy, rồi đến lúc tai biến bất kỳ, quanh nhà như một nấm mồ hoang, kẻ thân thích đã ra hình cru mặt cú !

Một bữa nọ, tôi đang ngồi giặt dũ dưới cầu chợt nghe có tiếng nói lao xao đầu cùn liền nhìn ra và nhận thấy anh Hai Vận, người hàng xóm tâm thích với anh Khanh tôi vừa đi chợ về. Trạo phu toan ghé đờ vào bến tôi, nhưng hai Vận đã lấm lét khoát tay lia lịa :

— Đừng báo người ta ghen cha nội ! Nhà đó là nhà “thằng phá rối trị an” đó đa, Dính vô tội đó thì mang còng cả đám.

Hai Vận còn ném lại tôi một cái nhìn khinh bỉ đoạn ngoảnh mặt phung nước miếng xuống nước. Nhìn bãi nước miếng, khi nào kia cũng từ lỗ miệng ấy chung ra theo những lời tán hót vuốt ve, giờ đây tan biến thề bọt sà bóng

trên giòng nước đục, tôi bắt giác  
bụi ngùi nhỏ lệ cho thối đời ấm  
lạnh vô chừng mà chỉ người trong  
cuộc mới thấm thía hết những  
nỗi xót xa hơn tôi.

Thuở ấy, ở thôn quê người  
ta chỉ hiểu phá rối trị an là hành  
động kinh tởm của bọn cướp giết  
người. Gia đình tôi đã mang lấy  
cái tiếng quái ác nọ tha hồ cho  
lưỡi móc môi gươm dèm pha si  
tếu lảm điều, nhưng có sự đau  
lòng nhứt là nếu chỉ có người  
đứng kẻ lạ gây tiếng thị phi thì  
không nói gì, đến những người  
bà con trong eánh họ cũng  
đâm ra từ mặt mỉa mai nữa.  
Một người góa phụ nửa chừng  
xuân, nheo nhóc một bầy con dại  
như má tôi với một đứa coc gái  
trẻ đẹp và ngây thơ khờ khạo  
như tôi, cùng sống tro troi trong  
cánh nhà khuyết vắng đàn ông  
như một cái lều xiêu cột ngã chỉ  
chực sụp đổ trong cơn gió dữ.

May nhờ, lúc ấy, có mấy cậu  
tôi ngấm ngấm giúp đỡ, coi sóc  
hộ những việc ruộng nương lúa  
thóc cho nên má tôi mới có thời  
giờ chạy chọt nghe ngóng tin tức  
và vận động cứu gỡ cho anh tôi.

Má tôi hay vắng nhà luôn, khi  
ra tỉnh, lúc lên mả tận Saigon,  
hết van ngỏ này lại cầu cửa kia,  
mỗi một lần đi nổi cơ cực và sự  
tốn kém không phải là ít. Việc săn  
sóc cửa nhà, vỗ về bầy em nhỏ  
cùng những giỗ quả cúng đơm  
hàng ngày đều ở một tay khờ  
khếch của tôi.

(Còn nữa)

Một buổi chiều nọ, như thường  
lệ tôi burng mâm cơm cúng lên  
bàn thờ của mẹ và cha tôi xong,  
tôi tần ngần đứng nhìn bức ảnh thờ  
mà âm thầm nhỏ lệ khóc tưởng  
đến cái thời vui vẻ sum họp vừa  
qua sẽ không bao giờ trở lại nữa.  
Ít khi nào tôi đứng lâu nơi nhà  
trên, vì từ ngày mang lấy tang tóc,  
gian nhà ấm cúng kia vắng hay  
mở cửa đã mặc nhiên thành một  
nhà thờ với bầu không khí u trệ  
lạnh lùng. Gian giữa mặt tiền là  
nơi thờ Quan Thánh, bên tả đặt  
bàn thờ ông nội và cha tôi, bên hữu  
lù lù chiếc thọ đường (cổ áo quan)  
để dành sẵn cho bà nội tôi khi  
« trăm-tuổi », càng làm thêm cho  
gian nhà, đã thiếu ánh sáng, lờ  
mờ một vẻ huyền bí thâm nghiêm.

Nguyên cái thọ đường ấy, cùng  
với chiếc thọ dùng chôn ông nội  
tôi, đã có từ mười lăm năm trước  
thuở tôi hãy còn bé. Nó bằng  
cây trai, phải đến mười hai người  
khoẻ mạnh mới xê dịch nổi, thời  
tiền của mắc, trị giá những hơn  
ngàn bạc. Mỗi một lần tôi nhìn  
lâu vào chiếc áo quan ấy là mỗi  
lần mình mảy tôi đều mọc ốc.  
Người ta đã nhiều phen xù xì bàn  
tán nhau về sự linh ứng của  
những vật lâu năm ấy, thí dụ như  
cổ « thọ » của ông nội tôi cách  
một năm khi ông từ trần thì về  
ban đêm hay « chuyện mình » nghe  
kìn kịt và dờng như có tiếng búa  
vỗ vào hòm...

PHÒNG SỰ THỜI ĐẠI  
CỦA NGUYỄN THỤ MINH  
NHỮNG NGƯỜI



đời mới

(xem từ P.T. số 1)

S.— Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên  
với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt  
nhiên không có ý ám chỉ một ai. Mong quý độc giả hiểu cho.

Đột người đàn bà từ trong bước  
ra gạt đầu chào chúng tôi một  
cách trang trọng, trạc chừng hai  
mươi bảy, hai mươi tám, khổ  
người mảnh khảnh cân đối, phục  
sức có vẻ quý phái. Thoạt nhìn  
tôi đã có cảm tình... Nhưng đề ý  
nhìn kỹ tôi thấy đúng là lối  
phục sức của những tay nhà  
nghề lão-luyện trong trường-tình  
chớp nhoáng « vài voi ».

Chiếc áo dài màu da trời mỏng  
dán sát vào da vừa đủ gần mắt  
những kẻ đứng chân chiêm  
ngưỡng nơi này qua những đường  
« gân » mập mờ, độc-địa mà tạo  
hóa đã dày công vất nặn... cho  
đôi bên gặp gỡ.

Hoàng vội chào trả đồng thời  
thân-mật giới-thiệu giữa tôi và bà  
ta mà tôi đã đoán biết là vị chủ  
nhân — hay nói rõ ràng và nôm na

một chút — chủ mượn bầy tiên lột xác, bán nhụy trần-ai để giúp cho những chàng trai đôi mươi sớm hiểu biết mùi đời, đỡ điên cuồng và «thế-giới» bớt loạn.

Sau khi đã rõ danh tánh đôi bên, và cũng là để tỏ tình sơ giao đậm đà còn lui tới thăm viếng lâu dài về sau cho nên bà ta đã chứng tỏ cho tôi thấy rằng vì «thiện-cảm» mới mời ra nhà sau rượu trà trò chuyện duyên ngẫu.

Tôi và Hoàng ngang nhiên trà trộn giữa cuộc vui của mọi người.

Đôi ánh mắt đưa tình, khiêu khích soi vào chúng tôi như thăm hỏi.

Tôi thừa hiểu ý nghĩa của những ánh mắt ấy nên vờ nhếch môi cười, đưa mắt nhìn ra về say sưa ăn chịu...

Căn phòng này khác với phòng tiếp khách ban nãy nhiều, rộng hơn và không khí ở đây cũng ấm cúng, xô bồ như những vũ trường. Đó đây, từng cặp và từng cặp; toàn là nam thanh nữ tú đang quay quần bên nhau trò chuyện chẳng khác gì những cặp vợ chồng.

Chúng tôi đang băn khoăn tìm chỗ ngồi theo ý muốn, bỗng có tiếng mở khóa ở phòng bên, tiếp theo giọng nói khen khét,

chán chường :

— Thôi mà...à ! Anh ra trước đi không tôi ra đây này.

Tôi và Hoàng chăm chú nhìn về cửa phòng.

Cánh cửa vừa hé mở để lộ một người đi.

Một thiếu nữ đôi chín từ trong đi ra, theo sau là một người đàn ông trạc tuổi chúng tôi nhưng vóc người khỏe mạnh, với nét mặt bơ-phờ, dáng đi ra chiều uể oải trông chừng như kẻ chán đời.

Hoàng nhìn thiếu nữ nheo mắt khỏi hài đầy ý nghĩa không mấy cao đẹp ! Mà sự thật, những con người đã đến chốn này chẳng ai cao đẹp cả !?

Thiếu nữ mím môi khẽ chào trả rồi đi thẳng vào nhà trong.

Gã đàn ông thủng thỉnh tiến đến phía chúng tôi, gật đầu chào bà chủ xong, quay ra về. Mặc cho những ai dòm ngó...

Hoàng nhìn theo gã cười húng thú, nói với bà chủ nhà :

— Xem bộ «khó ở» chắc, hay chị Thu vừa cho nhảy «cửa sổ» ?

Chị Thu tức là bà chủ nhà, liền đáp với giọng khôi hài chủ ý lảng mạ.

— Anh Hoàng nói bậy nào, người ta là nhà «đạo-đức» mà !

Nghe vậy mọi người đều cười lớn. Hoàng cũng cười, tuy rằng cái cười

rất vô nghĩa và lỗ - bịch. Giây phút vui chung ấy chỉ trong khoảng khắc rồi tắt lịm ngay để chìm trong câu chuyện riêng rẽ của từng người.

Tìm được bàn chưa kịp ngồi, thiếu nữ ban nãy đã từ đầu tiến đến bá ngay cổ Hoàng nũng nịu :

— Gớm thật ! Lâu nay anh bị cô nào bắt cóc đem đi đâu mà vắng bóng thế ?

Hoàng nghiêng đầu vờ đầy thiếu nữ ra, nói :

— Thôi, đừng làm bộ nữa, theo ông khách ban nãy mà hỏi.

Thiếu nữ trề môi nguyệt dài, vuốt nhẹ mái tóc Hoàng :

— Anh dùng gì chưa ? Em đi lấy... anh dùng nhé !

Chị Thu nãy giờ rất ít nói, lặng lẽ nhìn chúng tôi như dò hỏi, khi nghe thiếu nữ hỏi Hoàng, mới hỏi tôi nhả nhặn :

— Anh cần gì tôi cho gọi, ở đây đầy đủ lắm.



Tôi đang lưỡng lự thì Hoàng đưa tay ra hiệu :

— Chị cho chúng tôi Martell hay gì tùy lòng tốt của chị. Hôm nào, chúng tôi sẽ mời

lại chị để đền ơn.

Chị Thu vui vẻ cười cảm tình, đứng dậy chào :

— Ai chứ anh Hoàng mời nhất định nhận. Bây giờ tôi xin phép đi nghỉ trưa một tí nhé ! Tôi vào gọi đem ra cho.

Thiếu-nữ đang vịn vai Hoàng âu yếm, vội nói :

— Chị để em vào gọi cho.

Tôi và Hoàng ngồi phìn nhau cười thầm trông sang những bàn bên cạnh. Rồi như chợt nhớ điều gì Hoàng xích ghế gần tôi nói nhỏ có vẻ thành-thạo lắm :

— Cậu đừng ngăn gì mình nhé. Vừa rồi mình ra hiệu cậu đừng cản là vì ở đây không như những nơi khác. Muốn hạng tốt hay tầm thường đều do ở đồ nhậu. Ví dụ cậu gọi la-ve là thuộc hạng tầm thường và họ cũng đối đãi với cậu không được tử-tế, sốt sắng lắm, còn như Mác-ten, Bít-quy v.v... thuộc hạng chiến, họ sẽ nuông chiều mình hết cỡ.

Tôi liền đưa ra một « thí dụ » hỏi Hoàng để dễ phân-biệt :

— Thế nàng vừa rồi bá cô cậu thuộc hạng nào ?

— Hạng chiến đấỵ. Cậu xem người mà không phân biệt được sao ? Những nơi khác xem thử tìm ra được loại ấy không.

Cuộc giải thích đang đến đoạn hứng thú thì thiếu nữ đã trở ra đem các thức uống lại cho chúng tôi cùng với thiếu nữ lạ rất xinh-đẹp của vẻ thơ-ngây mà trong đó đã điểm vào đôi nét già dặn của cuộc đời sống gió trên mí mắt, nụ cười, khiến tôi chăm chú nhìn một cách đắm đuối lẫn sự thương tiếc.

Một thoáng buồn đưa đến.

Tôi chợt nghĩ tới những con thuyền không người cầm lái đang trôi giữa dòng nước chưa biết giạt vào đâu hay trở về nơi vô định. Những người con gái nơi đây rồi cũng chỉ có thế ! Cuộc đời của họ cũng như ánh nến thấp lên giữa trời giông, bão.

Thiếu nữ lạ thay mặt chị Thu đề tiếp chuyện tôi, còn Hoàng đã có thiếu nữ lúc này.

Thiếu nữ chào tôi xong kéo ghế ngồi cạnh trò chuyện. Giọng của thiếu nữ êm và dịu quá thành

thử những lời điều luyện không làm nổi bật trên con người.

Tôi mỉm cười và đùa :

— Người đẹp như thế hẳn tên phải đẹp và thơ lắm.

Thiếu nữ cười gượng, đáp :

— Dạ cũng đúng và cũng không, vì con người ở những nơi này không bao giờ có tên đẹp của chính mình, mà do ở khách.

Câu nói tuy thông thường nhưng lắm ý nghĩa, nhất là đối với thiếu nữ, nên có cảm tưởng như mĩa mai tôi vậy. Nhưng tôi không buồn mà càng thương hại. Và cũng do đó mà tôi muốn tìm hiểu thiếu nữ sau này.

Một lúc lâu trò chuyện, và lấy được cảm tình của thiếu nữ khi ấy mới biết được tên nàng.

Một cái tên rất hay vì nửa Pháp nửa Việt, đọc lên như một lời ca trầm bổng ngân dài vọng về xa xưa.

Tôi hơi giật mình lập lại :

— Alice-Lan !

Alice-Lan ngờ ngạc hỏi :

— Vâng ! Mà sao hở anh !

Tôi đáp với giọng buồn buồn :

— Tên của Alice... rất đẹp,

rất dễ thương khiến mọi người khó quên được.

(còn tiếp)



★ Bản nhạc mới — (Nhà xuất bản Tinh Hoa Miền Nam).

Kiếp nào có yêu nhau của Phạm Duy-Mùa hoa hẹn ước của Hoài An và Hồ-đình-Phượng — Thuyền xuôi Kiên-giang của Anh Việt Thu — Sáng rừng của Phạm đình Chương — Miền nam ca khúc của Khánh Băng — Tai nạn téléphone của Trần văn Trạch — Hai mối tình yêu của Hoàng Trọng và Hồ đình Phượng — Đồng hồ của Trần văn Trạch. Do nhà xuất bản « Tinh-Hoa Miền Nam » Ấn hành.

Trình bày rất đẹp, các nhạc-phẩm này đều rất có giá-trị vì sáng tác bởi các nhạc-sĩ có danh tiếng từ lâu. Giá mỗi bản 7đ.

★ Trăng Phương Đông của Tường Phong (Huế)

(Tác giả xuất bản)

Một tập thơ gồm 24 bài, lẫn lộn các thể thơ cũ và thơ mới. Tuy nghệ thuật nhiều bài chưa đến chỗ điều luyện, song với tư chất thi văn, với một tâm hồn nghệ-sĩ dôi-dào, Thi-sĩ Tường-Phong còn hứa hẹn nhiều về tương lai...

★ Nhạc Lòng của Hoàng Oanh, (Vĩnh Long)

(Yêm-Yêm thư trang phát-hành)

Một tập thơ gồm 77 bài, đủ các loại thất ngôn, tứ tuyệt, ngũ ngôn, lục bát, song thất lục bát v.v... Phần nhiều đều tả cảnh, tả tình với một giọng điệu dịu dàng, êm ái. Tác giả có vài cảm hứng mới lạ, lối văn lưu-loát không khô khan chán nản. Trình bày mỹ thuật, dày 121 trang, giá 25đ. Với một thi phẩm đầu tiên như thế, thi sĩ Hoàng-Oanh đã thành công được phần nào.

# LƯƠNG KHẢI SIÊU

Thuật-giả : TRẦN TUẤN KHẢI

(Xem từ P. T. số 1)

## II. — Tân-dân là việc cần cấp nhất cho Trung - Quốc ngày nay

**N**AY muốn nói tới Tân-dân là một việc cần cấp nhất, là do ở 2 điểm căn cứ như sau :  
1) Thuộc về phương diện « Nội trị » và 2) Thuộc về phương diện « ngoại giao ».

Thế nào là phương diện quan hệ về nội trị ? Xưa nay người ta bàn tới nghệ thuật chính trị rất nhiều và khi động nói tới thì chỉ trích ngay là ông này đã làm lỡ việc nước, hoặc ông kia đã làm ta hại đến dân. Hay là cái việc này là do chính phủ thất sách, cái việc kia là do quan-lại không hết bần phận. Cứ kể cái luận điệu đó, ta không dám ché là không đúng. Nhưng ta thử hỏi : Chính

phủ kia là do đâu mà thành lập ra ? Và những quan-lại kia thì từ đâu mà có ? Những cái đó có phải đều là do ở dân gian mà nảy ra hay không ? Ông kia, ông nọ, chính phủ này, quan-lại ấy, có phải cũng là một phần trong quốc dân hay không ?

Từ thượng cổ tới nay, nếu gộp cả một lũ mù lại cũng không bao giờ thành một Ly-Lau (người có con mắt rất sáng vào thời cổ), tự rất nhiều người điếc lại cũng không thể thành một Sư-Khoảng (người có tài nghe giỏi nhất thời xưa), và hợp rất nhiều những người hèn nhất cũng không thành một Ô-Hoạch (một tay lược sĩ nổi tiếng về thời Chiết quốc). Vậy thì với những nhân dân như thế mà nảy ra những chính phủ như thế và những quan-lại như thế, thực quả đúng với câu « trông rửa gặt rửa, trông đậu gặt đậu », hỏi còn đáng trách ai ?

Nhà triết - học Tây - phương thường nói « chính phủ đối với

nhân dân, cũng như cái hàn-thử-biểu đối với không khí vậy », cái khí hậu ở ngoài với mức thủy-ngân ở trong ống hàn-thử, bao giờ cũng theo nhau rất đúng, mây may không thể nào mà giả giới được. Vậy cái trình độ văn minh của một dân tộc còn ở mức kém thấp thì cho dầu có được những vua giỏi tài hiền đứng ra cai trị, nhưng một khi người ấy mất đi thì chính lệnh cũng mất đi lập tức. Cũng ví như giữa tiết trời đông thảng giá ta nhắc cái hàn-thử-biểu đem đặt vào trong nước nóng sôi thì, ngay lúc bấy giờ cái mức thủy-ngân ở trong tất cao

Cho nên có thể nói rằng, nếu có được tân dân (dân cách mới mẻ) thì lo gì không có chính phủ tốt tân, lo gì không có chế độ tốt tân và lo gì không có một quốc gia tốt tân. Nhược bằng không được như thế, mà cứ hôm nay đổi một việc này, ngày mai thay một người kia ; giặc chỗ này, xó chỗ khác, bất chước người này, học theo kẻ nọ, thì quyết nhiên không bao giờ lại có một ngày thành công kết quả. Than ôi ! Nước ta hàng mấy mươi năm đòi thay chính phủ mà rút cục chưa thu được một chút hiệu quả khả quan, đó là vì có làm

## ★ THUYẾT TÂN DÂN ★

vọt ngay lên nhưng tới khi nôi nước nguội lạnh thì mức thủy-ngân giữ sao cho được đứng nguyên như cũ ? Trái lại, nếu trình độ quốc dân đã được khá cao thì, dù chẳng may gặp bọn vua hèn quan kém ; quý rồi nhất thời, nhưng lại nhờ được năng lực của toàn thể nhân dân sửa sang chỉnh đốn thì làm chi mà không bền vững được ngay ? Đó có khác chi đương giữa mùa viêm nhiệt ; dù ta có đặt ống hàn-thử lên trên một khối băng lạnh, cho dầu cái mức thủy-ngân có bị thụt xuống, nhưng rồi chẳng bao lâu băng giá tan đi thì cái mức thủy-ngân lại vọt ngay lên như trước.

sao ? Thưa rằng chỉ vì cái đạo « tân dân » chưa từng lưu tâm đến vậy.

Hiện nay những kẻ có tâm huyết ở nơi thảo dã, phần nhiều thương hay thở than mong ước : « Làm sao có được một bậc vua hay tướng giỏi đứng ra cứu vớt sinh linh ? » Nhưng chính ta chưa hiểu cái hạng vua hay tướng giỏi ấy phải được như thế nào mới là đúng mực ? Nhưng cứ như ta nghĩ thì, cứ theo tư cách của nhân dân, cái đức như thế, cái lực như thế, và cái tài như thế, ta có thể hiểu rằng cho dầu có bậc minh quân hiền tướng đến đâu, cũng không thể nào làm

cho trở thành hay được. Than gì! Nã-Phá-Luân là một tay danh tướng góm ghê, nhưng nếu trao cho một toán quân ốm yếu biếng lười thì cũng không bao giờ địch nổi được đám Hắc-man. Kha-Luân-Bố là một nhà đại tài thám hiểm, nhưng nếu trao cho một chiếc thuyền mục nát tan tành thì cũng không sao mà vượt nổi những nơi trùng dương hiểm trở!

Ta nên hiểu rằng, những hạng vua tướng ở trên đời, xưa nay không bao giờ một tay mà làm nổi hết các công việc của dân, của nước. Vậy cũng phải cần có những người giúp đỡ xung quanh. Những người giúp đỡ xung quanh cũng không thể một mình tự làm xong việc, lại cần phải có những hạng thủ túc bên mình. Rồi thì những người từ các cấp đó trở xuống mỗi lớp lại thêm một lớp, kẻ biết bao nhiêu những người phụ thuộc thêm vào. Trong trường hợp ấy, ví phỏng có được một nửa là những hạng người xứng đáng có tài thì cũng chưa chắc đã làm nên công nghiệp rạng rỡ cho dân cho nước. Huống hồ trong một trăm người lại chưa sao có nổi lấy được một người.

Những người bàn về chính trị đó, đã đành là chính trị của các nước Âu-Tây hiện nay rất là hay giỏi và muốn cho chúng ta phải cố gắng học tập theo người. Nhưng nếu xét rõ ý kiến của những người lập-ra luận điệu ấy,

có lẽ họ cho là bao nhiêu chính trị hay giỏi của các nước Âu-phương, thầy đều bởi một tay ông vua hoặc ông tướng đã làm được cả đó chăng? Nếu vậy, ta hãy thử đề mắt coi qua các nước Âu-Tây như nước Anh, nước Mỹ, nước Đức, nước Pháp chẳng hạn, ta thấy nhân dân của họ từ cách tự trị thế nào, nhân dân của họ đối với chính phủ quan hệ thế nào, thì ta khác rõ. Chính trị của các nước đó, dù trong một tỉnh cũng không khác gì một nước, mà ngay đến từng một thôn xóm con con cũng chẳng khác gì chính thể của cả một quốc gia. Thậm chí ngay đến những cách cư xử của một cá nhân, so với pháp luật cả trong một nước cũng không thể xa khác trái ngược, để có thể xảy ra những việc đáng tiếc, đáng buồn. Nói cho đúng ra, cũng không khác một đống muối kia, dù cho chất đến như gò, như núi, nhưng mỗi hạt muối cũng đều chứa có những vị rất mặn, không hạt nào là khác hạt nào, cho nên đến lúc chia ra từng hạt xa nhau mà chất mặn vẫn nguyên không biến, Trái lại, nếu ta dùng những vật không có chất mặn, đem chất đầy rẫy bằng mấy trái núi Thái-san, rồi ta cố làm cho thành chất mặn thì thiết tưởng cũng là vô ích mà thôi...

Muốn được chứng minh những lý thuyết đã nói trên đây, thiết tưởng không gì bằng lấy ngay một nhà đề làm thí dụ: Nay trong

một nhà nào đó, nếu được tất cả từ cha mẹ, anh em, cho tới vợ chồng con cái, thầy đều có nghề nghiệp làm ăn, có tài có trí, có đức tính cần mẫn trung thực, thì tất nhiên gia đạo phải mỗi ngày một thịnh đạt hơn người. Nhưng trái lại, nếu hết thầy mọi người trong một gia đình, đều là biếng lười xa xỉ, ăn rồi ngồi không mà sớm trưa toàn trông mong vào cả một người gia-trưởng thì, gia-trưởng kém ra đã đành cả nhà chết đói, nhưng cho dầu gia-trưởng tài giỏi chẳng nữa cũng không thể nào mà nai lưng chu cấp cho được sung sướng mãi mãi suốt đời.

Người nước Anh thường có câu nói: « That's Your mistake, I couldn't help You », có nghĩa là « Anh làm rồi, tôi không thể giúp anh được đâu! » Câu nói đó tuy chỉ là một câu quê kệch tầm thường, theo chủ trương ích-kỷ, nhưng thực ra thì là một lời cảnh cáo tha thiết khiến cho người ta tự trị lấy mình và tự giúp lấy mình vậy. Bởi thế, chính ta đây, hàng ngày vẫn thường mong được có những bậc vua hiền tướng giỏi, nhưng nghĩ đi nghĩ lại thì dầu có được vua hiền tướng giỏi, có lẽ cũng đến khoảnh tay mà hết đường thì thổ giúp ta.

(Còn nữa)

## ★ Cái mũi em ở chỗ nào?

Một Họa-sĩ Việt-nam bắt chước vẽ lập-dị theo lối Picasso. Một hôm chàng vẽ hình dung người yêu của chàng. Vẽ xong, đưa nàng xem. Nàng ngó bức vẽ một lúc thiệt lâu rồi hỏi:

— Cái mũi của em ở chỗ nào, hả anh?

Họa-sĩ kiếm mãi không biết ở chỗ nào, liền chỉ đại một chỗ nơi ngực. Nàng đỏ mặt:

— Em tưởng đó là cái cùi-chỏ chớ!

Ất-Dậu

(Trường Cao-đẳng mỹ-thuật, Gia định)

## ★ Lấy chồng

Cô Xuân tri-kỷ với cô Huệ:

— Em chưa được 30 tuổi thì em chưa muốn lấy chồng.

Cô Huệ:

— Còn em mà chưa có chồng thì em chưa muốn có 30 tuổi.

Bảo-Thế

(Trường Chu-văn-An, Saigon)

Câu hỏi P. T. số 2

★ 1.— Hai lãnh tụ của hai cường-quốc, bằng tuổi nhau là **De Gaulle**, Thủ-tướng Pháp, sinh năm 1890 tại Lille, và **Eisenhower**, Tổng Thống Mỹ, sinh năm 1890 tại Dennison (Texas).

*Lâm-bình-Lễ (Tuy-Hoà)*

★ 2.— Bà Từ-Dũ mẹ vua Tự-Đức, quê ở Tân-Hòa (Gò-Công).

Mẹ vua Thiệu-Trị quê ở Thủ-Đức (Biên-Hòa).

★ 3.— Nghệ-sĩ mù

**Louis Braille**, Nhạc-sĩ Pháp (1809-1852), đui mắt từ hồi 3 tuổi. Tự đặt ra bảng văn riêng cho người mù.

Chính-phủ Pháp có tạc tượng để thờ ông.

**Gallilée** (1564-1642) nhà Bác-học và Thiên-văn-học nước Ý, đã chủ-trương lần đầu tiên, theo Copernic, rằng Trái-đất tròn.

Bị mù từ năm 1636.

**Gabriele d'Aununflo**, Thi-sĩ Ý, vừa là nhà cách-mạng, và phi-công, bị mù vì một tai nạn phi-cơ, tác-giả tập thơ bất-hủ *Notturno* (Đêm) 1863-1938.

**John Milton**, (1608-1674), Thi-sĩ Anh, tác-giả tập thơ *Poésies Latines et anyladeses* và *Lost Paradise* (Mất thiên-đường).

**Homère** Thi-sĩ Hy-Lạp, trước Tây-lịch.

Tác-giả những tập thơ danh tiếng **Odyssee**

*Illyade* bị mù lúc 40 tuổi. Hoàng-đế Alexandre III yêu thơ của Homère đến đổi cất những bài thơ tuyệt tác của thi-sĩ trong một hộp riêng bằng vàng. Họa-sĩ **Gérard** (1814) có vẽ một bức chân dung « Homère mù », và một bức « Homère nằm chết đói nơi đường vắng », như một người ăn-mày.

**Tirésias**, trong thần-thoại Hy-Lạp, một nhà Học-giả uyên-thâm, vì nhìn trộm Nữ-Thần Chariclo tằm mà bị đui mắt.

**Démocrite**, nhà triết-học Hy-Lạp, 460 năm trước Giê - Xu, người đầu tiên phát-minh ra « nguyên-tử », tự đâm 2 con mắt cho đui để dồn hết tinh-thần vào tư-tưởng.

**Didyme**, Bác-học Hy-Lạp thế-kỷ thứ IV, đui hồi 4 tuổi. Tự học và viết nhiều sách về Tôn-Giáo.

**Nicolas Saunderson**, nhà toán-học Anh (1682-1739) đui từ thuở nhỏ. Cũng tự học, sau làm giáo-sư trường Đại-học Cambridge, viết các sách về toán. Phát-minh một phương-pháp học toán riêng cho người mù, gọi là (*Mathématiques palpables*), học bằng lối sờ tay vào các con số nổi.

**Louis Vidal**, nhà điêu khắc Pháp, nghệ-sĩ trừu danh về môn chạm và khắc các con thú trên đồng. Đui từ thuở mới sinh. Các cổ-tàng-viện Âu-châu còn giữ của ông nhiều bản chạm tuyệt xảo: « Con nai gần chết », « Con sư-tử nằm », « Con bò rừng » v..v.. Chết năm 1892 tại trường Mù ở Paris.

**Augustin Thierry**, Văn-sĩ Pháp (1795 — 1856) Hàn-lâm-viện Văn-học. Đui từ hồi 36 tuổi. Rồi từ lúc đui đến lúc chết, 20 năm, ông nằm giường đọc cho thư-ký chép các văn-thơ của ông. Gần chết lại bị bại chun không đi được.

**William Prescott**, nhà sử-học trừu danh của Mỹ (1796 — 1859). Bị mù từ lúc còn đi học. Nhờ cô em là Elisabeth làm thư-ký, tận tụy biên chép các tác-phẩm của ông: tập thơ « *Élégies* », quyền-kịch « *Pendinand et Isabelle* », quyền sử « *Conquête du Mexique* », văn rất duyên dáng.

**Louis Gaston de Ségur**, Văn-sĩ Pháp, đui từ lúc nhỏ.

**Bà Dufrenoy**, nữ-sĩ Pháp (1765 — 1862) đui lúc 15 tuổi. Cố gắng học thắm, tác-giả các sách: « *Livre du 1er âge* » « *Education Maternelle* ». Được Hoàng-đế Napoléon 1er tặng thưởng.

**Henry Fawcett**, nhà kinh-tế-học Anh, (1833 — 1884), vì tai nạn sấm bắn bị đui mắt hồi 20 tuổi. Người yêu là Miss **Millett Garrett**, làm thư-ký rồi sau làm vợ ông, biên chép các tác-phẩm của ông về kinh-tế học, kinh-tế chính-trị học. Sau ông làm Bộ-trưởng bộ Thương-Mại Anh, và giáo-sư trường Đại-học Cambridge.

**Bà Bertha Galeron de Calonne**, Nữ Thi-sĩ Pháp, tác-giả quyền « *Dans ma nuit* » (Trong đêm của tôi). Mù từ lúc 6 tuổi, tự học.

**Pierre Villey**, Bác-học Pháp, giáo-sư Đại học, và văn-sĩ, tác giả quyền « *Le monde des Aveugles* » 1914. Bị đui từ 10 tuổi.

**Nguyễn-đình-Chiêu**, Thi-sĩ Việt-Nam (1822 — 1888) bị đui vì khóc mẹ chết, có thơ tự an-ủi:

*Thà cho trước mắt mù mà,  
Còn hơn ngồi ngó kẻ thù quân thân*

*Thà cho trước mắt tối dầm,  
Chẳng thà thấy đất lục trầm  
can-qua*

*Dầu đui mà giữ đạo nhà,*

Còn hơn có mắt ông cha không  
thờ

Dù dui mà trọn danh nho,  
Còn hơn có mắt ăn đờ tanh rình

Thi-sĩ Việt-nam tự an-ủi,  
nhưng nhà Thi-sĩ La-Mã than  
thân mù :

*Si coecus coecum ducit, ambo in  
foveam cadunt !*

(Nếu một người mù dắt một  
người mù, hai người cùng té  
xuống hố !)

Còn Văn-sĩ **Diderot** (Pháp),  
viết tập « *Lettres sur les Aveug-  
les, à l'usage de ceux qui voient* »  
(Thư về người mù, cho những  
người không mù đọc), bị 3 tháng  
tù vì nhà văn ngạo bợn chánh-  
quyền hồi đó tham lam và mù  
quáng, có mắt mà không có con  
ngươi !

★ 4.— Nhạc sĩ **Richard Wa-  
gner** (Đức) thế kỷ XIX, danh-  
tiếng lẫy lừng Thế-giới, nhưng  
khi ông nghèo xơ-xác, che cái  
chòi vải ở đầu đường xó chợ,  
thì con chó của ông nuôi từ nhỏ  
cũng bỏ ông mà đi ở với chủ  
khác. Con chó bất nghĩa ấy tên  
là **Robber**.

★ 5.— Tên các đường phố  
Saigon : **Cao-Thắng**, là một  
viên phó tướng của Phan-đình-  
Phùng, chỉ huy đúc súng đạn, và  
thắng Pháp nhiều trận.

**Bùi-thị-Xuân**, là vợ của Trần-  
quang-Diệu, một phó tướng của

Tây-Son, chinh bà cũng chỉ huy  
một bộ đội 5.000 quân chống cự  
với quân Nguyễn-Ánh tại Trấn-  
Ninh.

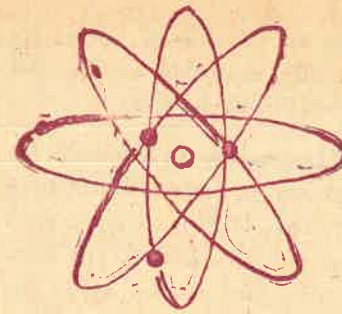
**Sương-nguyệt-Ánh**, là con  
gái thứ tư của Nguyễn-đình-  
Chiều. Tên thật là Nguyễn-xuân  
Khuê. Nữ-sĩ. Tác-giả nhiều bài  
thơ Đường-luật khá hay.

★ 6.— Người Pháp đã dịch  
quyển Kiều ra thơ Pháp, là **René  
Crayssac**, Công-sứ Pháp ở Vĩnh-  
Yên.

★ 7.— Người kêu lên câu bất-  
hủ « *O Liberté ! Que de crimes on  
commet en ton nom !* » (Ô Tự-  
do ! Người ta đã phạm biết bao  
nhiều tội ác vì danh-nghĩa của  
mi !) là **Bà Roland**, một nữ cách-  
mạng Pháp sinh năm 1754 tại  
Paris, bị chết chém cũng ở Paris  
năm 1793. Hồi 26 tuổi, bà lấy  
chồng là ông Roland, 50 tuổi, vì  
đồng chí-hướng, nhưng sau bị  
tòa án cách-mạng kết tội vì bà  
ngay-thẳng thơ Lý-tướng Tự-do  
trong lúc các bạn đồng-chí của  
bà chỉ lợi-dụng hai chữ Tự-do  
để đầu-cơ chính-trị và tham  
quyền cố vị.

Hồi còn ở tù, bà có viết quyển  
« *Mes Dernières Pensées* » (Những  
tu-tưởng cuối cùng của má) để  
tặng con gái của Bà. Ra tòa, bà  
tự bào chữa lấy cho bà và chồng  
bà.

**Diệu-Huyền**



**C**ÁCH đây 60 năm  
không ai biết rõ.  
Người ta chỉ biết  
có nguyên-tử. Không phân tách  
được và nguyên-tử khác tính nhau.  
Rồi lần lần, thời gian qua, người  
ta hết sức lấy làm lạ mà tìm thấy  
trong cái khác tính ấy có ẩn một  
tính đồng nhất sâu xa. Tạo-hóa  
đã sinh ra rất nhiều hóa hợp vật,  
như đá, đàn bạch-tinh  
(protéine), khoáng vật,  
đường, xương cốt, với

Có thể nói rằng nguyên-tử kết  
cấu bằng-ba phần-tử căn bản là :  
một phần nóng (proton), một phần  
nguội (électron) (như giầy nóng  
giầy nguội trong điện lực) có điện,

**NGUYÊN-TỬ**

**CÓ**

**MẤY THỨ ?**

và một phần tự động (neutron).

Phần-tử nóng và phần-tử tự-  
động là hai phần-tử nặng bằng  
2000 lần phần-tử nguội. Riêng  
về phần-tử nguội rất nhẹ và dường  
như nó chỉ có một số nhỏ xíu  
điện nguội mà thôi.

Lấy sự kết cấu nói trên mà  
phân biệt nguyên-tử, thì nguyên-tử  
này khác nguyên-tử nọ là tùy ở số

nhiều hay ít ba phần-tử  
vừa kể đó.

Nhưng nên đề ý, tuy

khác về số lượng phần-tử nóng,  
nguội, song đều một cách kết cấu  
như nhau. Chính giữa nguyên-tử  
(trung ương) là một hạt nhum  
(noyau) qui-tụ tất cả phần-tử  
nặng, nghĩa là phần-tử nóng và tự-  
động. Quay quanh xung quanh hạt  
nhum ấy thì là phần-tử nguội, nhẹ  
hơn.

Nhờ nhẹ cho nên phần-tử nguội



xoay mãi xung quanh hạt nhưn, tựa hồ như trái đất xoay chung quanh mặt trời, nhưng vòng quỹ đạo của nó không được rõ rệt lắm (quỹ đạo nghĩa là cái đường chạy vòng quanh của vì sao nhỏ xoay chung quanh của vì sao lớn) như trái đất vòng quanh mặt trời.

Mỗi lúc mỗi nguyên-tử vừa mất và cũng vừa thu lại những phần tử nguội xoay-chiụ trong một luồng điện. Dầu vậy nguyên-tử vẫn còn nguyên- vẹn, có biến đổi chẳng cũng chỉ là hết sức nhỏ nhen ở bề ngoài mà thôi. Chỗ này cũng dễ hiểu là vì linh-hồn và xác nguyên-tử là hạt nhưn đã nói trên kia không đếm kể gì phần-tử nguội.

Trong vật đơn - thể (corps simple) thì mỗi nguyên-tử có một số riêng-biệt phần-tử nóng (proton). Ví dụ hạt nhưn khinh-khí (hydrogène) có một phần-tử nóng mà thôi, hạt nhưn hélium có hai, và tiếp theo cho tới Uranium có

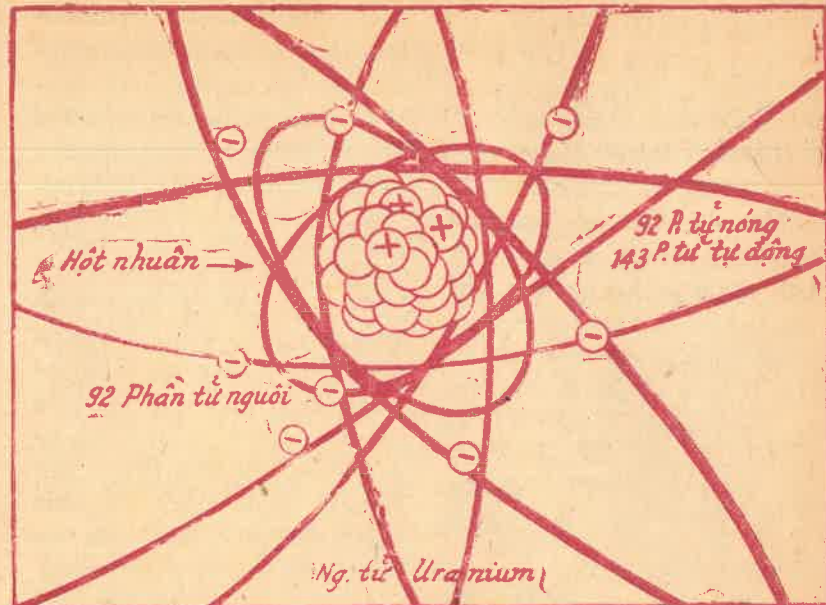
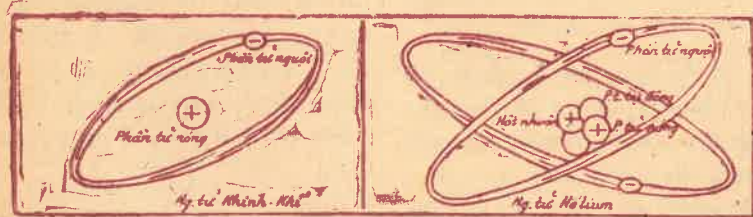
được tới 92 phần-tử nóng. Xa hơn nữa, neptonium có 93, plutonium 94, và còn nữa. . .

Trong nguyên-tử khinh-khí, hạt nhưn chỉ có một phần-tử nóng (Proton). Điện-lực của hạt nhưn được giữ thăng bằng do một điện-lực đồng sức, nhưng nguội (âm điện), của phần-tử nguội (électron), xoay chiều xung quanh hạt nhưn.

Trong nguyên-tử Hélium, hạt nhưn có những 2 phần-tử nóng (dương điện) và 2 phần tử tự-động (neutron) cấu kết với nhau. Sự thăng bằng điện-lực của bốn phần-tử nguội, xoay chiều chung quanh (coi hình dưới đây).

Trong nguyên-tử Uranium nó, có 92 phần-tử nóng và 143 phần-tử tự-động kết thành hạt nhưn và có trung bình 29 phần-tử, nguội xoay chiều xung quanh để giữ thăng bằng cho hạt nhưn.

(Hình bên)



### NGUYÊN-TỬ-LỰC (Energie atomique)

Nhiều sức vô hình níu-nắm dính khắn nhau các phần-tử của nguyên tử. Ví dụ giữa hạt nhưn dương-điện (nóng) và các phần-tử âm-điện (nguội), có một luồng điện hấp dẫn cái này với cái nọ. Nhưng tuy có hấp dẫn mà cái sức rất nhỏ nhoi, đối với lực vị-trí (éner-gie potentielle) đang nằm ngay trong giữa hạt nhưn, thu gọn lại

như cái ruột gà. Tại sao lực vị-trí được mạnh? Vì hạt nhưn chứa đầy phần tử nóng (proton) mà các phần-tử này tự nhiên xô-dẩy lẫn nhau với một sức trọng-đại, bởi chưng tất cả đều là dương-điện (điện nóng). Do đó mỗi nguyên-tử đều có một cái sức liên-lạc riêng biệt để hòa-hợp phần-tử nóng và phần-tử tự-động (neutron) mà kết thành hạt nhưn.

Tóm-tắt, nói nguyên-tử-lực là nói cái sức đã làm liên-lạc các phần-tử của hạt nhưn vậy.

**TÁCH NGUYÊN-TỬ-  
LỰC RA KHỎI  
HỘT - NHỰN**  
*(libérer l'énergie atomique)*

Một đôi khi, thứ nguyên-tử hạng nặng hơn hết, tự nó làm cho tách một phần hạt nhừn ra khỏi nguyên-tử, mà không cần-có một nguyên-nhân nào tự ngoài gây ra. Đây là hạng nguyên-tử có phóng xạ thiên-nhiên (radio-actifs naturels) như chất radium và uranium. Hạt nhừn của các nguyên-tử này tự nó cối-truất phần-tử để giản-dị-hóa cho nó.

Người ta lại có thể làm cho hạt nhừn trở lại quân-bình (instable), nghĩa là bỗ-khuyết nó sau khi nó giản-dị-hóa, bằng cách tấn-công nó với một phần-tử nóng (proton) hay là một phần-tử tự-động (neutron) với mục-đích là độn-nhập vào nó.

Do theo ý đó, trước tiên người ta dùng phần-tử nóng (proton), nhưng cách thức này có một điều bất lợi: là phải nạp phần tử nóng vào với một năng-lực tối trọng, vì lẽ cái hạt nhừn, cũng là thuộc nóng (dương điện), nó có thể tổng ra hay là chận đứng không cho phần-tử khác vào. Trái lại, nếu

dùng phần-tử tự-động (neutron), là phần-tử không có điện, thì nó dễ độn nhập vào hạt nhừn hơn, vì trong khi nó tấn tới, nó không cần dần áp những điện-lực chống cự lại (force électrique répulsive).

Thế thì xạ phần tử tự-động (neutron) vào hạt nhừn là nó độn-nhập được ngay và làm cho hạt nhừn được quân bình. Có sự độn chạm này hạt nhừn mới phân chia ra để cho có một hình thể vững chắc hơn. Từ chỗ nguyên hình mà đi, tới chỗ biến hình cho ra một hình-thể vững chắc, hạt nhừn nguyên-tử tách ra một phần sức liên-lạc của nó (énergie de liaison).

Một chuyện lạ: người ta có thể đo được phân lượng về sự biến thể này. Các phần của hạt nhừn bễ, hợp lại, cân nhẹ hơn hạt nhừn quân bình mà từ đó các phần đã tách ra. Do đó và cách đây 50 năm, nhà bác-học Einstein bảo rằng cái số lượng mất khối (perte de masse) nó ăn đúng với nguyên tử lực đã được tách ra.

Tách nguyên-tử-lực ra như trên đã nói, danh-từ khoa-học nguyên-tử gọi là « fission ». Đây chỉ là một danh-từ khoa-học nguyên-tử mà thôi, chứ nghĩa cũng là tách ra. Nhưng mà cách dùng phần-tử

tự-động (neutron) để xạ vào phần-tử tự-động (neutron) thì chỉ này ra một số nhỏ (theo lối nhỏ giọt) nguyên-tử lực mà thôi. Muốn cho sự tách nguyên-tử lực thật có kết quả đáng kể, thì phải làm sao để khi tách nguyên-tử lực như nói ở trên thì đồng thời phát ra nhiều phần-tử tự động (neutron) khác và mỗi phần-tử tự động vừa phát ra đó lại gây ra nhiều sự tách nguyên-tử-lực khác nữa. Ví dụ như một viên đạn thần vừa bắn ra là nó biến thành ngàn muôn viên đạn thần khác cũng nổ, cũng phá vậy.

Tìm ra được thuyết lực sanh lực này vào năm 1940, với một thứ uranium.

Nếu một phần-tử tự động (neutron) vừa độn nhập vào hạt nhừn một nguyên-tử Uranium thì hạt nhừn này nổ ra làm hai phần xê xít bằng nhau, (xem hình), rồi lại tung ra vài phần-tử tự động của nó xuyên qua khối. Nếu khuôn khổ khối đủ ni, thì mỗi phần-tử tự động vừa tung ra đó có thể chạm vào một hạt nhừn khác mà lại nổ ra mà tách thêm nguyên-tử lực, đồng thời tung ra thêm phần-tử tự-động khác nữa.

Ấy vậy thuyết lực sanh lực kể như một xâu chuỗi nguyên-tử lực

mà hạt này nảy ra hạt nọ, kế tiếp nhau mãi mãi.

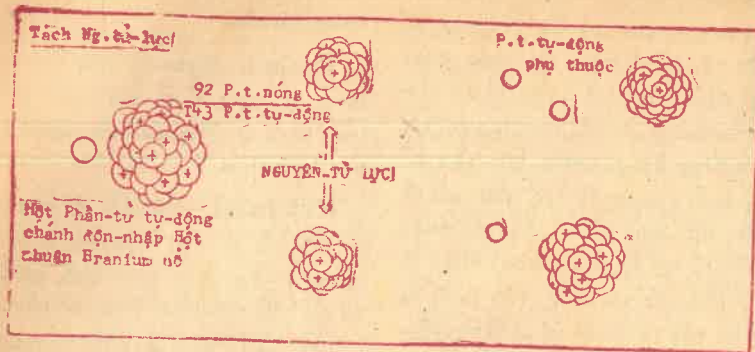
Trái bom nguyên-tử liêng Hiroshima là nguyên-tử uranium, còn trái liêng ở Nagasaki là nguyên-tử Plutonium.

**Kết luận.**— Người ta có thể rút lợi ích ở nơi nguyên-tử lực không? Tự nhiên là có thể, mà ít người biết phải làm như thế nào?

Một cái « binh » (pile) nguyên-tử là một nguồn vô tận phần-tử tự-động (neutron). Nhờ « binh » này mà dùng phần-tử tự-động để làm cho chất uranium thường trở thành chất plutonium nổ, và mỗi lần biến hóa như vậy đều có nảy ra một sức nóng, rồi người ta dùng sức nóng ấy trong nhiều công-tác thường ngày. Ví dụ như lợi dụng sức nóng để cho máy chạy cho có điện mà xài.

Cái « binh » còn nhiều công dụng nữa. Nó nhờ có nhiều phần-tử tự động (neutron) mà sanh ra nguồn phóng xạ (radio-activité). Hiện thời « binh nguyên-tử » làm ra colbalt, sắt và iode đều có phóng xạ dùng trị các bệnh màng (như màng óc) (tumeur).

Máy Geiger dùng để dò nguyên-tử phóng xạ và theo dõi các vận chuyển của nguyên-tử. Từ khi có



máy này, người ta chỉ cần dùng một chất có phóng xạ đưa vào một thân cây hay vào một cái máy, để « thấy » coi nó trường hay nó hoại, nó biến chuyển thế nào, tựa hồ như nhân quang của ta ngày càng tăng lực. Nhờ có nguyên-tử phóng xạ, mà nhà bác-học biết được một vết thương nó lành như thế nào, tìm ra được chất đường lúa mì, dò được biết coi chất mỡ có làm xong vai tuồng « trơn trượt » của nó không.

Còn nói về công-dụng nguyên-tử lực trong tương-lai, vấn-đề này không chỉ riêng cho nhà bác-học mà cho tất cả công-dân thế-giới.

Cũng như các sự phát minh quan trọng khác, nguyên-tử lực sẽ hứa hẹn không biết bao nhiêu hạnh phúc mà cũng sẽ gây nên không

biết bao nhiêu tai hại. Nó là một món quà tặng của khoa-học và các bác-học đều cần. Trời cho món quà đó là một thiên-ân chỉ giáng phúc cho thế gian nà thôi. Lời cầu nguyện của nhà bác-học tức là lời nguyện chung trong thời gian, mà được cùng không là do ở tâm ta mà thôi.

Trong hình trên đây, một phần tử tự-dộng chánh độn-nhập hệt-nhưn làm cho hệt-nhưn nổ làm hai phần bằng nhau và đồng thời tách nguyên-tử lực ra. Hai hệt-nhưn mới gồm tất cả 92 phần tử nóng, nhưng số phần-tử tự-dộng thì dưới số 143. Rồi các phần-tử tự-dộng vừa tách ra đó, liền xạ vào những hệt-nhưn khác mà liên tiếp làm cho có xâu chuỗi phân lực.

(Còn tiếp)

# Ánh đèn



NGUYÊN TÁC: TỪ YU ★ BẢN DỊCH: VI HUYỀN ĐẮC

**T** Ờ lúc ở nhà My-Quyền bước ra, tôi định bụng đi tìm cho được ngay La-hình-Lụy để mắng cho hắn một mẻ. Nhưng, khốn một nỗi, tôi không có địa-chỉ của hắn mà chỉ rõ có nơi biên thư cho hắn thôi. Tôi lại nghĩ tới cách viết cho hắn một bức thư để trách hắn. Sau, suy đi, nghĩ lại, tôi không biết viết ra sao, tôi đành chỉ biên cho hắn mấy lời vắn-tắt hện hắn lại chơi, và nhân đó, tôi sẽ đương-đường lục tội hắn.

Người ta, trong lúc quá giận, thường hay có những hành-vi ngu-ngốc và ấu-trĩ. Sau khi gửi thư cho La-hình-Lụy, tôi mới nghĩ ra rằng, tôi chẳng có một lý-do gì xác đáng để trách bị hắn. Điều thứ nhất, My-Quyền chẳng qua chỉ là một người vũ-nữ; điều thứ hai, tôi không hề nói cho hắn rõ sự quan-hệ giữa My-Quyền và tôi. Về phía nàng, nàng cũng giấu kín không cho hắn rõ, tôi là người tình của nàng. Như vậy, trong chỗ hữu-nghị, La-hình-Lụy quả không thất-thố một tý gì gọi là có. Đã vậy, My-Quyền lại cũng đã thú thật với tôi, nàng yêu La-hình-Lụy, kia mà. Như thế, nếu bây giờ tôi đem cái việc vừa qua nói với hắn, chẳng hóa ra tôi vừa kém lựa, lại vừa để cho hắn có cớ để lên mặt với tôi. Vậy thì, ổn nhất là tôi nên yên lặng làm như tôi chẳng hề hay, hề biết một ly gì hết, và tôi chỉ nên coi My-

Quyền như một cô gái nhây. Nếu, một đôi khi, có phải nói tới nàng, tôi chỉ có cách làm ra bộ khinh-miệt để tiết sự uất-hận, tuyệt-nhiên tôi không cho La-hình-Lụy biết rằng, giữa nàng và tôi, đã có một mối chung-tình thăm-thiết nồng-nàn. Sau nữa, mỗi khi đi nhây, chính La-hình-Lụy, hắn cũng giả vờ như không quen biết My-Quyền và coi nàng như bất cứ một vũ-nữ nào. Với ngàn ấy sự-kiện, tôi tự thấy cũng sẽ hả được một phần nào nỗi căm-giận.

Sau khi nghĩ như vậy, tôi lấy làm mừng rằng tôi đã không xốc-nổi biên thư trách-móc La-hình-Lụy, và khi hắn giáp mặt tôi, tôi đã có sẵn một thái-độ để đối-xử với hắn.

Lúc đó, sự sinh-hoạt của tôi đã làm vào một tình-trạng khó-khăn, nhưng ngoài mặt, tôi vẫn phải làm như chẳng có sự gì xảy tới và, tối tối, tôi vẫn cùng các bạn đi tầm-hoan, tác-lạc ở những nơi trà-đình, vũ-sảnh. Tuy tôi vẫn nhớ, vẫn thương, vẫn tiếc My-Quyền, nhưng tôi vẫn phải coi nàng như bất cứ một vũ-nữ nào và cái lãng-mạn-sử của hai đứa chúng tôi trước đây, chẳng qua chỉ là một sự phùng-trường tác hý, thế vậy thôi. Bởi vậy, mỗi lần gặp La-hình-Lụy, tôi vẫn cùng hắn đi tìm sự kích-thích ở những nơi chơi bởi đàng điếm, như thường lệ.

Cứ như vậy, La-hình-Lụy thành ra luôn luôn lui tới nhà tôi. Cũng vì quá đề tâm vào hắn và My-Quyền, tôi chẳng hề rõ thêm hắn mưu-sinh bằng cách nào. Có lần, hắn rủ tôi đến vũ-sảnh Đại-lộ, tôi liền từ-chối mà nói :

—Ồ ! ta chớ đến đây anh à, vũ-nữ ở đó toàn là những đồ yêu-tình, không ra trò gì đâu !

Rồi tôi nói tiếp, để khiêu-kích hắn :

—Này, hay « cậu » đã chấm một người bạn lòng nào ở trong đám vũ nữ đó chẳng ?

Cái dã ý của tôi là để hắn có thể, nhân câu hỏi của tôi, mà bộc lộ sự dan díu của hắn với My-Quyền. Nhưng, quái lạ, hắn không đề lộ một diềm thanh sắc nào, và hắn tức khắc ưng ý đi đến một vũ-sảnh khác. Dần dần, tôi hiểu, hắn cũng cố ý muốn giấu, nên không căng trì, đòi tới nơi làm việc của My-Quyền, cho bằng được.

La-hình-Lụy càng chuyên tình với My-Quyền bao nhiêu, hắn càng làm cho tôi bực tức, vì tôi không có cách gì để trả thù. Tôi cố tìm hết cơ hội này, tới cơ hội khác để tiết hận, mà không

sao toại-ý.

Dần dần, rồi ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau. Trong một tuần lễ, hắn chỉ thoái thác một hai ngày để đi u hội với My-Quyền. Có nhiều lần, tôi tìm cách không cho hắn đi và cố làm cho hắn phải thú thật, nhưng hắn gan lắm, không bao giờ hắn chịu để lộ hình tích.

Tôi tự biết, tôi vẫn còn quyền luyến My-Quyền. Tôi chưa thể dứt tình đối với nàng được. Chẳng qua, tôi định tâm báo phục La-hình-Lụy chỉ là cốt để chiếm lại tình yêu của My-Quyền. Nếu mưu toan của tôi không thành tựu, cố nhiên tôi sẽ biến thành một người hèn nhát, ty tiện, nhu nhược.

Ấy thế rồi, người Nhật đánh úp Trân-Châu-cảng, và quân đội của họ chiếm cứ tất cả các tô giới. Cái thế « cô đảo » của người Tàu ở Thượng-Hải không còn nữa. Bao nhiêu phần tử kháng Nhật ẩn núp trong các tô giới đều phải bó tay. Những tập san của tôi cũng bị đình bản hẳn.

Trong thời-gian khá lâu, tôi không gặp La-hình-Lụy.

Thế rồi, bỗng một buổi tối,

ba hôm sau khi quân Nhật tiếp-thu các tô giới, La-hình-Lụy bỗng lù lù đến chỗ trọ của tôi. Tay sách một cái va-ly. Với vẻ xanh-xao, anh ta xem chừng rất mệt nhọc. Đặt chiếc va-ly xuống sàn, anh La ngồi phịch xuống ghế sô-pha và hỏi tôi :

— Anh có thể cho tôi tạm trú ở đây với anh được không ?

Tôi đáp :

— Sao lại không được.

Anh ta rút thuốc ra hút rồi đứng lên, đi ra phía cửa sổ, vén màn, ngó ra ngoài, buông màn xuống gờ tay vuốt tóc, xong, lại về ngồi xuống chỗ cũ. Anh ta nói :

— Tôi có nhiều việc muốn nói với anh. Từ khi ta gặp nhau, chưa bao giờ tôi nói chuyện đứng đắn với anh cả.

Quả tình, tôi không ngờ anh ta lại có thể thốt ra với tôi những lời đó. Chuyện đứng-dắn đây không ngoài chuyện quốc-gia đại-sự. Trong một cái chớp mắt, La-hình-Lụy ngồi đối diện với tôi ở kia, bỗng to lớn và nghiêm-trang hẳn lên. Bấy nay, chúng tôi không hề nói với nhau một việc gì có thể gọi là « chính kinh », ngoài những câu chuyện tầm hoạn, tác-lạc. Bởi vậy, tôi vừa ngạc-

nhiên, vừa cảm thấy một cái gì rất hoạt-kê. Tôi không đáp lời anh ta và chỉ nhích mép cười.

Bỗng nhiên anh ta hỏi tôi :

— Có phải anh đã có dự-định ra hậu phương không ?

Tôi đáp :

— Có. Chính hôm qua, tôi có nghĩ tới việc đó. Nếu không có sự ngăn trở, tôi nhất định ra hậu phương.

Anh ta nói :

— Nhưng, riêng tôi, tôi không thể đi được.

Tôi vụt liên-tưởng tới My-Quyền. Tôi đoán-quyết chỉ vì anh ta không thể bỏ được nàng nên mới tính bề ở lại. Tôi liền nói :

— Quái ! Tôi thiết-tưởng anh đương độ thanh-niên cường-tráng, ở hậu-phương anh có thể đảm-đương nhiều việc có ích. Anh nên đi mới phải.

Anh ta cúi đầu, hạ giọng đáp :

— Tôi chẳng dám giấu anh, tôi có một nhiệm-vụ ở đây.

Nghe thấy câu đó, tôi thấy anh ta trở thành ty-tiền. Tôi cũng chẳng buồn hỏi thêm, trong thâm-tâm vô cùng thống-hận. Tôi bèn đứng lên và

bỗng nhìn thấy cái va-ly của anh ta. Tôi vụt nghĩ ra, cái va-ly này nhất-dịnh có chứa đựng một vật có thể nguy cho tính-mệnh tôi đây, chứ chẳng không. Tôi mới lấy chân khê đẩy nó về bên cái sô-pha và hỏi anh ta :

— Va-ly gì đây ?

Anh ta không đáp và bảo tôi :

— Tôi không tiện ở đây, tôi phải tìm ngay một nơi để ăn-nấu.

Tôi nói :

— Anh có thể ở đây được mà...

Anh ta đáp :

— Tôi chỉ định nhờ anh ở đây một đêm thôi.

Hắn nhích miệng cười, trong cái cười đó, có bao hàm một ý nghĩa là tôi nhát gan hoặc tôi quá nghĩ tới tôi. Anh ta bỗng nói :

— Không, thưa anh, tôi rất hiểu anh, đối với lòng ái-quốc, anh còn cao hơn tôi nhiều và không khi nào anh đang tâm đi « bán » một người bạn. Bởi vậy, tôi có một việc xin-ù-y-thác ở anh. Tôi muốn nhờ anh đưa giùm tôi mấy phong thư.

Anh ta không nhìn tôi và cũng không đợi tôi trả lời ưng-thuận hay không, anh ta bèn đứng lên, đi ra chỗ cái va-ly, và quỳ xuống mở nó ra. Tôi liếc mắt nhìn, thì trong đó, toàn những quần áo nhàu nát, dề lộn-xộn. Anh ta

lục-soát và lấy ra ba phong thư và đưa cho tôi.

— Thế này thật là không phải, tôi biết, tôi rất làm phiền anh, nhưng thật là vạn-bất-dắc-dĩ. Trong các anh em, chỉ có anh có thể đưa những bao thư này đi mà không bị người ta đề ý.

Tôi cầm lấy và nhìn từng tên người và từng địa-chỉ rồi nói :

— Vàng, được, được, sáng mai tôi sẽ đưa đi giùm anh, anh cứ yên tâm.

— Xin cảm ơn anh.

Hắn nói xong, nhìn tôi rồi lại tiếp :

— Xin anh cẩn thận cho, và mỗi phong thư, xin anh đi riêng hẳn ra một lần.

— Thế bây giờ anh định đi đâu ?

Tôi buột miệng hỏi anh ta như vậy, nhưng trong thâm-tâm tôi, tôi không thể không liên-tưởng ngay tới My-Quyền.

— Tôi cũng chưa biết.

Hắn đóng va-ly lại, khóa cẩn thận rồi đứng lên. Tôi chỉ vào các bao thư và hỏi :

— Đối với những bao thư này có cần phải lấy biên lai thu-nhận hay không ?

— Chẳng cần, anh ạ, tôi biết chắc rằng anh sẽ đưa đi đến nơi, đến chốn giùm tôi, thế là đủ.

Hắn thấy tôi còn đề mấy phong-thư đó ở trên bàn, hắn tiếp :

— Xin anh hãy cắt xý nó đi cho, cái đã.

Tôi liền đem ba phong-thư lên trên buồng giấy của tôi và bỏ vào trong ngăn kéo bàn viết cẩn-thận. Khi tôi trở lại, tôi thấy hắn đương nói điện-thoại, tôi nghe rõ hắn nói :

— Được, được, chỉ một lát nữa, tôi sẽ lại đây.

Hắn quay nhìn tôi, xong lại nói tiếp :

— Hiện giờ, tôi đang ở nhà một người bạn thân.

Hắn lại quay đi và nói :

— Đây là một người bạn chí thân... được... không sao.

Hắn mặc ống nói lên, nét mặt có đôi phần thay đổi. Hắn hốt nhiên nói :

— Anh ạ, có lẽ tôi xin đi ngay bây giờ.

— Tại sao vậy kìa ? Sáng mai sớm hãy đi có hơn không ? Bây giờ khuya quá rồi.

— Nhưng tôi đã chót nói...

Rồi hắn hạ giọng :

— Tôi e ban ngày, thế nào cũng có người đề ý.

— Thôi cũng được, đề tôi gọi xe cho anh...

— Cảm ơn anh...

Tôi liền nhắc ống-nói gọi xe. Hắn nắm lấy tay tôi và thành-khản nói :

— Có lẽ, lâu lắm, lâu lắm tôi mới sẽ gặp anh, sau này.

— Thật vậy như ?

— Tôi rất lấy làm cảm kích về tấm lòng tử tế của anh, anh đã vì tôi, không ngần ngại nhận lời mang giùm tôi những bức thư kia tới các nơi đó.

— Được rồi, anh cứ yên tâm, thế nào tôi cũng chu toàn việc đó cho anh.

— Tôi đã biết trước rằng, thế nào anh cũng giúp tôi, bởi vậy tôi mới dám nhờ anh. Và, về việc này, tôi đã suy đi, tính lại mãi và nhất định rằng, ngoài anh ra, không còn ai có thể có đủ cá tính và phẩm cách giúp tôi được. Tôi rất tin cậy ở anh.

Nói xong, hắn lại nắm chặt lấy tay tôi, tôi thấy tay hắn giá lạnh. Tôi cũng có cái cảm giác, có lẽ hắn và tôi sẽ còn lâu mới lại có dịp hội diện. Lần này có lẽ là lần vĩnh quyết cũng chưa biết chừng ! Tôi nói :

— Anh hãy uống với tôi một chén rượu, trước khi ta chia tay nhau.

— Xin vâng...

Hắn đáp như vậy.

Tôi đứng lên, đi lấy hai cái chén và chai rượu mùi ra, rồi chúng tôi cùng nhau chạm chén. Chúng tôi yên lặng uống cạn và chẳng nói thêm với nhau một lời nào nữa. Hắn lại bắt tay tôi một lần nữa, để ra xe, vì xe đã tới. Hắn sách va-ly đi thẳng ra phía cửa. Tôi bước theo hắn vừa tới ngưỡng cửa thì hắn ngăn tôi lại, có lẽ hắn giữ ý, không muốn để ai trông rõ tôi. Đoạn

hắn lên xe. Xe vọt tiến đi rất mau.

Trong giây phút đó, đối với La-hình-Lụy hình như tôi có một kính-ý và tôi quên hẳn việc hắn đã cướp mất người yêu của tôi, nàng Đình-my-Quyền. Tôi cũng nhận thấy tôi được lòng tin triệt-đề của hắn và về phần tôi, tôi đã làm được một việc khá sang-trọng vậy.

Nhưng khi tôi cởi áo để đi ngủ thì tôi vụt nghĩ tới cái nơi mà hắn định ăn-náu. Nhất quyết, hắn sẽ đến chỗ trọ của My-Quyền, chứ không phải nơi nào khác. Nghĩ tới đó, sự uất-hận ở đâu lại bùng bùng trời dậy ở trong tâm-não tôi. Nếu thế này, thì ra, hắn đã lợi-dụng lòng tốt của tôi, để bắt tôi đương đầu thay hắn, làm một công việc có thể nguy-hiểm, để cho khi đó, hắn « hú-hí » với My-Quyền. Lòng người thiệt biến đổi rất là mau lẹ, tốt đó, rồi xấu đó. Cả đêm hôm ấy, tôi cứ ôm lấy cái ý-nghĩ bức-tức, buồn khổ đó, mà xoay đi, trở lại không sao ngủ đi được.

Tuy tôi không nghĩ tới việc đem ba phong thư của hắn mà cáo-giác hắn ở hiến-binh Nhật, nhưng tôi đã tưởng tới sự đem đốt quách nó đi, cho bỏ ghét, và cho sau này, hắn ấy hiểu rằng, tôi không đến nỗi ngu-ngốc mà để cho hắn lợi dụng một cách dễ-dàng như vậy.

Mãi tới sáng bạch-nhật, tôi mới ngủ thiếp đi, và khi tỉnh

giác, thì đã chín giờ.

Tối lại nghĩ, con người quở là một thứ động vật rất thất thường, chỉ một tý nguyên nhân nào đó, cũng đủ sức du con người, từ chỗ thiện, tới chỗ ác, hay trái lại, cũng vậy.

Tôi mở tờ báo buổi sáng ra coi, thì vừa hay quân Nhật vừa nã-tróc mấy vị nhân-sỹ ái-quốc Trung-hoa, trong số đó, tôi được biết hai người. Sự phản nộ xâm-chiếm lòng tôi và tôi cảm-giận quân cướp nước này, họ đi tới đâu, gieo tai, gieo họa ở đó. Bao nhiêu sự uất-ức đối với La-hình-Lụy, bỗng tiêu tan hết, vì tôi thấy, tôi phải giúp hắn, dầu cho có phải hy-sinh đến mực nào, tôi cũng đầu lòng. La-hình-Lụy cũng như tôi và những nhân-sĩ vừa bị bắt trên đây, tất cả chúng tôi đều vì yêu nước mà hành-động. Tôi không do-dự nữa. Tôi phải đem ba phong thư của La-hình-Lụy, đưa tới mỗi địa-chỉ đã ghi.

Tôi ra gọi xe và đi ngay tức khắc.

Làm xong việc đó, tôi thấy trong lòng khoan-khoái lạ-thường. Thế là tôi đã không làm một việc quá đáng đối với La-hình-Lụy và đối với lương tâm tôi. Nhưng, cũng từ đó, tôi thấy tôi không còn vương-vú gì với La-hình-Lụy và Đình-my-Quyền nữa, mà từ đây, có lẽ không bao giờ tôi lại sẽ gặp mặt họ nữa.

(Còn tiếp)

# THÀNH - PHỐ SAIGON



(Coi từ P.T. số 1)

## NHỮNG DI-TÍCH LỊCH-SỬ TRONG ĐÔ-THÀNH

### ★ CHỢ SAIGON

**C** HỢ Sài-gòn đèn xanh đèn đỏ.  
 Anh coi không rõ, anh ngỡ đèn tàu.  
 (ca-dao)

Cái chợ đầu tiên ở Sài-Gòn là chợ Cồn (có người gọi là chợ Sỏi)

mà vị trí hiện thời là chu-vi những con đường *Pellerin, Lefèbre,* và *Boulevard de la Somme.*

Về sau, vì một lý do gì không rõ, người Pháp dời chợ này về phía bờ *kinh lấp (Charner)* và họp dưới những mái lều lá.

Vào năm 1870, một số lều chợ bị cháy. Hội-đồng thành-phố lo ngại cho những lều lá còn lại trong chợ, bèn thảo-luận dự-trù sẽ xây cất chợ bằng khung sắt để tránh hỏa-hoạn. Nhưng chương-

trình ấy không thực-hiện được, mà chỉ xây cất chợ lại bằng những vật-liệu thường như cột dúc và mái ngói v.v... Công việc này giao cho nhà thầu-khoán *Albert Mayer* thực hiện, người đã được ghi danh trên một con đường ở Đô-thành (tức đường *Hiền-Vương* hiện giờ).

Tuy nhiên, chợ này vẫn chỉ có tính cách tạm thời. Nhà hữu trách đang lưu tâm nghiên-cứu xây cất cho đô-thành một cái chợ xứng-đáng, có thể liệt vào hạng lớn và đẹp trong các quốc-gia Á-Đông. Hội-đồng đô-thành nhiều phen đã thảo-luận sôi-nổi về cái chợ tương lai này và gay-go nhất là vấn-đề địa-điểm. Sau nhiều phen họp, bàn cãi, cuối cùng địa-điểm chợ được quyết-định nằm trên khu đất đường *Néméδιο* (tức *Rolland Garros* hay *A-Garros*)

chương-trình bị hủy bỏ rồi chăng? Đang lúc mọi người đều phân vân như vậy, thì vào đầu năm 1914 công việc được giao cho nhà *Brossard et Mopin* thực-hiện. Công-tác này làm rất mau chóng trong vòng một năm đã hoàn tất, và lễ khai thị đã tổ-chức trước ngày Pháp-Đức tuyên chiến.

Đó là chợ Bến-thành, hay còn gọi là chợ Sài-gòn hiện giờ.

Đến năm 1944, trong một cuộc oanh-tạc của quân-đội Đồng-Minh, chợ Sài-gòn đã bị hư-hại nặng-nề. Người chết trong chợ nhiều, và của cải thiệt hại cũng không ít. Sau đó ít lâu, chợ lại được tu-bổ lại.

Đến năm 1951, trong một cuộc biểu-tình chống Pháp thực-dân của học-sinh thủ-đô, chợ Sài-gòn đã bị những bàn tay

## 100 NĂM VỀ TRƯỚC

giữa hai đường *Espagne* và *Amiral Courbet.*

Năm 1908, nhà cầm quyền đô-thành trưng-thu khu đất ấy. Tưởng đâu công-tác bắt đầu. Nhưng mãi đến năm 1911, người ta vẫn chưa thấy rục-rịch gì cả. Có lẽ

mãng sửa nặng tình đất nước đốt phá dễ tỏ lòng công phẫn phản-đối. Tuy nhiên, lần này sự thiệt-hại không to tát lắm.

Ngày nay, chợ Sài-gòn là một trung-tâm thương-mãi to nhất, và đẹp nhất miền Nam,

Lầu đồng-hồ và bốn cửa chợ đông, tây, nam, bắc đã được sửa sang lại lịch-sự hơn xưa.

Chợ Sài-Gòn có thể ví là « con tim » của đô-thành. Sự sống của đô-thành nhờ cả vào con tim ấy. Với nguồn huyết-mạch lưu-thông đều-hòa.

## ★ THẢO-CÀM-VIÊN hay là VƯỜN-BÁCH-THẢO

Thảo Cầm-Viên, tính ra đến nay đã được 94 « tuổi » rồi !

Khai-sinh vào năm 1864, vị-trí Thảo Cầm-Viên nằm trong những con đường : *Hồng-thập-Từ, D' Angier*, đường *Lê-thánh-Tôn* và bờ *Sông Thị-Nghè*.

Công việc thực-hiện khu vườn này, Đô-đốc **De la Grandière** giao cho viên quân Y-sĩ **Germain**, Ông ta được toàn quyền tổ-chức, xếp đặt mọi việc. Công-tác thật là gay-go, nhiều trở-ngại. Có người đã viết về vấn-đề ấy như sau : « *Người ta đã giao cho viên chức ấy một công-tác khó-khăn trên vùng đất xấu, mà vị-trí của miếng đất ấy lại càng tệ hơn nữa. Tuy nhiên, trong vòng vài tháng sau, người ta*

*cũng đã thấy lượt cây trong đầu tiên mọc lên...»*

Về sau, đến năm 1865 vào ngày 28 tháng 3, ông **Germain** được ông **J. B. Louis Pierre** thay thế. Viên chức sau này mới chính là người có công lớn sáng-tạo khu vườn với những tàn cây bóng mát, đẹp mắt khách nhân du.

Ông Pierre điều-khiển Thảo-Cầm-Viên được 12 năm, đến ngày 10 tháng 10 năm 1877 thì chấm dứt.

Cũng năm 1.865 các chuồng nuôi súc vật : cạp, gấu, sư-tử, chim, cò v. v... bắt đầu được làm nên. Những giống thú ấy do các nhà thiện-xạ hay quân-nhân đồn-trú khắp nơi xa gần được gửi về, để tô-diềm cho Thảo-Cầm-Viên ngày thêm phong-phú.

Năm 1936, trong một cuộc lễ trước sự hiện diện của ông **Du-mortier**, người kế-vị thứ 11 của đức Giám-mục **Evêque d'Adran**, người ta đã dựng trong Thảo-Cầm-Viên một tấm thạch-bia kỷ-niệm công lao của **Evêque d'Adran**, gần « nhà xưa » hiện thời.

Ngày nay Thảo-Cầm-Viên cũng đã được tu sửa thêm ít nhiều. Nhà cầm quyền đã cho sơn phết, trang-

hoàng lại ngôi đền chiến-sĩ trận vong nằm phía bên phải ngay cửa chính, đối diện với *Viện Bảo-Tàng*. Hoa, cỏ, cây cối, và thú vật trong vườn cũng được tăng cường thêm và gọn-gàng, sạch-sẽ hơn trước.

Hiện thời Thảo - Cầm - Viên Việt-Nam thu-hút khách nhân-du rất nhiều trong những ngày lễ nghi.

Dân đô-thành đã có ai là người chưa đặt chân đến Thảo-Cầm-Viên? Và người ngoại-quốc, khi đặt chân lên Bến Nghé Đồng-Nai, mấy ai là người không đến viếng vườn này trong những giờ nhàn rỗi, để thưởng ngoạn cái đẹp của một đô-thành đã được ví là « Hòn ngọc Viễn-đông » ?

## TRỤ-SỞ QUỐC-HỘI hay NHÀ HÁT TÂY cũ

Trước năm 1870, vì Sài-Gòn chưa có một hí-viện nào, nên các nghệ-sĩ Pháp chỉ tổ-chức những cuộc vui giải-trí trong dinh quan Thống-đốc, gần cột Đồng hồ (vị trí đã chỉ rõ trong *Phổ-thông số*

trước). Vì thế, công-chúng không được tự-do dự xem.

Tạp-chí *Illustration* số xuất bản ngày 13 tháng 6 năm 1863 đã tả quang-cảnh căn phòng trong dinh Thống-Đốc trong một buổi trình-diễn văn - nghệ như sau : « Căn phòng rộng lớn ấy trang-hoàng lộng-lẫy, cờ xí treo đầy. Giọc theo các hàng cột có treo những lồng đèn Trung-hoa, càng tăng thêm vẻ long-trọng, trang-nghiêm ».

Năm 1.883, vấn-đề xây cất một hí-viện công cộng cho đô-thành được đem ra thảo-luận. Trên nguyên tắc, mọi việc đều được thỏa thuận ngay, duy chỉ có vấn-đề địa-diềm là không giải quyết dứt-khoát ngay được. Đến 10 năm sau, người ta mới quyết-định địa-diềm cho hí-viện, làm trên một thửa đất rộng nằm ngang đầu đường *Bonard* và gần bên khách-sạn *Continental palace* hiện giờ.

Kiến-trúc-sư **Ferret** đã được chọn để thực-hiện công tác kiến-trúc ấy. Hai năm sau, việc xây cất hoàn thành.

Phần trang-trí và điêu-khắc, nhà cầm quyền đem giao-phó cho một

TU QUYỀN  
ĐẶNG VĂN NHÂM



số họa-sĩ ở Paris nghiên-cứu rồi gửi mẫu vẽ sang Việt-Nam thực hiện.

Ngày 17 tháng giêng năm 1.900, hí-viện bắt đầu mở cửa. Đến năm 1902, nhân dịp lễ khai-mạc cơ-sở công cộng của người Pháp thiết lập ở Nam-kỳ, nhà cầm quyền có tổ-chức tại đây một đêm đại nhạc-hội trưng bưng, náo-nhiệt chưa từng có.

Từ ngày thiết lập đến năm 1914 hí-viện này thay đổi giám-đốc liên-tiếp và đã có một năm không hoạt-động.

Trong thời - kỳ ấy phụ-nữ Pháp ở Việt-Nam rất ít và vấn-đề nghệ-sĩ có thể nói là rất khó giải quyết. Vì những nghệ-sĩ duyên-dáng, trẻ đẹp, có tên tuổi không để ý đến một đô thị có thể gọi là bán khai mà dân cư còn thưa thớt. Huê-lợi họ thu được bao nhiêu? Mặc dù, mỗi lần có một đoàn hát nào đến là dân-chúng Sài-Gòn lại cảm thấy vui-vẻ, nhộn-nhip (theo Lamagat trong « *Souvenirs d'un vieux journaliste indochinois* »).

Năm 1944, nhà hát Tây cũng bị chung số phận với chợ Sài-gòn, nhà thờ Đức Bà, Vườn bách thảo thành 11è R.I.C. (Régiment de l'Infanterie Coloniale) v.v... bị

phi-cơ Đồng-minh oanh-tạc hư-hại nặng nề.

Mái nhà sụp đổ nhiều nơi, phải lợp lá thay dỡ vào.

Từ đó, nhà hát tây không còn phong độ của một hí viện nữa, là một nơi hoang-phế, không đoàn hát nào đến trình diễn. Chỗ ấy đã được dùng làm nơi triển lãm tranh ảnh của các họa sĩ, và nơi tạm trú của những đồng bào di cư (sau khi ký hiệp định Genève).

Năm 1955, Nhà Hát-tây được tu bổ lại, hoàn mỹ hơn xưa.

Tòa nhà đồ sộ nguy nga ấy, ngày nay là trụ sở Quốc-hội của Việt-Nam Cộng-Hòa.

### ★ NHÀ THỜ ĐỨC BÀ

Nhà thờ đầu tiên ở Sài-Gòn đã do Lefèbre dựng lên, nằm trên đường số 5 (tức đường *Van-ter*). Ngày trước, nơi đó là một cái chùa cũ đã hư phế nên Lefèbre sửa lại làm nhà thờ.

Năm 1863, Đô-Đốc De La Grandière ra lệnh cho xây cất một nhà thờ ở chỗ tòa hòa-giải hiện thời. Viên đá đầu tiên do *Dominique Lefèbre* đặt vào ngày

28 tháng 3 năm 1863. Nhà thờ này được duy trì mãi đến năm 1.868. Rồi đến năm 1877, người ta bắt đầu xây cất nhà thờ Đức-Bà to lớn đồ sộ nhất Sài-Gòn hiện thời. Bức tượng đồng **Hoàng-tử Cảnh** và ông **Bá-Đa-Lộc** dựng trước nhà thờ, lễ khánh thành tổ chức vào năm 1903, đến năm 1945 đã bị kéo đổ, hiện nay chỉ còn trơ lại cái bệ xây cô độc.

Năm 1944, trong một cuộc oanh-tạc của phi-cơ Đồng-minh, nhà thờ Đức Bà đã bị hư hao nhiều chỗ, mái thủng tan-hoang. Nhưng cũng chỉ ít lâu sau, nhà thờ được trùng-tu lại như cũ.

o°o

Trên con đường tiến-hóa tự nhiên, quang-cảnh đô-thành đã

thay đổi rất nhiều. Hình ảnh một vùng sinh-lây, dân-cư thưa thớt vào 100 năm về trước nay còn thấy đâu? Có chăng, chỉ còn trong sử-sách và ký-ức của con người.

100 năm đâu đã xa xôi là mấy, thế mà đã có biết bao cảnh vật đổi sao dời.

Đứng trước cảnh sinh-hoạt ồn ào nhộn-nhip của đô-thành bây giờ mấy ai đã để cho lòng mình nhìn về dĩ-vãng, hồi-tưởng lại quá khứ, nếu không có sự nhắc-nhờ thăm-kín, sâu-xa của những di-tích lịch-sử ngày ngày vẫn phôi gan cùng cát bụi, dưới ánh nắng gay-gắt của mặt trời miền Nam.

TÙ-QUYÊN  
ĐẶNG VĂN NHÂM

### ★ Xã-giao của ông bán giày.

Một bà vô một tiệm giày ở đường Lê-Lợi, thử suốt một tiếng đồng hồ mà không có đôi giày nào vừa. Có bán hàng sốt ruột, nói quạu :

— Tại hai cái bàn chửi của bà, cái thì to, cái thì nhỏ.

Bà khách bất bình đứng dậy đi ra. Sang tiệm bên cạnh, bà lại thử suốt 1 tiếng đồng hồ vẫn không có đôi nào vừa cả. Ông chủ nhà hàng lém-lỉnh cười :

— Thưa bà, bà có hai bàn chân đẹp lắm ạ. Bàn bên này hơi lớn hơn một tý, bàn bên kia hơi nhỏ hơn một tý, thế là cân đối. Bà dùng đôi giày này thì vừa ạ.

Bà khách hàng mỉm cười, bằng lòng lấy đôi giày ấy, không cần trả giá.

Trần Kim Hòa  
(Tây-Ninh)



# SÂN KHẤU CAI LƯƠNG

## ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Coi từ Phổ-Thông số 1)

**N**G HỀ múa hát ở nước ta có đã lâu, từ đời nhà Trần, nhưng tên từ-bình Lý-nguyên-Cát của Đức Hưng-Đạo-Vương chỉ truyền cho ta lời hát bộ, phỏng theo lối hát của Tàu!

Trải qua bao cuộc bẽ dâu, hát bộ ngày nay đã đến lúc suy tàn. Không biết quý ông THÂN VIỆT, THÂN VĂN Lê-thọ-Xuân cùng những người thiết-tha với lối hát nghệ-thuật căn-bản ấy, đã tìm được một giải pháp nào chấn hưng, bằng không chúng tôi sợ vài năm nữa, hát bộ không còn tồn tại. Hát bộ chết trước, cải lương chết sau, đó là viễn ảnh đen tối của nghệ hát xù này bởi

cuộc cạnh tranh ráo riết của điện ảnh!

o°o

Như quý bạn đã biết trong số báo kỳ rồi, chúng ta đã làm CÁCH MẠNG, chứ CÁCH MẠNG ở đây có cả hai nghĩa trắng đen, và chúng ta đã thành công trong một cuộc cách mạng nghệ hát xù này.

Biết rõ nguồn gốc cải lương, tức là ta đã đi ngược thời-gian, nhớ lại dĩ vãng, một dĩ vãng đen tối nhất trong lịch-sử.

Sau khi tiếng súng chống quân Pháp của người Việt như lìm mất trên non nước thân yêu. Sau khi đầu lâu của những trang nghĩa-sĩ lông lóc rơi trên khắp chốn pháp-trường, phong-trào tranh đấu ngấm-ngấm vẫn làm cho quân xâm lăng lo ngại.

Dân-tộc Việt-Nam luôn luôn biết đau, đau niềm thất quốc, biết uất hận, uất hận nỗi vong gia.

Miền Nam đã im tiếng súng kháng địch.

Toàn dân Đồng-Nai, Bến-Nghé đang hướng mắt về Yên-Thế, hồi hộp theo dõi cuộc kháng - chiến của Hoàng - hoa-Thám, rồi lại đặt cả niềm hy-vọng vào Đức vua Thành-Thái, vị quốc - vương ngang tàng bất khuất, mà bọn thống-trị đã gán cho 4 tiếng : Ông vua khật-khùng !

Định mạng như khiến cho dân ta, nước ta phải chịu khổ để chờ một cuộc cách - mạng khác, như trải qua bao năm hát bộ ấy là một lối hát nặng mùi chuyên-chế, phải cần có một sự thay cũ đổi mới để chuyển mình, đổi hướng !

Theo dòng tưởng-tượng, ta đốt nén hương lòng, tưởng nhớ đến cuộc tranh-đấu chống Pháp của Ông Cha.

Bao nhiêu tở-chức chiến-đấu bị phá vỡ !

Bao nhiêu người ái quốc phải chịu cảnh tù đầy !

Tiền nhân bị bắt buộc phải xa

chôn chôn nhau cắt rốn, và để chôn lấp mạch máu, ông Cha ta đã nhấn mạnh đường tơ, tạo ra những nhạc khúc OÁN, BẮC, AI, XUÂN, rồi ê a miệng hát tay đàn, trước che lấp những cặp mắt căm vọ của bọn bán nước cầu vinh, sau mượn câu ca, tiếng đàn bực bạch nỗi lòng cùng người tri-kỷ.

Nào ngờ dân chúng Việt-Nam lại hoan-ngình những bài ca và bản đờn ấy một cách nhiệt-nùng. Họ đua nhau truyền tụng, phổ biến các bài bản ấy. Nhất là bài Tứ-Đại-Oán vừa dễ đờn, dễ ca, mà lời ca thì vui, thích hợp cho những tâm hồn mộc mạc của đại chúng.

Thuở ấy ở Bình-định, lò sản-xuất các võ-sư tài danh bực như ở Việt-Nam, có gia-đình họ Lê từng nổi tiếng tinh thông võ nghệ.

Cậu Lê-văn-Hiền, tục gọi Hai Hiền (sau này là cha chồng Bà Bảy Ngọc) chẳng muốn sống một cuộc đời bình thản như mặt nước ao tù.

Thế rồi, cậu cùng một số bạn đồng chí đứng lên...

Vốn là một tay kiếm thuật cao cường phái Thiếu-Lâm, cậu Hai Hiền có đủ can trường khí phách của người tráng-sĩ trong cơn quốc loạn.

Nhưng . . . Mộng lớn không thành, cùng cả ngàn người nặng lòng sâu vụn nước, cậu Hai Hiền bị dầy vào Nam.

Đối với ai thì không biết chớ riêng cậu Hai, cảnh biệt ly không làm cậu bận lòng.

— Bốn bề đâu cũng là nhà... là người trai trẻ mạnh từ thể chất đến tinh thần thì cảnh điếm cỏ cầu sương và cuộc sống tha hương không sờn chí trai mà như còn hứa hẹn cả bao cuộc phiêu lưu kỳ thú.

Khi quây gói giang hồ vào Nam, Cậu Hai những mong sẵn cơ hội để phi chí hồ thi tang bổng nhưng... vừa mới đặt chân vào vùng Bến-Nghé, cậu Hai gặp một thiếu-nữ miền Nam nước Việt.

Thế rồi chẳng khác nào Phạm-Thái « kỳ-ngộ » Trương-quỳnh-Như, mối tình ngoài muôn dặm của cậu Lê-văn-Hiền đã thay đổi cả một cuộc đời.

Theo vợ về bến Long-Hồ, cậu Hai Hiền mở trường dạy võ và cuộc sống của cậu càng ngày càng sung túc.

Mộng tráng-sĩ vì sắc đẹp mỹ nhân và cuộc sống an nhàn đã nhạt dần, lịm mất !

Đến khi người con thứ Tám của Cậu trưởng thành (chính ông Tám Long, chồng à Bảy Ngọc) cậu Hai Hiền mới lập ra một gánh hát xiệc, tựa « Thái Anh Tinh ».

Gánh « Thái Anh Tinh » gồm có nhiều đệ tử cậu Hai giỏi nghề võ mà hát xiệc cũng tài tình. « Thái Anh Tinh » là một gánh xiệc có sân khấu trước nhất để cho các nam nữ tài tử ra ca các

bài Tứ-dại-Oán hay Hành Vân hoặc Văn thiên Trường. Và cũng tại gánh Thái Anh Tinh, cách đây ba mươi mấy, bốn chục năm trước, Bà Bảy Ngọc sứt sè ra mắt « quý vị khán quan » để ca lên một bản Hành Vân.

Nợ duyên gì là nợ cõi  
duyên gì,

Mấy đoạn tình si,  
Đề thơ nhắn, nhắn với  
tương tri

Đêm xuân, Bà Nguyệt...  
Lòng toan tính...

hay là bài *Bá Lý Hề*, theo điệu *Tứ Đại Oán* :

« Bao trái bao thỏ lặn  
ác tà,

Nhạnh Ngô đồ lá đưa chà  
Mấy thu chầy...

hay là bài *Bá Lý Hề*, theo điệu *Văn thiên Trường* :

Thân sanh sao đặng cay,  
Thương thay đương khi  
gian truân

Bâng - khuâng trong lúc  
chia tay

Yêm lụy ngộ cùng chàng  
Vi tình nhà hàn vi nên

mới sanh ly  
Khi đưa nhau bắt tay

dặn dò  
Đến lúc đặc lộ, xin chàng

khá nghĩ  
Nghĩ chút tình tào khang.

Thế thì Cậu Hai Hiền chính  
là ông *Tô Cát Lương* ?

Thưa không !  
(Còn tiếp)

## ★ VĂN NGHỆ-SĨ THANH-NIÊN HIỆN ĐẠI ★



# NHƯ LAN

★  
LÀM VI THUY

Đôi khi, trong những buổi ngẫu nhiên họp mặt một số anh em cùng giới, nhân nói về Trương Phổ, Anh Thơ, T.T.K.H. Huyền Chi..., những phụ-nữ nổi danh hồi tiền chiến, có anh, thuộc thành phần những người chịu khó theo dõi văn-ngệ, đã không quên nhắc đến mấy cây bút trẻ phát yếu hiện nay.

Những cây bút mà qua những thi phẩm đăng rải rác vài báo & đây, người ta thấy rằng, nếu không vội bằng lòng với mình, họ có thể nổi gót hoặc vượt những bậc chệ đi trước.

Trong số những người được kể tên ấy, có Như-Lan, còn bút danh nữa là Kiều-lệ-Phương.

**N**HU LAN tên thật  
Nguyễn Như Lý, sinh  
năm 1937 tại Gia-định,  
trong một gia - đình đông con.

Mất mẹ từ đạo mới 14 tuổi,  
*Nhu-Lan* lớn khôn dần trong  
tình thương yêu ấp ú của cha,  
đầy học, và các anh, chị.

Tùng theo học các trường  
Việt - Nam Học - Đường, Tân-  
Thịnh, Cộng-Hòa, *Nhu-Lan* bây  
giờ là nữ-sinh đệ-nhị ban toán,  
Gia-Long.

Nhu phần đông, bước đầu tiên,  
những người làm duyên với văn  
nghệ, khả năng sáng tác của  
*Nhu-Lan* thiên về thơ nhiều  
hơn chuyện ngắn, tùy bút.

Thơ *Nhu-Lan*, nếu nhận định  
qua những bài đã đăng ở *Bông-  
Lúa*, có thể tạm gọi là thành công.

Còn xét theo tập bản thảo tòa  
soạn hiện giữ, thì thơ *Nhu-Lan*  
khuyết điểm nhiều, vì *Nhu-Lan*  
hơi cầu thả, nếu không muốn nói  
rằng quá dễ dãi với chính mình.

Bởi vậy, thơ *Nhu-Lan* chỉ  
được đôi ba bài, và chỉ khởi sắc  
từng đoạn :

*Em là mộng, mà tôi là thi sĩ,  
Hồn luyến lưu không hẹn tuổi  
trần gian.*

*Bước hoang mang, chân dầy ánh  
trăng ngàn,  
Xanh mắt biếc xanh mộng hồn  
diêm lệ.*

x x x

*Một sớm mây vàng dáng buồn  
niên kỷ,*

*Không già tí, không kẻ lẽ, em đi.  
Tôi bơ vơ, mong một phút  
lộn về,*

*Mà hoang lạnh đến cho hồn ray  
riết.*

x x x

*Em dành đoạn để tro niêm u-uất  
Tôi nên lòng xin nguyện bỏ làm  
thơ.*

*Bút se-sầu và cung bậc bơ vơ,  
Hồn nức nở cho tôi buồn da diết.*

x x x

*Ngoài hiên vắng con bướm vàng  
lịm chết,*

*Tôi giật mình : giờ đã tắt mùa  
thu.*

*Nhu trong tôi đã chết mộng xuân  
hờ,*

*Tôi buồn lắm, nhưng không hờn  
không oán.*

(trích Trở về)

*Chân ngà ngọc nhẹ mòn ngàn  
cỏ thắm,*

*Xuân lên về đã tự mấy hôm nay.*

*Tôi giật mình, tay nắm lấy bàn  
tay,*

*Mắt ngọc ngác như tim về nguyên  
thủy.*

x x x

*Trong huyền hoặc tôi ngỡ rằng  
mộng mi,*

*Bước nhẹ nhàng, tôi sợ vỡ không  
gian.*

*Xuân diêm kiều, âm hưởng lịm  
cung đàn,*

*Môi tình tự như nở lời tha thiết.*

x x x

« *Trần gian đẹp, có sao buồn da  
diết,*

« *Sao em sầu, vì nguyên có «hai  
mươi».*

(trích Trở chiều)

*Đêm sắp tàn, như mộng sắp tàn,  
Nhu tình ta đã chớm quan san.*

(trích Nửa đêm)

*Mắt trong như nắng xuân hiên,  
Từng đêm trở giấc có miền có  
buồn.*

*Có nghe gió thổi qua hồn,  
Có nghe lòng vương có đơn ít  
nhiều.*

(trích Diễm kiều)

Nhờ kỹ-thuật vững, cách dùng  
chữ và âm-điệu điều hòa, không  
có gì thái quá, nên tình cảm cũng  
như hơi thơ của *Nhu Lan*  
thanh thoát, dịu dàng, dễ len nhẹ  
vào tâm hồn người đọc.

Song sợ rằng cái « dễ » ấy  
chỉ thoảng qua thôi, chứ không  
đủ làm cho người ta phải lưu  
luyến, hoặc gây được một xúc  
động mạnh mẽ.

Nguyên do, có lẽ bởi *Nhu Lan*  
còn thiếu sự tha thiết, và chưa  
tìm tòi được cho mình một bản  
sắc riêng.

Vì thế, đôi khi thơ *Nhu Lan*  
còn ảnh hưởng nhiều cái buồn  
lải nhải, rất đàn bà của *Nguyễn*

Bính :

*Mấy năm em chẳng về thăm chị,  
Biền biệt đời trai giữa phố  
phường.*

*Sách vở học trò ngao ngán nhẽ,  
Một lần đi, để một phong sương !*

x x x

*Ở đây, hoang lạnh trong lòng  
mắt,*

*Đếm những hoàng hôn những  
ngậm ngùi.*

*Có một mùa xưa về dĩ-vãng,  
Cười sương, nói giọng đề phai  
phôi.*

x x x

*Còn em, năm tháng vẫn lang  
thang,*

*Độc âm mà vui giữa phố phường.  
Một chị, một em, tình cách biệt,  
Cho đầy thương nhớ, tuổi phong  
sương.*

x x x

Người ấy bây giờ không ở đây,  
Em ơi! cho chị nhận câu này:  
« Có tha thiết mấy mà tha thiết,  
« Mà chát cho em những đọa  
đầy ».

x x x

Chị biết giờ đây em rất buồn,  
An tình đem đổi một cô đơn.  
Nàng nay âm cúng bên chồng  
mới,  
Gieo rắc cho em những oán hận.

x x x

Em ơi! nàng chỉ là đàn bà,  
Tình yêu dễ đến dễ phôi pha.  
Thì thôi, hãy để nàng êm đẹp,  
Và chuyện ngày xưa để xóa nhòa.

x x x

Đã mấy mùa xuân đến với em,  
Một lần dạn dĩ, một lần quên.  
Em ơi! chị hỏi câu này nhé,  
Em khóc bao lần đến trắng đêm?

x x x

Chị muốn em nên khóc thực  
nhiều.

## ĐỒI PHỔ-THÔNG CŨ, LẤY PHỔ-THÔNG MỚI

Bạn nào còn giữ Phổ-Thông cũ, Bộ I và II, các số sau  
đây:

**1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, II, 12, 13, 14, 15.**

và muốn đòi lấy Phổ-Thông mới, xin gửi về tôi, (cần phải  
nguyên vẹn, đừng mất bìa hoặc các trang ruột) một quyền  
Phổ-Thông cũ đòi lấy một quyền Phổ-Thông mới. Thành-  
thực cảm ơn các bạn.

NGUYỄN VỸ

Bao nhiêu kỷ-niệm rã rời theo  
Rời thôi, năm tháng về năm  
tháng,  
Hương sắc thời gian vẫn điếm  
kiều,

x x x

Em ạ! mùa ni trăng lạnh lắm,  
Song gầy hiu quanh những hoàng  
hôn.

Một em, một chị mà chia cách,  
Héo hút ngày xanh, chị thây buồn.

(Thư cho em)

☆

Như Lan đã may mắn có các  
anh đều là những văn nhân, ký  
giả; Chỉ cần một chút cố gắng  
và thận trọng hơn, Như Lan sẽ  
không phụ lòng tin tưởng của  
những người đề ý đến thơ Như  
Lan bây giờ.

LÂM VỊ THỦY



● TÀI-LIỆU ĐẶC-BIỆT CỦA  
BÁC-SĨ ABRAHAM STONE  
VÀ NGUYỄN-V-KHƯƠNG

☆

Bức ảnh thứ hai chụp năm 1949,  
cũng bà Margaret Sanger ấy  
đang lãnh bằng danh dự của Đại  
Học Đường Smith vì bà là  
« một nữ tiên-phong của phong-  
trào vận-động hạn-chế Sinh đẻ  
tại Mỹ-quốc ».

Khách du-lịch nhìn hai bức ảnh  
ấy phải mỉm cười mà nhận rằng  
vấn-đề hạn-chế sinh-đẻ ngày nay  
không những riêng bên Mỹ  
mà hầu khắp thế-giới văn-minh,  
không còn là một chuyện cần phải  
kiêng cử nữa. Trên báo chí, trên  
các làn sóng điện truyền-thanh và

truyền hình, trong các lớp học về y-khoa và hạnh-phúc gia đình, các phương-pháp hạn chế sinh đẻ đã được trình bày và đem ra bàn cãi một cách công-khai.

Đứng trước sự đe dọa của nạn nhân mãn trên hoàn-cầu, vấn-đề hạn-chế sinh đẻ đã được toàn thế-giới chú-trọng đặc-biệt.

Các vị lãnh-đạo quốc-gia đã nhận thấy rằng muốn xã-hội có sự thăng-bằng và hòa-bình được duy trì trên thế-giới thì phải có sự cân đối giữa số nhân khẩu và tài-nguyên, giữa sự sản xuất của đất-đai và sự sinh-sản của loài người.

Riêng đối với châu Á chúng ta, nơi mà trên một nửa dân số của hoàn-cầu đang sống chen-chức trong một phần sáu đất đai của thế-giới, nơi mà mỗi năm dân số tăng thêm 34 triệu người, việc hạn chế sinh đẻ là một vấn-đề sinh tử. Bác-sĩ E. Stuart Kirley ở Hong-Kong đã gọi vấn-đề nhân mãn là « Bom P » (P do chữ Population là dân), một thứ bom đáng sợ hơn cả bom nguyên-tử và khinh-khí!

Ở Nhật, xưa kia, chỉ nói đến vấn đề hạn-chế sinh đẻ cũng đã bị phạm tội rồi. Ngày nay, Nhật là nước đứng đầu ở Á-châu trong

việc thi-hành những biện-pháp hạn chế sinh sản, kể cả việc cho phép bất cứ ai cũng có thể phá thai nếu xét rằng cái thai ấy có thể làm hại sức khỏe của người mẹ vì những điều kiện thể chất hay kinh-tế. Hiện nay ở Nhật mỗi năm có độ một triệu vụ phá thai, một con số ngang với số trẻ sơ sinh ra đời hàng năm. (Dân số nước Nhật có 72 triệu năm 1945, đã nhảy vọt lên con số 90 triệu năm 1957).

Ở Ấn-Độ với một dân-số 382 triệu người, chính-phủ đã trích ra mỗi năm 2 triệu Mỹ-kim trong Kế Hoạch 5 năm để sử-dụng vào công cuộc hạn-chế sinh đẻ.

Công việc nghiên-cứu tìm tòi những phương-pháp hiệu lực để hạn-chế sinh-đẻ đã thu được nhiều kết quả khả-quan. Tuy vậy đến nay vấn-đề trọng đại này vẫn chưa được giải quyết một cách hoàn-toàn vì chưa phát minh được một phương-pháp thật giản dị và rẻ tiền có thể đem dùng cho tất cả mọi hạng người.

Một phương-pháp hoàn-mỹ cần phải có đủ ba điều kiện trọng yếu sau đây:

1) Không làm hại sức khoẻ

người đàn ông, người đàn bà và con cái sẽ sinh đẻ về sau.

2) Có đặc-tính an-ninh hoàn-toàn.

3) Tiện lợi, dễ dùng, rẻ và thích hợp về phương diện tâm-mỹ.

Các phương-pháp đang áp-dụng hiện nay, dầu dưới hình-thức nào, ống thuốc bằng vải (*pessaire*), « áo toi » (*capote*) thuốc viên nhựa (*gelée*), thuốc nước để tưới (*douche*), thuốc nhét (*suppositoire*), v.v... đều cũng nhằm một mục-dịch là dùng đặc-tính y-dược hay hóa-học của thuốc để ngăn cản không cho tinh-trùng của đàn ông (*supermatozoïdes*) tiếp xúc với các tế-bào của noãn-tử (trứng) của đàn bà.

Các phương-pháp này mặc dầu không hại đến sức khoẻ và có hiệu quả khá chắc chắn, nhưng lại ít người ưa thích.

Nhiều nhà Bác-học đang có hy-vọng sẽ tìm được một loại thuốc uống hay chích (tiêm) không phải để chặn tinh-dịch của đàn ông mà có tính chất có thể có ảnh-hưởng đến các biến trọng của sự thụ-thai như ngăn cản sự thụ thai bằng cách làm cho tinh-trùng và noãn-

châu không-thể phối hợp được, hoặc là một thứ thuốc mà người đàn ông uống vào thì không phát sinh tinh-dịch.

Phương-pháp này, lẽ dĩ-nhiên, phải hoàn toàn vô-hại đối với các bộ-phận khác trong cơ-thể và khi không dùng nữa thì các cơ-quan của bộ phận sinh-dục lại phải có thể hoạt-dộng lại có hiệu quả như thường.

Đến ngày nay công việc nghiên-cứu để tìm một phương-pháp có những đặc tính như trên chưa đem lại kết quả gì.

Gần đây hơn, hai Bác-sĩ Gregory Pincus và John Rock ở Mỹ đã phát-minh rằng cho một người đàn bà uống *progesterone*, một thứ kích-thích tố của đàn bà, luôn trong 20 hôm trong mỗi kỳ kinh nguyệt, thì tiêu-noãn không thể thành hình hoặc rụng vào tử-cung được.

Việc thí-nghiệm sự hiệu quả của phương-pháp dùng chất *progesterone* đã được bắt đầu tại Puerto Rico. Ba trăm người đàn bà được coi là những người sanh đẻ dễ đã được cho uống *progesterone* từ ngày thứ năm đến ngày thứ 25 trong kỳ kinh. Phương pháp ấy tỏ ra rất hiệu quả, đến

nay chưa có bà nào thụ thai cả. Tuy vậy nhiều bà cho biết đã bị nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn, đau ngang hông v...v...

Trong khi các hậu quả nói trên có thể chữa bằng các môn thuốc thông dụng, phương pháp *progesterone* còn nêu ra nhiều vấn đề khó khăn khác cần giải quyết như vấn đề cho uống thuốc lâu quá có thể đem lại nhiều điều tai hại cho cơ thể.

Ngoài ra hiện nay cũng có nhiều nơi đang nghiên cứu dùng các chất thảo mộc để chế tạo phương thuốc hạn chế sinh đẻ.

Ở Mỹ đang nghiên cứu chất lấy ở cây *Lithospermum ruderale* mà người mọi da đỏ đã dùng từ xưa trong việc hạn chế sinh dục của họ.

Ở Ấn-độ, bác sĩ **S. N. SAN-YAL** trong mấy năm nay đang nghiên cứu chất lấy ở hạt đậu hòa-lan mà chúng ta thường ăn, để làm thuốc hạn chế sinh đẻ. Theo bác sĩ Ấn-độ, mỗi tháng uống 2 viên thuốc làm bằng chất đậu ấy là một cách dễ phòng sự thụ thai có hiệu quả.

Hiện nay một ủy ban của viện Y khoa Ấn-độ đang đem ra thí

nghiệm môn thuốc này. Nếu cuộc thí nghiệm đem lại kết quả mong muốn thì đó chính là phương pháp giản dị, tiện lợi và rẻ tiền mà tất cả hoàn cầu đang mong đợi.

Cũng có nhiều nơi khác đang xúc tiến việc nghiên cứu thêm về phương pháp quen thuộc của các bác sĩ **Ogino** người Nhật và **Knaus** (người Áo), phương pháp độc nhất được Giáo Hội La-mã cho phép và căn cứ trên nguyên tắc cho rằng trong mỗi kỳ kinh người đàn bà chỉ rụng trứng một lần và chỉ có thể thụ thai trong thời gian 48 tiếng đồng hồ trước và sau lúc rụng rụng. Ngoài ra, những lúc khác không thể thụ thai được.

Nhưng làm sao để biết đúng lúc nào rụng trứng.

Theo hai bác sĩ **Ogino** và **Knaus** thì ngày tiêu noãn rụng vào tử cung là ngày thứ 16 trước ngày có kinh sắp tới. Như vậy người đàn bà chỉ có thể thụ thai trong ba ngày thứ 15, thứ 16 và thứ 17 trước kỳ kinh (vì tiêu noãn có thể thụ thai được trong 48 tiếng đồng hồ. Và tình trạng của đàn ông cũng có thể hoạt động trong 48 tiếng đồng hồ).

Nhưng những cuộc thí nghiệm gần đây đã chứng minh rằng ngày noãn-châu rụng là ngày thứ 14 trước ngày có kinh tới.

Sau cùng, các phương-pháp làm **tuyệt-tử-chủng** (*Sterilisation*) cũng đã được cải-tiến nhiều. Trong phương-pháp này ống dẫn tinh-dịch của đàn ông hay các tử-cung-quản của đàn bà được buộc thắt lại hay cắt đứt ra. Người ta không sợ ảnh hưởng gì đến các cơ-quan khác, tuy vậy khi các ống dẫn bị cắt đứt thì khó lòng mà nối liền trở lại.

Tại vài quốc gia, phương-pháp làm **tuyệt-tử-chủng** rất thông dụng. Ở Nhật năm 1956 có trên 1500 người đàn ông và 41.000 người đàn bà đã được áp dụng phương-pháp này và con số ấy còn tăng thêm nữa.

Ở Ấn-độ, chính-phủ trả phụ-cấp cho bác-sĩ nào áp-dụng phương pháp ấy cho những người đàn ông nghèo.

Có một phương-pháp khác làm cho người đàn bà hết sinh đẻ được không phải bằng cách buộc tử-cung-quản, cách này cần phải giải phẫu ở bụng dưới — mà chỉ cần đặt một dụng cụ vào tử-cung-quản và tử-cung-quản được bịt lại bởi một đồng

điện. Phương pháp này đã được đem ra dùng tại Nhật-bản và Phi-luật-tân.

Một trong những lý do đã thúc đẩy các nhà bác-học tìm kiếm những phương pháp hạn chế sinh đẻ có hiệu lực chắc chắn là vì nạn phá thai càng ngày càng bành trướng, và đã gây nhiều xúc động ở khắp nơi mặc dầu phá thai không phải là một phương pháp có thể giải quyết vấn đề nhân mãn.

Nhiều bác sĩ trên hoàn cầu coi vấn đề hạn chế sinh sản là một phần quan trọng trong chương-trình phát triển y khoa và việc tìm một phương pháp hoàn mỹ để hạn chế sinh đẻ là một nhiệm-vụ chung của y-giới.

Hiện nay, rất nhiều nước trên Thế-giới áp dụng phương pháp khoa học **Ogino - Knaus**, và các Bác - sĩ chuyên môn về khoa sản dục đã làm ra những thứ lịch để người đàn bà có thể kiểm điểm dễ dàng trong mỗi tháng những ngày nào có thể thụ thai được và những ngày không thể thụ thai.

Kèm theo đây, tạp chí **PHỔ-THÔNG** xin tặng các bạn Phụ-nữ một bản lịch ấy.



★ **LỊCH PHỒ - THÔNG** ★

để biết những ngày thụ-thai và những ngày không thụ-thai.

*Căn cứ theo những tài liệu mới nhất và trình bày dưới một hình thức giản dị. Tài liệu đặc biệt của tạp chí Phồ-Thông thân tặng các bạn đọc Phụ-nữ.*

Bảng Lịch này theo đúng phương pháp **Ogino-Knaus** lại được điều chỉnh thêm theo những tài liệu bổ túc về sau (xem trong bài). Theo các tài liệu này thì người đàn bà nào thường có kinh-nguyệt đều chỉ có thể thụ-thai trong **ba ngày thứ 13, 14 và 15 trước ngày có kinh sắp tới.**

Muốn áp dụng có hiệu quả chắc chắn đối với các bạn kinh nguyệt không đều thì bạn chỉ cần biết kỳ kinh dài nhất và ngắn nhất trong một năm của bạn có bao nhiêu ngày.

Muốn vậy bạn phải ghi ngày bắt đầu có kinh mỗi kỳ trong một năm (không kể những lúc đau ốm và lúc mới sanh dậy). Muốn tính một kỳ kinh có bao nhiêu ngày thì tính từ ngày bắt đầu có kinh kỳ này đến ngày trước ngày bắt đầu có kinh kỳ tới.

Ví dụ bạn đã ghi những ngày bắt đầu có kinh trong năm như sau đây : 2 tháng 1, 28 tháng 1, 26 tháng 2, 25 tháng 3,

24 tháng 4, 21 tháng 5, 21 tháng 6, 18 tháng 7, 16 tháng 8, 13 tháng 9, 11 tháng 10, 9 tháng 11, 9 tháng 12 thì các kỳ kinh trong năm ấy có :

26, 27, 27, 30, 27, 31, 27, 29, 28, 29 và 31 ngày, kỳ ngắn nhất là 26 ngày và kỳ dài nhất là 31 ngày.

Lấy một năm làm chuẩn-đích như thế là đủ để áp dụng Lịch này trong bất cứ năm nào.

Bạn cứ xem trong lịch ở giòng tương đương với kỳ ngắn 26 ngày và kỳ dài 31 ngày (có gạch ngang ở dưới) bạn sẽ thấy thời kỳ có thể thụ thai của bạn bắt đầu từ ngày thứ 10 đến hết ngày thứ 20 kể từ ngày bạn bắt đầu có kinh vừa rồi.

Ví dụ vừa rồi bạn bắt đầu có kinh ngày **3 tháng 11 năm 1958** thì thời kỳ có thể thụ thai của bạn bắt đầu từ ngày **13-11-58** đến hết ngày **23-11-58** (thật ra thì thời kỳ có thể thụ thai bắt đầu từ 15-11 đến 22-11 nhưng muốn chắc chắn hơn nên đã được tính thêm 2 ngày ở trước và 1 ngày ở sau).

*(Lịch đặc biệt của Bác-sĩ ABRAHAM STONE và N.V. KHƯƠNG.*

*Tạp chí PHỒ-THÔNG giữ bản quyền).*

Kỳ kinh dài nhất	Kỳ kinh ngắn nhất	CÓ THỂ THỤ THAI	
		Từ ngày thứ... (1)	Đến hết ngày thứ...
32	32	16	21
32	31	15	21
32	30	14	21
32	29	13	21
32	28	12	21
32	27	11	21
32	26	10	21
32	25	9	21
32	24	8	21
32	23	7	21
32	22	6	21
31	31	15	20
31	30	14	20
31	29	13	20
31	28	12	20
31	27	11	20
31	26	10	20
31	25	9	20
29	23	7	18
29	22	6	18
28	28	12	17
28	27	11	17
28	26	10	17
28	25	9	17
28	24	8	17
28	23	7	17
28	22	6	17
28	27	11	16
27	26	10	16
27	25	9	16
27	24	8	16
27	23	7	16
27	22	6	16

(1) Ngày thứ mấy kể từ ngày bắt đầu có kinh vừa qua.



Kỳ kinh dài nhất	Kỳ kinh ngắn nhất	CÓ THỂ THỤ THAI	
		Từ ngày thứ (1)...	Đến hết ngày thứ.
31	24	8	20
31	23	7	20
31	22	6	20
30	30	14	19
30	29	13	19
30	28	12	19
30	27	11	19
30	26	10	19
30	25	9	19
30	24	8	19
30	23	7	19
30	22	6	19
29	29	13	18
29	28	12	18
29	27	11	18
29	26	10	18
29	25	9	18
29	24	8	18
26	26	10	15
26	25	9	15
26	24	8	15
26	23	7	15
26	22	6	15
25	25	9	14
25	24	8	14
25	23	7	14
25	22	6	14
24	24	8	13
24	23	7	13
24	22	6	13
23	23	7	12
23	22	6	12

(1) Ngày thứ mấy kể từ ngày bắt đầu có kinh vừa qua.

## Kho vàng đáy bể

**Đ**ẦU mùa xuân năm 1870. Ông Thống-Đốc nhà Ngân-hàng Tây-ban-Nha ra lệnh chuyên chở tất cả số vàng của các chi-nhánh Ngân-hàng ở miền Nam-Mỹ về Ngân-hàng Trung-trong (Tây-ban-nha). Số vàng ấy tổng cộng được hơn 70 tấn. Ông Thống-đốc đã phải nhờ các Chính-phủ Tây-ban-Nha Bồ-đào-Nha và Pháp cho nhiều đoàn Thủy-quân yểm-hộ giùm số vàng không lồ kia về nước. Tuy vậy sự rủi ro vẫn xảy đến. Khi đoàn chiến-thuyền vượt qua biển Antilles khoảng giữa quần đảo Cuba và Haiti thì bị quân hải-khẩu bủa vây. Hai bên đánh nhau dữ-dội và kết-cuộc những tàu chở vàng đều bị đánh đắm — 70 tấn vàng bị chìm sâu xuống đáy biển — Tội nay gần một trăm năm đã biết bao nhiêu cuộc mò kiếm, mà sự tìm tòi vẫn chưa có kết-quả — Năm 1872 nhà cầm quyền Tây-ban-Nha cho 1 đoàn thuyền đi tìm kiếm, nhưng vô-hiệu, đoàn thuyền khi trở về bị bão lớn đắm quá nửa, từ sau năm 1890 Nhà Ngân-hàng Tây-ban-nha đã kể như mất hẳn số vàng đó. Thì bắt đầu đến cuộc tìm kiếm của các tư-nhân, phần lớn những cuộc tìm vàng đó đều đem đến tai hại chết chóc thảm khốc, bị mất tích, bị cướp biển,

bị bão gió, bị nội-phản đâm giết lẫn nhau v.v.. Ngày 27 tháng 1 năm 1952, một chiếc thuyền đánh cá « Ré » ở La Rochelle, vị thuyền trưởng tên là Adolphe Quermogan với 8 thủy-thủ cũng mở cuộc tìm vàng đáy bể. Họ thuê một người thợ lặn chuyên môn ở Las Palmas đi theo. Khi đến Puerto Plata thì họ bị bắt (không rõ vì lý do gì). Chiếc thuyền « Ré » thủy thủ và thuyền trưởng đều bị mất tích, một vài người sau hơn 2 tháng bị nhốt tù mới được thả về. Người ta kể lại rằng thủy-thủ trên những

### TRẦN QUỐC BẢO

chiếc thuyền chở 70 tấn vàng đều bị khóa xích vào 1 chân (để phòng ngừa sự phản trắc) nên khi thuyền chìm họ đã chìm theo vàng, những kẻ hay tin dị-đoan thì cho rằng họ đã trở thành những « Ông Thần giữ cửa » ở dưới đáy biển Antilles. Trong số hàng trăm « Ông Thần » ấy lại có một vị « Nữ-Thần », đó là cô con gái tuyệt đẹp của Ông Thống Đốc. Cô đi theo một thuyền vàng tuy không bị xích chân nhưng chắc-chắn cô đã bị đắm theo thuyền vàng. Dưới Âm phủ chắc hẳn cô được phong chức « Nữ chúa Kim Hoàn » cai quản hàng trăm « Ông thần giữ cửa » để bảo vệ « kho vàng đáy biển Antilles », hiện người trần gian chưa ai lấy được.

# Buôn ơi!



(Coi từ P. T. số 1)

## CHƯƠNG III

**S**ÁNG hôm sau, một tia nắng nóng chiếu xiên vào giường tôi, ngấp cả giường và làm tan những giấc chiêm bao ly kỳ và lộn xộn đang vẫy-vùng trong giấc ngủ của tôi. Nửa mê nửa tỉnh, tôi lấy tay che mặt cho khỏi nắng, rồi tôi lại bỏ tay xuống. Đã mười giờ. Tôi thức dậy, mặc pi-ja-ma đi xuống sân thì gặp Anh-Lệ đang lật mấy tờ báo ra coi. Tôi nhận thấy nàng đánh phấn sơ sài thôi nhưng rất đẹp. Chắc nàng chưa bao giờ được nghỉ hè hoàn toàn. Nàng không để ý đến tôi, tôi cũng lạng lẽ đến ngồi một mình trên một bực tam cấp, với một tách cà-phê và một trái cam. Tôi hưởng khoái lạc buổi sáng: tôi cắn múi cam, tía nước cam bắn vào

miệng tôi, ngọt quá, tôi hớp một hụm cà-phê đen thật nóng, rồi tôi lại cắn múi cam. Nắng sớm hôm nóng mái tóc tôi, căng thẳng da mặt tôi. Trong năm phút nữa tôi sẽ đi tắm. Tiếng Anh-Lệ gọi, làm tôi dụt mình:

— Mộng-Linh không ăn gì à?  
— Sáng dậy tôi chỉ thích uống, bởi vì...

— Em phải ăn cho được ba ki-lô thì coi em mới khả-quan. Mà em cóp quá, em dơ cả xương sườn ra thế kia! Em hãy vô lấy bánh mì trét bơ mà ăn mới được đa!

Tôi năn-nỉ nàng đừng bắt tôi ăn bánh mì trét bơ, nàng sắp sửa giảng-giải cho tôi nghe sự cần-thiết phải ăn như vậy, thì Ba tôi hiện ra. Ông mặc chiếc áo dài trong nhà, có thêu những hạt đậu. Ông bảo:

— Cảnh-tượng đẹp quá chừng!  
Hai cô thiếu-nữ ngồi phơi nắng đang nói chuyện bánh mì trét bơ!

— Anh-Lệ cười bảo:

— Than ôi, chỉ có một thiếu-nữ thôi! Tôi già như anh rồi, anh Lê-Môn à!

Ba tôi khẽ nghiêng mình xuống cầm bàn tay nàng, và âu-yếm nói:

— Em vẫn hồng-hào tươi đẹp.

Tôi thấy hàng lông mi của Anh-Lệ chớp lia-lịa như được ai hôn bất ngờ. Tôi thừa dịp lánh đi. Bước lên tam cấp, tôi gặp Yến-Hoa.

Thoảng trông, biết ngay là nàng vừa mới ngủ dậy, đôi mi mắt còn sưng, môi nhợt nhạt trong khung mặt bị ánh mặt trời làm đỏ xạm. Tôi toan giữ nàng đứng lại để bảo cho nàng biết là có Anh-Lệ ngồi dưới sân với một khuôn mặt phấn sáp sạch-sẽ đàng-hoàng, và Yến-Hoa phải coi chừng kéo ra nắng thì nám da đấy. Nhưng có lẽ Yến-Hoa không cần tôi can dặn: nàng 29 tuổi, nghĩa là trẻ hơn Anh-Lệ 13 tuổi, bấy nhiêu đấy cũng đã ăn đứt Anh-Lệ rồi. Tôi vào nhà mặc áo may-dô tắm rồi chạy xuống bãi cát.

Tôi ngạc-nhiên thấy Tuấn-Sinh đã có mặt ở đó rồi, ngồi trên chiếc thuyền của chàng.

Chàng xuống thuyền, tiến đến tôi, nét mặt nghiêm, và nắm lấy hai bàn tay tôi. Chàng bảo:

— Tôi xin lỗi cô vì chuyện hôm qua.

Tôi bảo:

— Lỗi tại tôi chớ.

Tôi, thì tôi không cảm thấy có gì khó chịu cả và bộ mặt long-trọng của chàng làm tôi ngạc-nhiên. Chàng vừa đẩy thuyền ra sóng, vừa bảo:

— Tôi hối-hận lắm.

Tôi vui-vẻ nói:

— Chẳng có gì mà hối-hận.

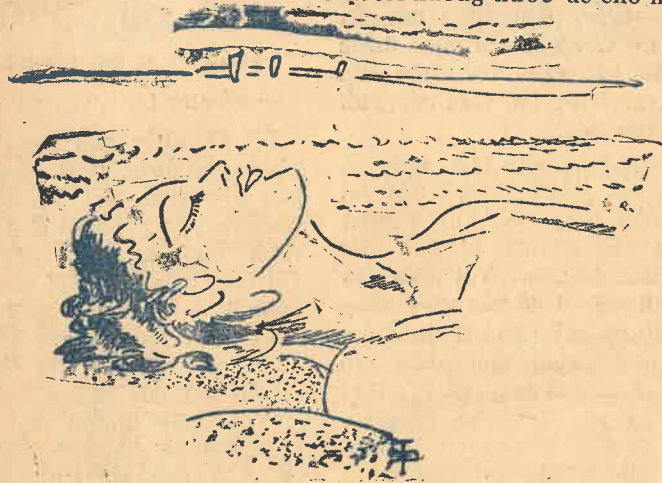
— Có chứ!

Tôi đã nhảy vào thuyền rồi. Chàng còn đứng dưới, nước đến nửa ống chân, hai tay vịn vào vành thuyền y như thể vịn vào vành móng ngựa trước tòa án. Tôi hiểu rằng chàng chưa nói thêm được một câu gì nữa thì chưa bước lên thuyền. Tôi dám đăm ngó chàng. Tôi đã biết khuôn mặt của chàng rồi. Nay tôi vẫn thấy khuôn mặt quen ấy. Tôi đoán chàng chạc 25 tuổi, và có lẽ chàng sợ tôi nghi chàng là Sở Khanh chăng? Tôi phì cười. Chàng bảo:

— Cô đừng cười mà! Cô biết chiều hôm qua tôi ăn năn lắm. Không có gì che chở cho cô khỏi bị tôi dụ-dỗ; Ba của cô, người đàn bà ấy, cái gương xấu ấy... Nếu tôi cũng bắt chước họ đối xử với cô như thế thì tôi là thằng đều-giả nhứt. Có lẽ cô cũng tưởng tôi bần tiện như...

Tôi không thấy chàng lộ bịch chút nào. Tôi cảm thấy chàng tử-tế và sẵn sàng yêu tôi ; và tôi cũng muốn yêu chàng. Tôi choàng tay vào cổ chàng, áp má tôi vào má chàng. Chàng có hai vai rộng lớn, một tấm thân cứng rắn ôm sát vào thân tôi. Tôi lẩm nhẩm :

— Anh tử tế lắm, anh Tuấn-Sinh à.



Tôi sẽ coi anh như người anh của tôi vậy.

Chàng làm bộ giận lấy tay ôm choàng cả người tôi, khẽ bế tôi ra ngoài chiếc thuyền. Chàng xiết chặt tôi vào người chàng, nung tôi lên cao để đầu tôi nằm vào vai chàng. Lúc bấy giờ tôi yêu chàng lắm. Trong ánh sáng của buổi mới, chàng cũng rực-rỡ, cũng dễ thương, cũng hiền

lành như tôi, chàng che chở cho tôi. Khi miệng chàng tìm miệng tôi, tôi bắt đầu khoái trá đến run cả người lên như chàng vậy, và nụ hôn của chúng tôi chẳng có chút gì ân hận, hoặc xấu hổ, mà chỉ là một cuộc tìm kiếm sâu đậm thoáng qua đôi lời tè tí. Tôi vụt bỏ chạy, bơi ra thuyền, con thuyền đang trôi bênh-bồng ra khỏi bến. Tôi hụp mặt tôi xuống nước để cho mát,

để cho tươi... Nước xanh lè. Tôi cảm thấy hạnh phúc hoàn toàn, vô ưu triết dễ. Mười một giờ rưỡi, Tuấn-Sinh từ già, và Ba tôi và hai bà vợ của ông hiện ra trên con đường mòn. Ông đi giữa, hai bà đi hai bên, ông nâng đỡ cả hai bà, nắm tay dắt người này rồi dắt người kia với một điệu bộ rất tự nhiên vui vẻ mà chỉ một mình ông có.

Ảnh-Lệ vẫn mặc áo choàng : trước mặt chúng tôi chăm chú nhìn nàng, nàng cời ra rất điềm nhiên, trải ra trên cát rồi nằm dài lên. Vóc người mảnh-khảnh, đôi ống chân tuyết-mỹ, nàng chỉ có đôi ba nét tàn tạ thôi. Được như thế có lẽ là nhờ nhiều năm săn sóc giữ gìn. Tự nhiên tôi mỉm cười nhường mắt ngó Ba tôi. Tôi ngạc nhiên không thấy ông ngó tôi, mà lại nhắm mắt. Còn Yến-Hoa thì ở trong tình-trạng thảm hại, nàng xoa dầu dầy cả mình. Tôi đoán chừng chỉ trong một tuần lễ là Ba tôi sẽ... Ảnh-Lệ quay lại ngó tôi :

— Mộng-Linh, sao ở đây em dậy sớm thế ? Ở Paris, em ngủ đến 12 giờ trưa cơ mà ?

— Tại ở Paris em bận học tối nhiều, nên sáng hết muốn dậy.

Nàng không mỉm cười : nàng chỉ mỉm cười lúc nào nàng thích cười, chứ ít khi cười xã giao như mọi người.

— Còn thì cử ra sao ?

— Hồng ! Hồng hét !

— Tháng mười, thì lại em phải đỡ đấy nhé.

Ba tôi xen vào :

— Tại sao phải thi đỡ ? Tôi, đây có mảnh bằng cấp nào đâu, mà đời tôi cũng phong - lưu chán !

— Nhộ anh có sẵn tiền của,

Ba tôi nói một giọng cao-thượng :

— Con gái tôi thế nào cũng sẽ kiếm được những người đàn-ông để nuôi dưỡng nó.

Yến-Hoa cười rồ lên, đến khi thấy cả ba chúng tôi đều ngó nàng, nàng mới hết cười.

Ảnh Lệ nhắm mắt để chăm dứt câu chuyện :

— Nghỉ hè này Mộng - Linh phải học.

Tôi trao sang Ba tôi một tia nhìn thất vọng. Ông đáp lại tôi bằng một nụ cười nho nhỏ và ngượng-ngịu. Tôi tự thấy ngồi trước những trang sách của Bergson với những dòng chữ đen thui đập vào mắt tôi và nụ cười của Tuấn-Sinh ở cuối trang. Ý nghĩ ấy làm tôi kình-khủng. Tôi lếch tới Ảnh Lệ. Nàng trở mắt nhìn tôi. Tôi nghiêng xuống một bộ mặt lo-lắng, cầu khẩn, và làm cho má tôi cóp thêm vào cho ra vẻ một người trí thức làm việc uể-oải. Tôi bảo :

— Ảnh-Lệ, bà đừng bắt tôi làm việc ấy nhé, đừng bắt tôi học dưới sức nắng... Cho tôi nghỉ hè để lấy lại chút ít sức khoẻ.

Nàng đắm đắm nhìn tôi một lúc, rồi cười cách bí mật, quay đầu đi chỗ khác : đáng lẽ tôi phải bắt em học — mặc dù nóng nực như em nói. Tôi biết tính em, em chỉ giận tôi trong hai hôm nhưng em sẽ thi đỗ,

Tôi trả lời, không cười :

— Có những chuyện mà người không thể tập cho quen được.

Nàng lờm tôi có vẻ lấu lỉnh. Tôi lại nằm trở xuống đất lòng lo ngại lắm. Yến-Hoa nói lu-bù về các cuộc tiệc tùng ở bãi biển. Nhưng Ba tôi không nghe: bộ ba ấy nằm chụm lại thành một hình tam giác mà Ba tôi ở trên đỉnh, quay mặt lại ngó đăm đăm hình dáng của Anh-Lê nằm nghiêng một bên và hai vai của nàng. Bàn tay ông mở ra và nằm lại trên cát bằng một điệu bộ hiền lành, đều đều, không chán. Tôi nhảy ra biển, hụp xuống nước, vừa rên về những ngày nghỉ hè mà đáng lẽ chúng tôi được hưởng, mà có lẽ chúng

tôi không được hưởng. Chúng tôi có đầy đủ những yếu tố của một thảm kịch: một người đàn ông hay quyến rũ đàn bà, một cô ả thích chơi bời, và một bà cứng đầu. Tôi thấy dưới đáy biển một vỏ ốc xinh xắn, một viên đá hồng và xanh; tôi lặn xuống nước để lượm nó rồi cầm chơi trong tay cho đến bữa ăn trưa. Tôi định coi viên đá ấy như một vật coi hên mà suốt mùa hè tôi không rời bỏ. Vật gì tôi cũng hay đánh mất, nhưng tôi không hiểu sao viên đá này tôi còn giữ được mãi. Hôm nay nó vẫn nằm trong tay tôi, hồng hồng và âm âm, nhìn nó tôi muốn khóc.

HẾT CHƯƠNG III

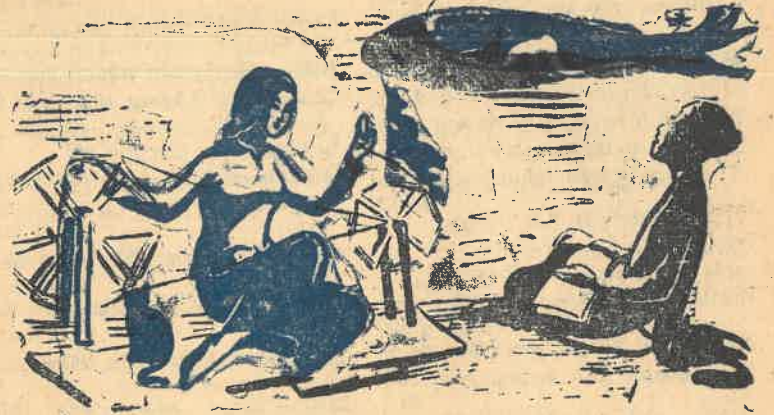
P. T. SỐ 2

## Đỉnh Chính

Bài Shakespeare, đại kịch sĩ Anh (trang 106)

Trang	Cột	Giòng	In là...	Xin đọc
106	2	15	một cái móc	một cái móc
107	1	6	gấp gờ chung ủa	gấp gờ chung của
107	1	7	nhưng với	nhưng với
107	1	12	khao khác	khao-khát
107	1	28	tiếng Vương thân	tiếng vương-thần
107	1	29	thênh thênh	thênh-thênh
107	2	31	is but Jantastical	is but fantastical
108	2	13	Island	I stand
108	2	39	một cách dễ dàng nhất là	một cách dễ dàng, nhất là

# VIỆT-NAM QUA 4.000 NĂM CA-ĐAO



## ✂ ☆ ★ ☆ BA TÈO ☆ ★ ☆ ✂

(Xem Phở-Thông từ bộ mới số 1)

● của Lâm-Bình-Lễ (Tuy-hòa)

2173.— Con ai đem bỏ chùa này  
Nam Mô A-di-dà Phật con thầy  
thầy nuôi.

2174 — Trai anh hùng mắc nạn  
Dã như quốc Trọng bị vấy  
Ơi mấy chị em mình ơi  
Lập cơ mưu đồ trận

Ra biển hồ Tây mà cứu chàng  
2175 — Tối trời như mực như  
than.

Thương anh bắt quân đôi dàng  
xa xôi.

2176 — Ơi anh ơi anh có xa thì  
xa cho mắt

Anh có lại gần thì cho thành thất  
thành tha

Em khuyên anh đừng lại lại qua  
qua

Một mai kia thầy mẹ biết dựng  
đánh la tự mình

2177,— Khổ chi phận em cha-chả  
là cam phận khổ.

Lên non đốn củi dựng chỗ đốn rồi  
Xuống sông gánh nước

Đựng chỗ cát bồi khe khô!

2178.— Sóng ba đào khi không  
mà vấy

Em bậu có chồng rồi nửa chừng  
dứt giống loại đôn triêng

Anh vô thay lời đời mặt cầm  
quyền chó con em

2179.— Lan huệ sâu ai lan huệ  
héo ngoài trời

2180.— Chim xanh xanh ăn trái  
xoài xanh  
Ăn no tắm mát lên ngành nghĩ  
ngợi

Cực lòng lan lăm huệ ơi  
Kiếm nơi mô im mát huệ ngồi  
cho Lan phân!

● của bạn Nam-trọng-Dân

2181.— Đói lòng ăn trái ở qua,

Nuốt vỏ thì dặng nhả ra bạn cười

2182.— Con mèo con mèo con mèo

Ai dạy mày trèo chẳng dạy tao  
leo?

2183.— Cứu vật, vật trả ơn

Cứu nhơn, nhơn trả oán

2184.— Có cha có mẹ thì hơn

Không cha không mẹ như đờn  
đùi gãy.

2185.— Cô kia tát nước bên đàng

Sao có mức ánh trăng vàng đỏ  
đi?

2186.— Trồng tre trở gốc lên trời

Con chị qua đời rồi đến con em

2187.— Mẹ gà con vịt chích chiu

Mấy đời đi ghê nưng niu con  
chồng

2188.— Trồng trâu thì phải khai

làm trai hai vợ phải thương cho  
đồng

2189.— Đói ta như ruộng nần sào

Cách bờ ở giữa làm sao cho liền?

2190.— Đói ta như thể đồng tiền

Đồng sắp đống ngửa, đồng nghiêng  
đồng nằm

2191.— Đói ta như thể con tằm

Cùng ăn một kén cùng nằm một  
nong.

2192.— Đói ta như thể con ong

Con quần con quit, con trong con  
ngoài

2193.— Đói ta như thể con bâu

Chồng đánh vợ kết chẳng sai  
ván nào

2194.— Đói ta như thể con đeo

Năng liếc thì sắc năng chào thì  
quen

2195.— Chuối cây mình chuối  
đồng trĩnh

Chuối ở một mình sao chuối có  
con?

2196.— Đa đa dàu nhánh cây đa,

Chồng gần không lấy, em lấy  
chồng xa,

Một mai cha yếu mẹ già

Bát cơm ai đỡ, bộ kỹ trả ai đưng?

2197.— Chim uyên ăn trái nhần  
lồng

Thia Thia quen chầu vợ chồng  
quen hơi.

2198.— Sáng trăng trái chiếu hai  
hàng

Bên anh đọc sách bên nàng quay  
lơ

2199.— Nước ròng chảy thâu  
Nam-Vang,

Làm thơ để lại em khoan lấy  
chồng

2200.— Quay tơ phải giữ mối tơ

Dầu năm bảy mối cũng chờ mối  
anh.

2201.— Ba bốn nơi đến rồi không  
màng

Chờ nơi chết vợ sẵn sàng qui mộ

2202.— Một cây làm chẳng nên  
non

Ba cây dùm lại nên hòn núi  
cao.

2203.— Một tay võ không kêu

Ba tay võ nên bộp.

2204.— Tiếng anh là học trò tày

Lại dạy em hỏi cây điều  
mấy bông

Em về đếm cá dưới sông

Đề anh ở lại đếm bóng  
cây điều.

2205.— Con cua không sợ, sợ con  
còng

Người du còn anh không sợ

Sợ gái hai lòng hại anh.

2206.— Tiếng anh ăn học bên Tàu

Chị dáu té giếng, nắm chỗ nào  
kéo lên

Nắm trên đầu thì sợ lỗi trời trên

Thò tay nắm áo kéo lên tức thì.

2207.— Hãy theo anh xuống

thành, xem nam thanh nữ tú,

Ở chi đất này vườn hủ chim  
kêu!

2208.— Nghe đồn cha mẹ anh hiền

Cần cơm không bẻ, cần tiền bẻ  
hai!

2209.— Má ơi con má chính  
chuyên

Chính chuyên với má nó liền với  
trai.

2210.— Má ơi con má hư rồi,

Má đừng trang điểm phấn dôi  
uồng công!

2211.— Ai đi bờ đắp một mình

Phất phơ chéo áo giống hình lang  
quản?

2212.— Gió chiều thổi kéo ngọn  
dừa.

Giữ tình tại bạn em chưa tiếng  
gi.

2213.— Gió đưa bông cúc bông  
trang.

Bông búp về nàng bông nở về  
anh.

2214.— Gió đưa bụi chuối sau hè

Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ.

2215.— Con thơ tay ấm tay bông

Tay dất mẹ chồng đầu đội thùng  
bông.

2216.— Thiếp về lựa chuối thiếp

Lựa hương thiếp thắp lựa chùa  
thiếp tu.

2217.— Thiếp than phận thiếp  
còn thơ,

Lấy chồng xa xứ bơ vơ một mình.

2218.— Tiên đưa một chén qua

Chàng đi thiếp ở lại nhà buôn  
tanh.

2219.— Tay bưng chậu cúc năm  
bông

Chờ anh chẳng dặng nên trong  
xuống đây.

2220.— Tay cầm cái kéo cây kim

Vai many hàng lựa đi tìm thợ  
may

2221.— Em có trâu tằm cho anh  
một miếng

Anh có vợ nhà làm biếng quên  
tằm.

2222.— Trầu em trầu gói trong  
khăn

Trầu gói trong áo anh ăn sao  
dành?

2223.— Lục bình bác giác cầm  
các bông hương

Má anh kén dáu anh thì kén vợ  
Đạo cang thường sẽ ra sao!

2224.— Áo vá vai vợ ai không  
biết

Áo vá quần chỉ quyết vợ anh.

2225.— Bậu để chể cho ai xé hai  
anh nữa

Bậu để chể cho chồng nhúm lửa  
đốt đi.

2226.— Thị dáu cho đỡ mồ hôi

Chiếu trái không ngồi trầu bỏ  
không ăn?

2227.— Vi dầu cá bóng hai hàng

Cá trê hai ngạnh tôm càng hai  
rán.

2228.— Đi dáu cho thiếp theo  
cùng

Đói no thiếp chịu lạnh lùng thiếp  
cam.



# NHỜ CÁC BẠN TRẢ LỜI GIÙM

- ★ 1.— Một vị Chúa-tể Việt-Nam có bệnh sợ sấm-sét, mỗi lần nghe tiếng sấm nổ thì lật đật chạy trốn xuống cái hầm đào trong cung. Vị Chúa-tể ấy tên là gì ? ở đời nào ?
- ★ 2.— Ai ra về câu đối này :  
*Ngọc Tàng nhất điềm, nhập vi Chúa, xuất vi Vương.  
(Chữ Ngọc có chứa một nét chấm, nét chấm ấy vào thì thành chữ Chúa ra thì thành chữ Vương).*
- Và ai đã đối lại :  
*Thồ tiệt bán hoành, thuận giả thượng, nghịch giả hạ.  
(chữ Thồ cắt đi nửa nét ngang, để thuận thì thành chữ Thượng, để ngược thì thành chữ Hạ).*
- ★ 3.— Trong Văn-học-sử Việt-nam, có câu đối trên ?  
miền Nam tên là cô Hai Hòn. Tên thật của cô là gì ?
- ★ 4.— Ngoài Bắc, có một câu ca-dao :  
Nhứt Đạc, nhì Ke, tam Ma, tứ Bích. Nhờ các bạn giảng nghĩa hộ cho rành mạch.
- ★ 5.— Tại sao những cuộc lễ lại bắn 21 phát súng thần công để chào mừng, sao lại 21 phát, không bắn 15 hay 20 chẳng hạn, 21 phát là nghĩa gì ? Xin Ông vui lòng chỉ hộ cho.

(Câu hỏi thứ 5 là của Ô. NGUYỄN THIÊN THÌ.  
117 đường Nguyễn công Trứ — Sài-gòn)

(Xem những bài đáp, trong Phở-Thông số 4)

Tất cả thư-từ đều gửi:

**Ô. NGUYỄN-VỸ**

Giám-đọc Chủ Bút tạp-chí PHỞ-THÔNG  
227, Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

Tổng phát-hành : Nam-Cường 185, Nguyễn-thái-Học Saigon

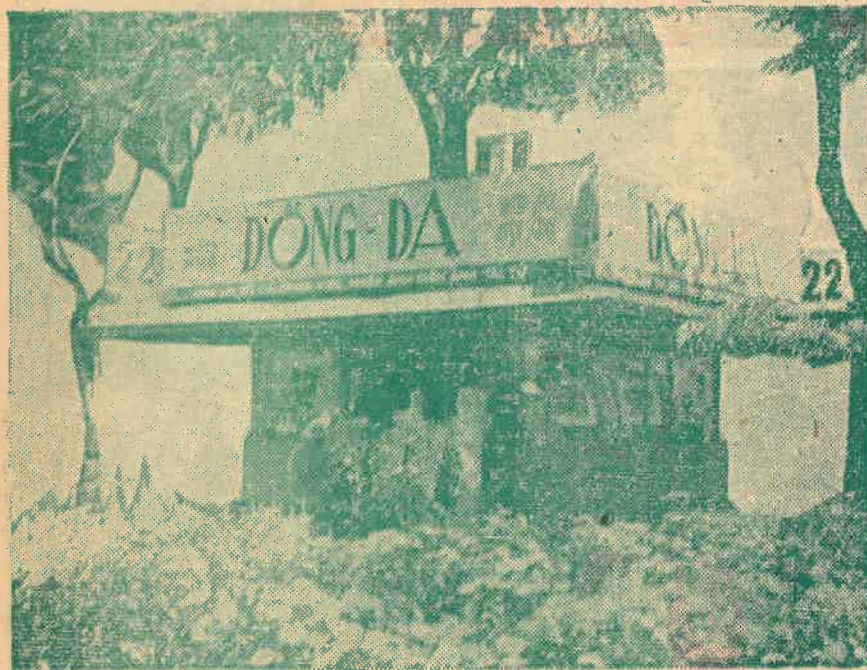
Kiểm-duyet số 87 ngày 10-12-58



**Dân-Ta**

**ĐÃ  
PHÁT-HÀNH  
NĂM 1957**

★ Một địa-chỉ tin nhiệm mà quý vị muốn có những tấm chân-duyag nghệ-thuật



# DÔNG ĐÀ

Quán 22 - 24

NGUYỄN-HUỆ

SAIGON

- ★ Một nơi đáng tin-cậy của quý bạn nhiếp ảnh tài-tử muốn tráng phim, in, rọi hình đủ loại.
- ★ Một địa điểm triển-lãm thường trực những tác-phẩm nhiếp ảnh chọn lọc.
- ★ Một nơi đầy đủ chuyên viên lành nghề dè quay phim và chụp hình tại nhà.



*Marc-Ten! chỉ một ly thôi.  
 Âm lòng, lên cả hương đời về tình...  
 ... là thời khắc tình.*

# CÓ MẤY LOẠI THUỐC BỔ?

## BỔ TRẺ CON

Cam tích, bụng lớn nổi gân xanh đỏ mồ hôi  
đầu, ăn uống chậm tiêu, hãy uống NHI KHOA  
BÁ BỔ HOÀN, trẻ em sẽ được mập mạnh  
màu lớn.

Giá 30 \$ 00.

## BỔ THANH-NIÊN

Thận suy, đau lưng nhức mỏi, mộng mị  
đi tinh, sức lực suy nhược, hãy uống TAM  
TINH HẢI CẦU BỔ THẬN HOÀN hàng hái  
yêu đời.

Giá 32 \$ 50.

## BỔ TRUNG-NIÊN

Vì quá lao tâm lao lực, đau lưng, ngực  
rang, đầu váng, bần thần mệt nhọc, ít ngủ,  
đái đêm, phòng sự yếu, hãy uống SÂM  
NHUNG DƯƠNG TÂM BỔ THẬN HOÀN  
sẽ được như ý.

Giá 39 \$ 00.

## BỔ LÃO

Các cụ lưng mỏi, gối dòn, khí huyết  
suy kém, tỳ vị hư nhược, ít ăn ít ngủ,  
uống thuốc DIỄN LINH ÍCH THỌ HOÀN, sẽ  
được tỏ tai sáng mắt, sống lâu thêm tuổi.

Giá 39 \$ 00

**NHÀ THUỐC VÕ-VĂN-VĂN**  
201-211, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học  
SAIGON



## ĐỀ BỒ PHỔI, TRỊ HO

DÙNG THUỐC CAO HO:

## QUẢNG-AN-TIÊN

Lành ho, mát phổi, thông đàm. Cực kỳ  
công hiệu với bệnh: Ho lao. Ho sút huyết.  
Ho sản hậu. (Có bán khắp nơi) và tại nhà  
thuốc:

## QUẢNG-AN-HÒA

169, Lê-văn-Duyệt (Chợ Đút) — SAIGON

Tại đây, Đông-y-Sĩ LÝ-TRÁC xem mạch mỗi ngày.

Chuyên trị các bệnh của Nam phụ lão ấu.

Đề trị tất cả các chứng lao lực, lao tâm,  
thiếu máu, kém ăn, ít ngủ chỉ có:

## ĐẠI BỔ NGŨ TẠNG-TINH LA-VẠN-LINH

Dùng vài ngày đủ thấy dứt mệt, hết nhức mỗi  
đau lưng, được ăn ngon ngủ yên. Một hiệu thuốc  
trị lành bệnh di-tinh của thanh niên, bổ huyết điều  
kinh cho phụ nữ, bảo vệ sức khỏe cho trẻ em học  
sinh có hiệu quả lạ. Ai dùng qua cũng đều vừa  
ý — (có đề bán khắp nơi).

Dùng Dầu LA-VẠN-LINH đề ngừa và trị:  
nhức đầu, đau bụng, cảm, sởi mũi, Mùi thơm  
dịu — (có bán khắp nơi).